

**LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ
XÃ DƯƠNG PHONG
(1946-2015)**

THE UNIVERSITY OF CHICAGO
LIBRARY
(1210-5012)

**BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ XÃ DƯƠNG PHONG
HUYỆN BẠCH THÔNG - TỈNH BẮC KẠN**

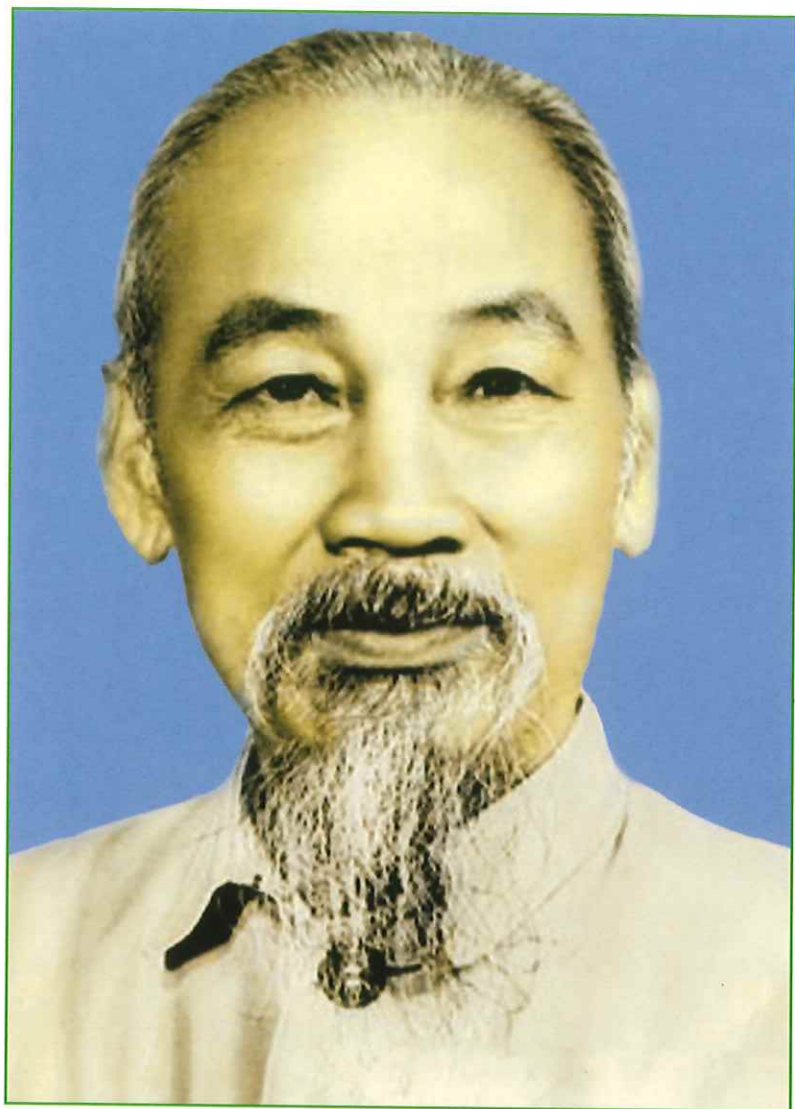
**LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ
XÃ DƯƠNG PHONG
(1946 - 2015)**

NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN

XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN BỘ XÃ DƯƠNG PHONG
HUYỆN SƠN LĨNH - TỈNH QUẢNG BÌNH

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ XÃ DƯƠNG PHONG (1946 - 2012)

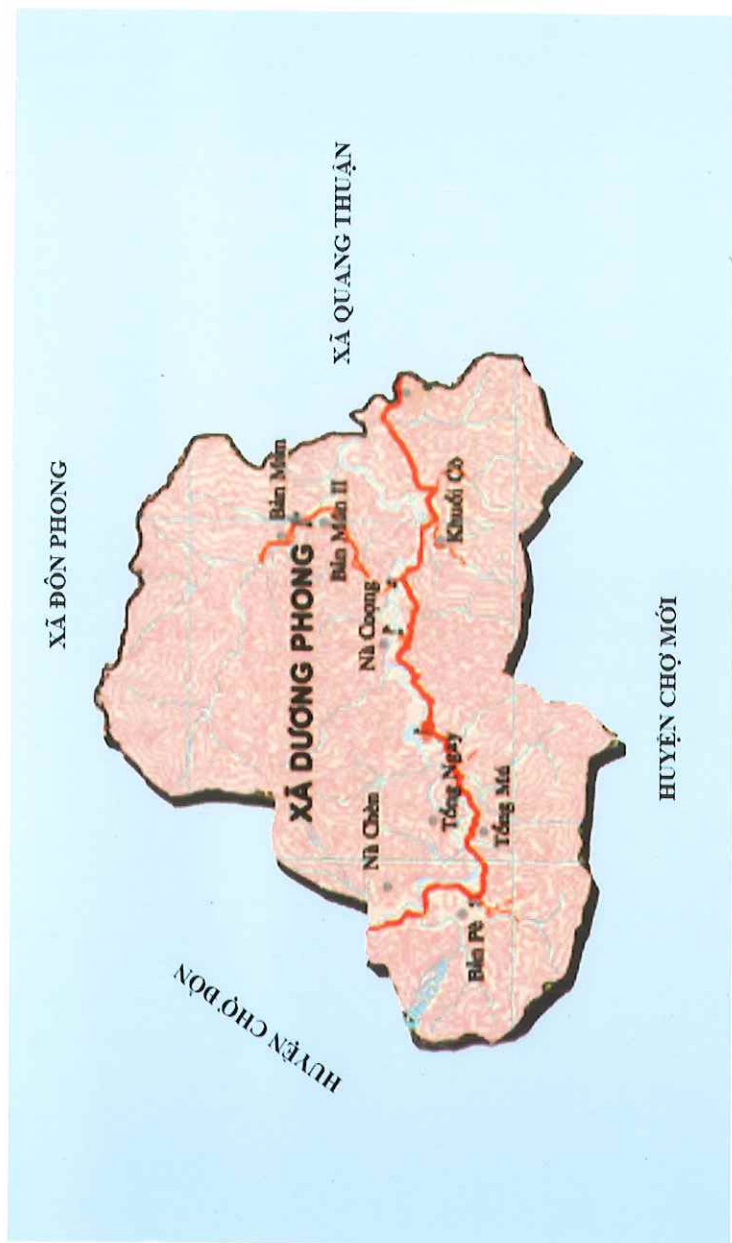
ĐẢNG BỘ XÃ DƯƠNG PHONG



CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH
(1890-1969)

NGƯỜI SÁNG LẬP VÀ RÈN LUYỆN ĐẢNG TA





Bản đồ hành chính xã Dương Phong



BAN CHỈ ĐẠO BIÊN SOẠN

Ma Văn Thời

Bí thư Đảng ủy - Trưởng ban

Bế Xuân Trường

Phó Bí thư Đảng ủy - Phó ban

Chu Thế Hưu

Chủ tịch UBND xã - Phó Ban

BAN SỬU TÂM TƯ LIỆU

Bế Xuân Trường

Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy - Trưởng ban

Bùi Đăng Tuấn

Phó Chủ tịch HĐND xã - Thành viên

Trần Duy Thân

Phó Chủ tịch UBND xã - Thành viên

Nguyễn Lương Tuệ

Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã - Thành viên

Lê Thị Thúy

Công chức Văn phòng Đảng ủy xã - Thành viên

BAN NGHIÊN CỨU - BIÊN SOẠN

Thạc sĩ Lịch sử: Đoàn Văn Trường

Cử nhân Lịch sử: Nguyễn Thanh Tùng

Cử nhân Lịch sử: Nguyễn Thị Huyền

Cử nhân văn học: Lã Bích Nga

Cố vấn khoa học: PGS. TS Phạm Xuân Mỹ

Ban Chỉ đạo biên soạn



Bê Xuân Trường
PBT thường trực Đảng ủy



Ma Văn Thời
Bí thư Đảng ủy



Chu Thế Hưu
PBT Chủ tịch Ủy ban nhân dân



Ban sưu tầm



Hội thảo Lịch sử Đảng bộ xã Dương Phong (1946-2015)



Các đại biểu tham dự Hội thảo Lịch sử Đảng bộ xã Dương Phong (1946-2015)

LỜI GIỚI THIỆU

Dương Phong là một xã nằm ở phía Tây của huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn. Đây là một vùng đất có bề dày lịch sử, với cơ tầng văn hóa phong phú và đậm đà bản sắc dân tộc. Nhân dân nơi đây luôn cần cù trong lao động, sáng tạo trong sản xuất và chinh phục tự nhiên, anh dũng kiên cường trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Đầu năm 1946, thực hiện chủ trương của cấp trên 2 xã Dương Quang và Đôn Phong sáp nhập làm một, xã lấy tên là xã Phong Quang. Đến tháng 8-1953, xã Phong Quang được tách thành 4 xã nhỏ: Thanh Phong (Dương Phong), Hồng Phong (Quang Thuận), Minh Khai (Đôn Phong), Đình Phùng (Dương Quang). Cũng trong năm này, Chi bộ Đảng xã Thanh Phong (Dương Phong) được thành lập, đánh dấu bước ngoặt quan trọng đối với phong trào cách mạng của địa phương. Sự ra đời của Chi bộ Đảng là nhân tố quan trọng lãnh đạo nhân dân trong xã vươn lên hoàn thành tốt các nhiệm vụ kinh tế - văn hóa - xã hội, góp phần xây dựng hậu phương vững mạnh, chi viện sức người, sức của cho cuộc kháng chiến chống quân xâm lược. Đến năm 1964, theo Quyết định số 150/NV ngày 12-5-1964 của Bộ Nội vụ, xã Thanh Phong được đổi tên thành xã Dương Phong.

Trong hai cuộc đấu tranh cách mạng giải phóng dân tộc chống Pháp và chống Mỹ (1945-1975), cán bộ, nhân dân các dân tộc ở Dương Phong luôn phát huy tinh thần yêu nước nồng nàn, hoàn thành công tác chi viện sức người sức của cho tiền tuyến. Góp phần vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh giải phóng dân tộc ở miền Nam, thống nhất đất nước (1975).

Qua thực tế lãnh đạo phát triển cách mạng địa phương, Chi bộ Đảng xã Dương Phong đã không ngừng lớn mạnh và trưởng thành. Đó là cơ sở tiền đề cho việc thành lập Đảng bộ xã năm 1986, khẳng định một bước chuyển mới trong quá trình tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng với phong trào cách mạng địa phương. Bước vào thời kỳ đổi mới, Đảng bộ Dương Phong tiếp tục lãnh đạo nhân dân tích cực phát huy truyền thống yêu nước, tinh thần cần cù, sáng tạo trong lao động, ý chí vươn lên để vượt qua mọi thử thách, góp phần xây dựng quê hương Dương Phong ngày càng giàu đẹp, văn minh.

Để ghi lại những kết quả đạt được trong chiến đấu cũng như trong lao động sản xuất của nhân dân Dương Phong; đồng thời góp phần giáo dục tinh thần yêu nước, truyền thống cách mạng của quê hương cho thế hệ trẻ, thực hiện Chỉ thị số 15-CT/TW, ngày 28-02-2002 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa IX) “Về tăng cường và nâng cao chất lượng nghiên cứu, biên soạn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam”, chủ trương của Tỉnh ủy Bắc Kạn, Huyện ủy Bạch Thông về đẩy mạnh công tác nghiên cứu, biên soạn lịch sử Đảng bộ cơ sở, Ban Chấp hành Đảng bộ xã Dương Phong nhiệm kỳ 2015-2020 đã ban hành Nghị quyết về

việc sưu tầm, nghiên cứu, biên soạn và xuất bản cuốn sách **“Lịch sử Đảng bộ xã Dương Phong (1946-2015)”**.

Cuốn sách được ra mắt bạn đọc là sự cố gắng, nỗ lực lớn của Ban Chấp hành Đảng bộ xã, các đồng chí trong Ban Sưu tầm tư liệu, Ban Nghiên cứu biên soạn, cũng như sự tham gia nhiệt tình cung cấp thông tin, tư liệu của các đồng chí cán bộ, đảng viên là nhân chứng hoạt động qua các thời kỳ và toàn thể nhân dân xã nhà. Ban Chấp hành Đảng bộ xã Dương Phong xin trân trọng ghi nhận những đóng góp của các đồng chí. Nhân dịp cuốn sách được xuất bản, chúng tôi trân trọng cảm ơn sự quan tâm, chỉ đạo của Ban Thường vụ Huyện ủy Bạch Thông, Ban Tuyên giáo Huyện ủy, Ban Sưu tầm tư liệu, Ban Nghiên cứu biên soạn, cán bộ, đảng viên và nhân dân trong xã đã giúp chúng tôi hoàn thành công trình khoa học **“Lịch sử Đảng bộ xã Dương Phong (1946-2015)”**.

Mặc dù đã có nhiều cố gắng nhưng do nguồn tư liệu thành văn bị thất lạc, các nhân chứng lịch sử người còn, người mất nên cuốn sách không tránh khỏi những thiếu sót, hạn chế. Ban Chấp hành Đảng bộ xã Dương Phong rất mong nhận được ý kiến đóng góp của cán bộ, đảng viên và nhân dân trong xã cùng bạn đọc gần xa để lần tái bản sau cuốn sách được hoàn thiện hơn.

Xin trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc.

T/M BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ XÃ

Bí thư

Ma Văn Thời

Chương I

DƯƠNG PHONG - VÙNG ĐẤT, CON NGƯỜI VÀ TRUYỀN THỐNG LỊCH SỬ, VĂN HÓA

I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN VÀ QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÙNG ĐẤT

1. Vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên

Xã Dương Phong nằm ở phía Tây của huyện Bạch Thông, cách thị xã Bắc Kạn 20km. Xã có vị trí địa lý khá thuận lợi, là địa bàn từ lâu đã diễn ra quá trình tiếp xúc, giao lưu văn hóa và kinh tế.

Phía Đông giáp xã Quang Thuận, huyện Bạch Thông

Phía Tây giáp xã Đông Viên, huyện Chợ Đồn

Phía Nam giáp xã Mai Lạp, huyện Chợ Mới

Phía Bắc giáp xã Đôn Phong, huyện Bạch Thông

Là một xã miền núi thuộc huyện Bạch Thông, xã Dương Phong có địa hình khá đa dạng: nhiều núi cao xen kẽ với vùng đất bằng phẳng. Độ cao trung bình khoảng 500m so với mực nước biển. Cá biệt, ở phía Tây Bắc của xã có đỉnh núi Ba Lệnh cao 700m so với mực nước biển. Dòng sông Cầu chảy qua địa bàn xã đã góp phần cung cấp nước và một lượng không nhỏ phù sa cho các cánh đồng. Năm 2015, xã có tổng diện tích đất tự nhiên là 4.889,71ha, phần lớn là đất rừng, đất trồng cây lâu năm và cây hàng năm chiếm đến 97,6%.

Khí hậu xã Dương Phong mang đặc trưng của vùng Đông Bắc nhiệt đới gió mùa. Nhiệt độ trung bình trong năm từ 18-25°C; mùa đông nhiệt độ có khi xuống tới 6-8°C. Chế độ mưa có sự phân biệt rõ rệt thành hai mùa: mùa khô kéo dài từ tháng 11 đến tháng 3 năm sau; mùa mưa từ tháng 4 đến tháng 10 với tổng lượng mưa trung bình khoảng 1.500mm/năm.

Nhìn chung, với vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên như trên đã và đang là yếu tố tác động trực tiếp đến sự phát triển của địa phương: vị trí thuận tiện cho việc giao lưu kinh tế, buôn bán với các khu vực lân cận; thích hợp phát triển ngành nông - lâm nghiệp đa dạng với nhiều loại cây trồng, vật nuôi khác nhau, đặc biệt là cam, quýt. Tuy nhiên, điều kiện tự nhiên cũng mang lại cho địa phương một số khó khăn như: quỹ đất để phát triển xây dựng khá hạn chế do địa hình đồi núi chiếm tỷ lệ lớn; vào mùa đông tình trạng sương muối, rét đậm rét hại xuất hiện, ảnh hưởng không tốt đến hoạt động sản xuất của nhân dân.

2. Quá trình hình thành vùng đất

Dương Phong là một trong 17 xã, thị trấn của huyện Bạch Thông, do đó quá trình hình thành vùng đất của địa phương cũng không nằm ngoài dòng chảy lịch sử của huyện Bạch Thông. Dưới thời nhà Lý (1009-1225), nhà Trần (1225-1400), vùng đất Dương Phong thuộc huyện Vĩnh Thông. Đến triều nhà Lê, vào năm Hồng Đức thứ 21 (1490), vua Lê Thánh Tông cho đổi thành châu Bạch Thông, cử phiên thân họ Hoàng nối đời cai quản. Tên gọi Bạch Thông có từ đây và giữ nguyên đến hiện nay. Tuy nhiên, trải qua các thời kỳ có sự thay đổi về địa giới hành chính.

Ngày 11-4-1900, Toàn quyền Đông Dương ra Nghị định thành lập tỉnh Bắc Kạn gồm 4 châu: Bạch Thông¹, Chợ Rã, Thông Hóa (sau đổi thành Na Rì), Cẩm Hóa (sau đổi thành Ngân Sơn). Từ lúc này cho đến trước năm 1945, vùng đất Dương Phong thuộc tổng Nông Thượng, châu Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn.

Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, nhằm phục vụ tốt hơn yêu cầu quản lý về mặt hành chính Nhà nước, đầu năm 1946, Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa chỉ đạo xóa bỏ cấp phủ (ở đồng bằng), châu (ở miền núi) và tổng, thiết lập 4 cấp quản lý gồm: Trung ương, tỉnh, huyện, xã. Theo đó, tháng 3-1946, xã Phong Quang chính thức được thành lập (bao gồm phần đất của 4 xã Dương Phong, Dương Quang, Quang Thuận và Đôn Phong ngày nay).

Từ tháng 3-1953, thực hiện chỉ đạo của Trung ương về việc điều chỉnh địa giới hành chính một số xã thuộc huyện Bạch Thông, ngày 1-8-1953, xã Phong Quang được giải thể để thành lập 4 xã mới là: Thanh Phong², Hồng Phong, Minh Khai và Đình Phùng. Thời điểm mới thành lập, xã Thanh Phong gồm 7 thôn: Miếu Môn, Bản Pè, Tổng Mú, Nà Phầy, Nà Coọng, Bản Mún, Khuổi Cò (với khoảng 75 hộ dân, trong đó chủ yếu là người Tày).

Từ năm 1964, theo Quyết định số 150/NV (12-5-1964) của Bộ Nội vụ “Về việc sửa đổi tên một số xã của tỉnh Bắc Kạn”, xã Thanh Phong được đổi thành Dương

1. Năm 1916, Toàn quyền Đông Dương ra Nghị định cắt một số tổng thuộc châu Bạch Thông và châu Chợ Rã để thành lập châu Chợ Đồn.

2. Tên gọi xã Dương Phong ngày nay.

Phong¹, thuộc huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn. Năm 1965, tỉnh Bắc Kạn và tỉnh Thái Nguyên hợp nhất thành tỉnh Bắc Thái, xã Dương Phong thuộc huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Thái. Năm 1997, tỉnh Bắc Kạn được tái lập, xã Dương Phong thuộc huyện Bạch Thông tỉnh Bắc Kạn và ổn định địa giới hành chính từ đó đến nay. Tính đến năm 2015, xã Dương Phong có 450 hộ với 1.822 nhân khẩu, sinh sống ở 10 thôn: Nà Chèn (trước là thôn Miếu Môn), Bản Pè và Bản Mèn (tách ra từ Bản Pè), Tổng Ngay (trước là thôn Nà Phây), Bản Chàm (tách ra từ thôn Khuổi Cò), Bản Mún 1 và Bản Mún 2 (do Bản Mún tách ra), Khuổi Cò, Tổng Mú và thôn Nà Coọng.

Xã hiện có chủ yếu 3 thành phần dân tộc anh em cùng sinh sống gồm người: Tày, Dao, Kinh và một số dân tộc khác như Nùng, Cao Lan... Trong đó, người Tày được coi là cư dân gốc, có công khai phá và hình thành nên vùng đất này. Họ phân bố chủ yếu ở 7 thôn: Nà Chèn, Bản Pè, Bản Mèn, Tổng Ngay, Bản Mún 2, Tổng Mú và thôn Nà Coọng. Người Dao sống chủ yếu ở Khuổi Cò, Bản Chàm và Bản Mún 1. Trong khi đó, người Kinh phân bố rải rác ở cả 10 thôn trong xã². Người Nùng không hình thành hộ, do chỉ có một số người phụ nữ về làm dâu trong các gia đình.

Vốn là một xã miền núi của huyện Bạch Thông, đất đai phần nhiều là đồi núi, từ bao đời nay người dân nơi

1. Xã Hồng Phong đổi gọi là xã Quang Thuận; xã Minh Khai đổi thành xã Đôn Phong; xã Đình Phùng thành xã Dương Quang.

2. Người Kinh bắt đầu lên xã Dương Phong sinh sống từ thập niên 60 của thế kỷ XX theo chủ trương đi xây dựng vùng kinh tế mới của Nhà nước.

đây sống chủ yếu dựa vào phát triển nông, lâm nghiệp, trong đó xã Dương Phong nổi tiếng với nghề trồng cây ăn quả (cam, quýt); các ngành tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ thương mại còn chậm phát triển. Đặc biệt, nhờ có tuyến tỉnh lộ 257 nối từ trung tâm thành phố Bắc Kạn đi huyện Chợ Đồn chạy qua đã tạo nên điều kiện thuận lợi giúp địa phương phát triển kinh tế, cũng như mở rộng giao lưu với các vùng khác trong tỉnh, huyện.

Những năm qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ xã, nhân dân Dương Phong đã giành được nhiều kết quả quan trọng trong phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội. Đời sống vật chất, tinh thần của người dân được nâng cao. Trải qua những thăng trầm của lịch sử, nhân dân Dương Phong luôn đoàn kết, quyết tâm vượt qua khó khăn để xây dựng quê hương phát triển theo đúng chủ trương lãnh đạo của Đảng. Những kết quả đạt được sẽ là cơ sở, động lực để cán bộ và nhân dân xã nhà tiếp tục thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ về kinh tế, chính trị, văn hóa xã hội trong chặng đường tiếp theo.

II. TRUYỀN THỐNG LỊCH SỬ, VĂN HÓA

Trong suốt chiều dài lịch sử khai phá ruộng nương xây dựng thôn bản, nhân dân các dân tộc trên địa bàn xã Dương Phong luôn phát huy truyền thống yêu nước, luôn tích cực trong công cuộc xây dựng và bảo vệ quê hương ngày càng giàu đẹp. Trải qua hàng trăm năm lịch sử đó, nhân dân xã Dương Phong đã gây dựng và bồi đắp nên truyền thống đoàn kết, gắn bó trong lao động sản xuất và chiến đấu. Từ đó, hun đúc nên những đức tính tốt đẹp, sáng tạo nên những giá trị văn hóa vật chất, tinh thần.

1. Truyền thống lao động sản xuất

Trải qua hàng trăm năm khai phá ruộng nương, xây dựng thôn, bản, nhân dân xã Dương Phong đã tích lũy được một kho tàng kinh nghiệm lao động sản xuất phong phú và đa dạng. Các kinh nghiệm dân gian về thời tiết, làm đất, chọn giống, chọn thời vụ được đồng bào các dân tộc đúc kết lại thành những câu tục ngữ.

Về thời tiết: “quầng léch phạ noòng, quầng toòng phạ lẹng” (vòng trăng xám trời mưa, vòng trăng sáng trời hạn), “đao đi bang lè đét, đao đi pả lè pân” (sao tỏa là nắng, sao dày là mưa). *Về làm đất:* “nà dằm nặm dẻ, khẩu ké slam pi” (ruộng ngâm nước kỹ, lúa đẻ ba năm); “nà bươn hả bầu thay tâm can, khẩu bươn slíp bầu tan lè đỏi” (Ruộng tháng năm chưa cày đất khô, lúa tháng mười chưa gặt là già). *Về thời vụ:* “bươn slam lòng chả, bươn hả dằm nà” (tháng ba gieo mạ, tháng năm cấy lúa); “dằm nà quá thu, khả mu quá nèn, pấu kèn quá đám” (gieo mạ sau lập thu ví như thụt lợn sau tết và thổi kèn sau đám tang). *Về chọn giống:* “Khẩu đay nhòong chả, lục mã nhòong nôm” (con lớn nhờ sữa, lúa tốt nhờ mạ), “nà đây ngòi chả, ma đây ngòi cần” (ruộng tốt nhờ mạ, chó tốt nhờ người)...

Nguồn nước đóng vai trò quan trọng trong sản xuất nông nghiệp, trải qua hàng ngàn năm lịch sử người Tày, Nùng nói riêng nhân dân các dân tộc Dương Phong nói chung đã tích lũy được một bề dày kinh nghiệm khai thác thủy lợi phục vụ tưới tiêu. Nhân dân xã Dương Phong từ lâu đã biết đắp phai để giữ nguồn nước và đưa nguồn nước lên cao phục vụ tưới tiêu. Phai cũng như đập, là những công trình chặn ngang dòng chảy, trước đây nguyên liệu

làm phai chủ yếu khai thác từ tự nhiên (gỗ, tre, nứa, đá, bùn) còn ngày nay các phai đa phần đã được bê tông hóa. Cọn (lốc) là bánh xe nước được làm từ ống tre gắn với trục gỗ đường kính tùy thuộc vào độ chênh lệch giữa mặt nước và mặt ruộng. Để cọn hoạt động được thì dòng nước phải chảy xiết, vậy nên cọn thường ít được người dân sử dụng, hiện nay ở xã Dương Phong đã không còn cọn nước. Mương là hình thức dẫn nước từ phai và cọn về đến cánh đồng, mương chảy theo nguyên tắc từ địa hình cao xuống địa hình thấp. Lìn là những ống tre bắc nước vượt qua những địa hình bị chia cắt như dẫn nước qua con suối.

Những kinh nghiệm lựa chọn đất đai, cày sâu bừa kỹ, lựa chọn giống, yếu tố mùa vụ, phương pháp dẫn nước về ruộng... đã phần nào chứng tỏ trình độ sản xuất nông nghiệp cũng như truyền thống lao động sản xuất khá phát triển của nhân dân Dương Phong nói riêng và các dân tộc thiểu số nói chung.

2. Truyền thống văn hóa

Trên mảnh đất xã Dương Phong, người Tày được coi là cư dân gốc, là những người có công trong việc khai bản lập cọn. Các dân tộc khác có số lượng ít hơn và cũng mới chuyển đến khu vực này được mấy thập niên trở lại đây. Cùng với quá trình cộng cư xen cài, từ lâu đời các dân tộc đã có quá trình tiếp xúc và giao lưu văn hóa, tạo dựng nên một nền văn hóa đậm đà bản sắc.

Người Tày và các dân tộc trên địa bàn có nền văn hóa ẩm thực phong phú và đa dạng, với những món ăn đặc sắc được chế biến từ thịt lợn, thịt gà... Xôi là một trong những món ăn mang truyền thống tiêu biểu của nhân dân

Dương Phong với nhiều loại như xôi ngũ sắc, xôi vừng, xôi đường, xôi trúng kiến, xôi gấc. Xôi có mặt trong hầu khắp các dịp lễ tết, lễ hội, nghi lễ vòng đời, vào nhà mới. Rượu là thức uống không thể thiếu khi có khách đến chơi nhà và các sự kiện lớn của gia đình, rượu được chưng cất theo lối truyền thống từ men lá nên vị đậm và thơm.

Nhân dân Dương Phong thường sử dụng trang phục làm từ vải bông nhuộm chàm. Một bộ trang phục đầy đủ của người con gái bao gồm: quần áo, khăn, dây quần lưng, khuyên tai, vòng cổ, xà tích, vòng tay, vòng chân, nhẫn... Trang sức chủ yếu được chế tác từ bạc trắng. Trang phục người Tày thường giản dị hơn trang phục của người Dao, quần áo của người Dao thường được nhuộm sặc sỡ với nhiều màu sắc. Một bộ trang phục đầy đủ của người Dao bao gồm: áo, xà cạp, dây lưng, khăn vấn đầu, váy dài, vòng đeo cổ và vòng tay... Có thể nói, trang phục của người Dao đã đạt đến độ tinh xảo nhất định.

Bản của người dân ở Dương Phong có địa thế lưng dựa vào núi, rừng; mặt nhìn ra cánh đồng, nương rẫy; cạnh bản có dòng sông hoặc con suối chảy qua... Ranh giới giữa các bản thường chỉ ngăn cách với nhau bởi con sông, con suối hoặc con đường. Tên bản thường gọi theo tên địa danh đồi núi, sông suối, ruộng vườn như bản Nà Coọng, Nà Phây, Khuổi Cò... Mỗi bản thường có từ 10 đến 60 nóc nhà.

Nhà sàn là loại hình nhà đặc trưng có từ lâu đời, vật liệu làm nhà được khai thác từ tự nhiên. Nhà sàn có hai loại là nhà 2 mái và loại bốn mái, mái được lợp bằng lá giang hoặc ngói âm dương. Trước đây tầng trên là nơi con

người sinh hoạt, tầng dưới là nơi nhốt gia súc, gia cầm và để công cụ lao động. Ở Dương Phong đến nay không còn tồn tại loại hình nhà nửa sàn nửa đất của đồng bào Dao. Ngày nay, đời sống kinh tế - xã hội phát triển nên người dân đã dần thay loại hình nhà truyền thống bằng nhà kiên cố. Sự biến đổi này là tín hiệu đáng mừng, minh chứng cho sự thay da đổi thịt về đời sống kinh tế của người dân, nhưng lại là một thách thức trong việc bảo tồn và phát huy những giá trị truyền thống. Để giải quyết vấn đề bảo tồn và đổi mới này, Đảng bộ và nhân dân Dương Phong đang đề ra những giải pháp có tầm nhìn lâu dài và hợp lý.

Trên địa bàn xã Dương Phong mỗi dân tộc lại có một hệ ngôn ngữ riêng. Tuy nhiên, do người Tày chiếm số lượng đông nhất nên ngôn ngữ Tày gần như trở thành ngôn ngữ chính. Do có hệ ngôn ngữ riêng nên văn nghệ dân gian của người Tày rất phong phú về thể loại và đặc sắc về nội dung. Về dân ca, người Tày có Lượn, Văn Than, Quan Làng... và đặc biệt là Then. Số lượng câu Then lên tới hàng nghìn, có những cuộc làm Then kéo dài ba ngày ba đêm mà người nghệ nhân không hát lặp lại câu nào. Ngôn ngữ của người Dao trước đây cũng khá phổ biến, họ có cả tiếng nói và chữ viết riêng, tuy nhiên ngày nay chữ Nôm Dao hiện cũng chỉ còn phổ biến ở những người hành nghề tín ngưỡng như thầy cúng.

Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên đóng vai trò quan trọng trong đời sống tâm linh của nhân dân xã Dương Phong, bên cạnh thờ cúng tổ tiên đồng bào cũng tin vào thuyết vạn vật hữu linh. Hệ thống thờ cúng của người Tày ở xã Dương Phong bao gồm: thờ cúng trong nhà, thờ tổ tiên,

thờ mẹ hoa (mè bjoóc), thần bếp - táo quân (thờ dà cháo); thờ cúng ngoài nhà, thờ thần thổ công. Shaman giáo¹ rất phát triển trong đời sống tín ngưỡng của người Tày (tào, mo, pụt, then), đóng vai trò quan trọng trong những nghi lễ của người Tày như: nghi lễ vòng đời, lễ tết, lễ cấp sắc của người Dao... Hiện nay, những tín ngưỡng này vẫn rất phổ biến trong đời sống của nhân dân, nhưng đã từng bước loại bỏ những yếu tố mê tín dị đoan và duy trì phát huy những yếu tố văn hóa tốt đẹp trong tín ngưỡng.

Nhân dân xã Dương Phong nói chung đều coi lễ tết là dịp để con cháu bày tỏ lòng tôn kính với ông bà cha mẹ. Tết Nguyên đán là dịp lễ tết quan trọng nhất của người dân, người Tày gọi là nèn Bươn chiêng (tết tháng Giêng). Thời gian này diễn ra nhiều hoạt động văn hóa như: cúng thần Thổ công, đi sêu tết, thăm bà con họ hàng... Tết Thanh minh tổ chức vào mùng 3-3 (Âm Lịch), đây là dịp để con cháu tưởng nhớ đến tổ tiên. Trong ngày này, nhà nhà mang theo xôi ngũ sắc đi tảo mộ. Ngoài hai lễ tết trên, trong năm người dân ở Dương Phong còn tổ chức một số tết khác như: tết Đoan Ngọ tổ chức vào ngày mùng 5-5, nhân dân quan niệm đây là tết diệt sâu bọ, tết So loọc tổ chức vào ngày mùng 6-6, vào ngày tết này người dân tiến hành cúng vía trâu, tết Slíp slí nhằm vào ngày 14-7, đây là tết lớn thứ hai, chỉ sau tết Nguyên đán, tết Trung thu diễn ra vào ngày 15-8, đây là tết trông trăng, tết Trùng dương

1. Shaman giáo là một hình thức tôn giáo dùng phù phép, ảo thuật đưa con người vào trạng thái hôn mê để giao tiếp với thần linh, qua đó nhờ thần linh giúp đỡ những điều mình mong muốn.

tổ chức vào ngày 9-9, đây là ngày tết bắt đầu mùa đông, tết Đông chí diễn ra vào tháng 11, trong ngày tết này mọi người làm bánh trôi để cúng tổ tiên. Trong lễ tết đồng bào cũng có những kiêng kỵ về ăn uống như “Bươn chiêng bầu kin nửa pát, bươn chắt bầu kin nửa cáy” (tháng giêng không ăn thịt vịt, tháng bảy không ăn thịt gà) hay kiêng kỵ nói những điều xấu, điều gở trong các ngày lễ tết, nhất là tết Nguyên đán. Lễ tết là thời điểm để con người thực hiện những thành tố văn hóa; lễ tết cũng là lúc con người gửi gắm ước mong đến thần linh về một vụ mùa bội thu; lễ tết đóng vai trò tương trợ và cổ kết cộng đồng sâu sắc.

Nghi lễ vòng đời: bao gồm cưới xin, sinh đẻ, cấp sắc, mừng thọ, tang ma, giỗ chạp. Mỗi nghi lễ đều phản ánh những mong muốn của người dân về một cuộc sống của cá nhân, gia đình và xã hội. Đối với người Tày và Nùng thì nghi lễ tang ma giữ vai trò rất quan trọng trong cuộc sống, nói về tầm quan trọng nhân dân có câu “Ét vắn pi, nhì vắn lấu” (thứ nhất đám tang, thứ hai đám cưới). Nghi lễ sinh đẻ thể hiện ước mong đứa bé lớn lên sẽ thành người có ích, nghi lễ cưới xin thể hiện ước mong cuộc sống lứa đôi, lễ cấp sắc đánh dấu một mốc trưởng thành của những chàng trai người Dao, nghi lễ mừng thọ là dịp để con cháu thể hiện tấm lòng thành kính với ông bà cha mẹ; nghi lễ tang ma là dịp để con cháu thể hiện tấm lòng hiếu kính, đồng thời cũng phản ánh quan niệm luân hồi của người dân. Vai trò của dòng họ, của hàng xóm láng giềng thể hiện rất rõ nét thông qua nghi lễ vòng đời. Trong nghi lễ vòng đời vai trò tương trợ, cổ kết cộng đồng được thể hiện sâu sắc, thông qua nghi lễ vòng đời người ta có thể dễ

dàng quản lý được mạng lưới quan hệ xã hội. Người dân Dương Phong có câu “Ngừn xèn tang tâm nhả, tha nả tẩy xiên kim” (Bạc tiền chỉ là đất cỏ, uy tín mới là quý giá), để nói về vai trò quan trọng của việc giữ mối quan hệ trong dòng họ và thôn bản.

Trong bối cảnh hội nhập hiện nay, đời sống văn hóa của nhân dân xã Dương Phong cũng đang biến đổi từng ngày theo sự thay đổi của kinh tế - văn hóa - xã hội. Nhận thức được tầm quan trọng của văn hóa trong quá trình xây dựng đời sống nhân dân nên Đảng ủy và chính quyền xã Dương Phong đã và đang làm tốt công tác bảo tồn, phát huy giá trị của nền văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc ở địa phương. Sử dụng tốt nguồn vốn văn hóa vào sự nghiệp xây dựng quê hương mạnh giàu, góp phần đưa quê hương Dương Phong tiến những bước vững chắc trên con đường xây quê hương mạnh giàu.

Chương II

THAM GIA ĐẤU TRANH GIÀNH CHÍNH QUYỀN CÁCH MẠNG VÀ KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP (1945-1954)

I. VÙNG ĐẤT DƯƠNG PHONG TRONG THỜI KỶ VẬN ĐỘNG CÁCH MẠNG TRƯỚC NĂM 1945

1. Tình hình chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội dưới thời Pháp thuộc

Từ cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, thực dân Pháp bắt đầu đẩy nhanh cuộc khai thác thuộc địa, tăng cường các hình thức bóc lột nhân dân ta. Triều đình phong kiến nhà Nguyễn tuy vẫn được duy trì nhưng trên thực tế mọi quyền hành đều rơi vào tay người Pháp.

Về chính trị: Sau khi chiếm đóng và lập lên tỉnh Bắc Kạn (1900), thực dân Pháp chia tỉnh thành các châu. Dưới các châu là các tổng, dưới tổng là xã (làng bản). Vùng đất xã Dương Phong lúc này nằm trong tổng Nông Thượng. Đứng đầu là chánh tổng và phó tổng. Cấp làng xã, chúng chú trọng hơn và lấy làng làm đơn vị hành chính. Từ năm 1931, mỗi làng đều có Ban Lý dịch gồm các chức như: Lý trưởng, Phó lý, Thư ký, Hộ lại, Trưởng bạ... Hỗ trợ cho Ban Lý dịch là các Trương tuần và một số Tuần đình.

Lý trưởng là người thi hành pháp luật, xử lý hành chính theo chức năng chính quyền, trực tiếp thi hành các mệnh lệnh quan trên như đốc thúc bắt lính, thu thuế. Ngoài ra, quản lý mọi mặt trong các bản còn có chức Khán hộ, đến khoảng thập niên 30 của thế kỷ XX gọi là thôn trưởng¹. Riêng đối với người Dao, thực dân Pháp đặt ra chế độ quản chiếu, động trưởng. Quản chiếu là chức quan cai trị người Dao trong toàn châu. Ở các tổng có chánh Mán. Ở các xã có Động trưởng².

Trong những thập niên đầu của thế kỷ XX, sau khi áp đặt được bộ máy cai trị lên toàn tỉnh Bắc Kạn nói chung và châu Bạch Thông nói riêng, chúng tăng cường nhiều biện pháp nhằm siết chặt quản lý, phục vụ cho mục tiêu vơ vét bóc lột nhân dân. Để nắm được quyền hành xuống tận xã (làng), thôn (bản), Pháp cho đặt thêm một số chức vụ để lôi kéo các thành phần dân cư, khuyến khích nạn “chạy chức chạy quyền”. Một số chức như Khán hộ, Động trưởng mặc dù không có lương, phụ cấp, không có trụ sở làm việc nhưng vẫn có nhiều người tìm cách chạy chọt, đút lót. Mục đích là vừa để tránh được phu phen tạp dịch, vừa có danh thơm trong xã hội. Sau khi mua được chức tước, một số người quay ra cấu kết chặt chẽ, tích cực phục vụ cho chính quyền thực dân. Tuy nhiên, cũng có nhiều chức dịch không gian ác, tàn bạo với nhân dân vì họ vốn

1. Ban Chấp hành Đảng bộ xã Dương Quang, *Lịch sử đấu tranh cách mạng của Đảng bộ và nhân dân xã Dương Quang (1945-2005)*, tr. 25.

2. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Bạch Thông, *Lịch sử Đảng bộ huyện Bạch Thông (1930-1975)*, tr. 26.

cũng xuất thân từ tầng lớp lao động, có anh em làng xã, họ vẫn tham gia vào công việc của làng bản theo phong tục tập quán.

Về kinh tế: Trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945, giống như nhiều địa phương khác của châu Bạch Thông, người dân Dương Phong sống chủ yếu bằng nghề nông, đời sống hết sức khó khăn, thiếu thốn. Thêm vào đó, chính quyền thực dân và phong kiến tay sai còn cấu kết chặt chẽ với nhau để vơ vét của cải nhân dân. Chúng đặt ra nhiều loại thuế, trong đó nặng nề nhất là thuế đinh và thuế điền.

Thuế đinh (hay còn gọi là thuế thân) là loại thuế đánh xuống đầu đàn ông (đinh nam) từ 18 - 60 tuổi. Trung bình, mỗi đinh nam phải đóng từ 1,5 - 3 đồng/năm¹. Thuế điền là loại thuế đánh vào ruộng đất, cũng được chia làm 3 hạng: nhất đẳng điền đóng 7 đồng/mẫu; nhị đẳng điền đóng 5 đồng/mẫu; tam đẳng điền đóng 4 đồng/mẫu. Theo cách phân chia này, để lách luật, bọn quan lại kỳ hào luôn tìm cách đổi thứ hạng sau mỗi kỳ phân chia lại ruộng đất. Chúng tìm cách đổi nhị đẳng điền lên nhất đẳng điền, tam đẳng điền lên nhị đẳng điền, mục đích là nhằm lấy ruộng tốt nhưng phải chịu ít thuế, trong khi nhân dân phải nhận ruộng xấu mà lại phải đóng thuế cao. Cứ đến mỗi vụ thu thuế, ngoài số tiền phải nộp, nhân dân còn phải đóng thêm từ 0,5-1 đồng tiền “phụ thu lạm bổ”. Những người không có tiền nộp đều bị quan lại đưa lính đến bắt giam, đánh

1. Thuế thân chia làm 2 loại: Loại nội tịch (người có tài sản) phải đóng góp 3 đồng/người/năm; loại ngoại tịch (những người không có tài sản hoặc người từ nơi khác đến cư trú phải đóng 1,5 đồng/người/năm.

đập buộc gia đình phải tìm mọi cách kiếm tiền trả đủ. Vì vậy, không ít gia đình rơi vào cảnh khốn cùng, tan nát. Ngoài thuế má, nhiều người dân Dương Phong còn phải chịu nạn phu phen tạp dịch. Mỗi năm đôi ba lần phải tự túc lương thực. Dương Phong gần tỉnh¹ nên năm nào cũng phải chịu cảnh bắt phu, bắt lính.

Về văn hóa: Ngoài bóc lột về kinh tế, thực dân Pháp và phong kiến địa phương còn duy trì và khuyến khích nhiều hủ tục lạc hậu trong các thôn bản. Thời điểm này, phần lớn người dân Dương Phong phải sống trong cảnh nghèo đói, trên 95% dân số mù chữ. Trong khi đó, việc chăm sóc sức khỏe cho nhân dân cũng không được chính quyền chú ý. Đa phần người dân mỗi khi đau ốm đều phải cậy nhờ đến các kinh nghiệm dân gian để mong khỏi bệnh.

Như vậy, dưới ách thống trị của bọn thực dân phong kiến và địa chủ tay sai, nhân dân Dương Phong cũng như nhiều làng quê khác trên cả nước phải sống một kiếp đời tối tăm, bị chèn ép về mọi mặt: văn hóa - xã hội lạc hậu; kinh tế làng xã suy kiệt, bao trùm lên là bầu không khí chính trị ngột ngạt. Như một hệ quả tất yếu, có áp bức sẽ có đấu tranh, dưới sự lãnh đạo của Mặt trận Việt Minh nhân dân Dương Phong không còn con đường nào khác ngoài con đường vùng lên đập tan xiềng xích của bọn thực dân, phong kiến “đem sức ta mà giải phóng cho ta”.

1. Tỉnh lỵ Bắc Kạn và châu lỵ Bạch Thông đặt trên phần đất của xã Dương Quang ngày nay.

2. Tham gia các phong trào đấu tranh tiến tới Tổng khởi nghĩa giành chính quyền năm 1945

Ngày 03-02-1930, Đảng Cộng sản Việt Nam thành lập đánh dấu bước ngoặt quan trọng trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc. Từ đây, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân ta với tấm lòng yêu nước và tinh thần đoàn kết đã từng bước đứng lên đấu tranh nhằm lật đổ ách đô hộ, thống trị của chính quyền thực dân phong kiến. Tuy nhiên, vì nhiều yếu tố khách quan và chủ quan nên giai đoạn từ năm 1930 đến trước năm 1943, các phong trào cách mạng do Đảng lãnh đạo chưa tạo được sức ảnh hưởng lớn đến vùng đất Dương Phong.

Mặc dù vậy, một số cuộc đấu tranh chống lại sự áp bức của chính quyền thực dân phong kiến vẫn diễn ra sôi nổi. Tiêu biểu như phong trào đấu tranh chống thuế từ 1932-1934 tại hai tổng Hà Vị và Nông Thượng do ông Nguyễn Bông (ở Xuất Hóa) và ông Chi (ở Cao Kỳ) đứng ra tổ chức bằng việc đưa đơn kiện bọn quan lại địa phương lên tận phủ Toàn quyền¹. Các cuộc đấu tranh này ít nhiều mang lại lợi ích cho nhân dân, buộc đám quan lại hào lý địa phương bớt lộng quyền. Tuy nhiên, do được chính quyền thực dân nuôi dưỡng nên chỉ sau một thời gian chúng lại tìm đủ mọi cách để những nhiều. Đời sống nhân dân vì vậy vẫn gặp nhiều khó khăn. Đặc biệt, từ sau khi phát xít Nhật vượt qua biên giới tiến vào nước ta (9/1940) chúng đã cấu kết với thực dân Pháp tăng cường

1. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Bạch Thông, *Lịch sử Đảng bộ huyện Bạch Thông (1930-1975)*, tr. 32.

ơ vét bóc lột. Từ đây, nhân dân Việt Nam nói chung và người Dương Phong nói riêng phải chịu thêm một tầng áp bức, “một cổ ba trùng”¹. Thuế đinh mỗi nam nhân phải đóng từ 2,5 đồng lên 3,7 đồng rồi lên 5 đồng/người. Thuế điền trước đây chia làm 3 hạng thì nay gộp lại thành một và tăng đến 50%. Nhiều thứ thuế vô lý khác cũng được chúng đặt ra.

Trước những diễn biến phức tạp của cuộc chiến tranh thế giới lần thứ II (nổ ra từ 9-1939) cũng như tình hình cách mạng trong nước đang gặp nhiều khó khăn, đầu năm 1941, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã về nước để trực tiếp lãnh đạo phong trào đấu tranh cách mạng. Người đã triệu tập và chủ trì Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ VIII (10 - 19/5/1941), trong đó coi việc giương cao ngọn cờ đấu tranh giải phóng dân tộc là nhiệm vụ hàng đầu lúc này; tích cực chuẩn bị mọi mặt cho cuộc vũ trang cách mạng từng phần tiến tới Tổng khởi nghĩa giành chính quyền. Thời gian này, đồng chí Võ Nguyên Giáp được giao nhiệm vụ xây dựng con đường cách mạng Nam tiến từ Cao Bằng xuống Bắc Kạn, Thái Nguyên. Trong hai năm 1941-1942, do địch mở nhiều đợt càn quét, khủng bố nên việc phát triển gặp nhiều khó khăn. Nhưng từ mùa thu 1943, các đội xung phong Nam tiến đã đến được nhiều địa phương ở Bắc Kạn. Trên địa bàn tổng Nông Thượng, cán bộ Việt Minh trong đoàn Nam tiến như đồng chí: Bàn Thành Công, Phạm Duy Tiến đã tìm cách thâm nhập, cùng ăn ở và lao động sản xuất để giác ngộ tư tưởng cho một số đồng

1. Ba trong: phong kiến, thực dân Pháp và phát xít Nhật.

bào người Dao như ông Triệu Khánh Phung, Triệu Thừa Quang và Triệu Thừa Long (con ông Phung), Bàn Văn Quán tại bản Nà Lôm (nay thuộc xã Dương Quang). Sau khi thành lập được tổ Việt Minh, các đồng chí tìm cách phát triển phong trào sang khu vực Nặm Cắt, Khuổi Dên, rồi Khuổi Rya, Khuổi Cúm; sau đó vượt Khau Pùa sang Bản Mún (Dương Phong) và Nà Đỉnh (Quang Thuận) để gây dựng phong trào về phía Chợ Đồn¹.

Bước sang năm 1945, tình hình trong nước và thế giới có nhiều chuyển biến quan trọng có lợi cho cách mạng Việt Nam. Đặc biệt, cuộc đảo chính của Nhật lật đổ quyền thống trị của Pháp tại Đông Dương (9-3-1945) đã gây lên một cuộc khủng hoảng chính trị sâu sắc, tạo điều kiện cho phong trào các mạng trong cả nước phát triển mạnh mẽ. Ngay sau cuộc đảo chính, Ban Thường vụ Trung ương Đảng đã họp đánh giá và ra Chỉ thị “Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta” (12-3-1945) làm “kim chỉ nam” hành động cho các tổ chức và Mặt trận Việt Minh các địa phương; đồng thời phát động một cao trào kháng Nhật trong cả nước.

Sau khi điều một cánh quân từ Cao Bằng theo đường số 3 tiến xuống chiếm đóng thị xã Bắc Kạn (25-3-1945), phát xít Nhật đã nhanh chóng tổ chức ra một bộ máy chính quyền tay sai, lập đội lính Bảo an² để trấn áp lực lượng

1. Ban Chấp hành Đảng bộ xã Dương Quang, *Lịch sử đấu tranh cách mạng của Đảng bộ và nhân dân xã Dương Quang (1945-2005)*, tr. 29.

2. Lính Bảo an được thống nhất từ đơn vị lính khổ xanh và lính cơ trong thời Pháp.

cách mạng; bên cạnh đó tìm cách mua chuộc, lôi kéo một số quan lại, hào lý địa phương. Tuy nhiên, trong bối cảnh từ cuối tháng 3-1945 một số châu như Ngân Sơn, Chợ Rã, Na Rì lần lượt giành được chính quyền đã trở thành nguồn cổ vũ, động viên lớn cho phong trào giải phóng các địa phương ở Bạch Thông. Khu vực Dương Quang, Dương Phong, Đôn Phong, Quang Thuận đều thành lập được các đội tự vệ chiến đấu. Trong đợt bốn lính Bảo an kết hợp với phó tổng Đào Đình Phong đi thu thuế và càn phá Việt Minh, trên đường từ Bản Pè đi về đã bị bộ đội giải phóng quân chặn đánh tại Kéo Pịt - Nà Coọng (km18) giết chết 01 tên Nhật và 01 lính Bảo an. Trong trận này, ở Tổng Mú có ông Ma Văn Tường cùng tham gia. Sau trận này, quân Nhật còn tổ chức nhiều lần càn lên Chợ Đồn bị ta chặn đánh ở Nà Vài (km7), Nà Đình (km13) và trận Bản Pè (km24) ngày 11-5 và ngày 2-7-1945¹.

Trong tháng 4-1945, nhiều khu vực trong tổng Nông Thượng đều thành lập được tổ chức Việt Minh phụ trách từng công việc. Tính đến hết tháng 7-1945, phát xít Nhật chỉ còn chiếm đóng được thị xã Bắc Kạn. Về danh nghĩa, chúng nắm quyền kiểm soát từ tỉnh xuống xã, nhưng trên thực tế, dưới sự lãnh đạo của Mặt trận Việt Minh đã lãnh đạo nhân dân các dân tộc ở châu Bạch Thông đứng lên giành quyền lãnh đạo ở cơ sở. Cuối tháng 7-1945, hầu hết các địa phương đã được giải phóng, trong đó có Dương Phong.

1. Ban Chấp hành Đảng bộ xã Dương Quang, *Lịch sử đấu tranh cách mạng của Đảng bộ và nhân dân xã Dương Quang (1945-2005)*, tr. 44.

Sau khi tin Nhật đầu hàng quân Đồng Minh ngày 14-8-1945 lan truyền đã trở thành đòn giáng mạnh vào tinh thần của đám lính Nhật. Trước tình thế khôn quẩn, quân Nhật xin gặp đại diện Việt Minh trao trả toàn bộ sổ sách và rút hoàn toàn quân khỏi thị xã Bắc Kạn vào ngày 23-8. Đến ngày 25-8-1945, một số quân chúng nhân dân các dân tộc Dương Phong cùng các địa phương khác kéo về thị xã Bắc Kạn tham dự cuộc mít tinh, nghe đại diện Tổng bộ Mặt trận Việt Minh tuyên bố xóa bỏ chính quyền thực dân, phong kiến.

II. XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ CHÍNH QUYỀN SAU CÁCH MẠNG; CHI BỘ ĐẢNG THÀNH LẬP, LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN KHÁNG CHIẾN VÀ PHỤC VỤ KHÁNG CHIẾN (1945-1954)

1. Xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng non trẻ, tích cực chuẩn bị cho cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (9/1945 - 10/1947)

Cuộc Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước thành công đã mở ra một chương mới trong lịch sử dân tộc. Ngày 2-9-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ lâm thời đọc bản Tuyên ngôn Độc lập, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Phần khởi trước thắng lợi vừa giành được, tuy nhiên, chính quyền châu Bạch Thông nói chung và khu vực Dương Phong nói riêng cũng gặp nhiều khó khăn: chính sách khai thác, áp bức, bóc lột nhân dân ta của bọn thực dân và tay sai phong kiến gần một thế kỷ đã làm cho nền kinh tế rơi vào tình trạng hết sức thấp kém, lạc hậu. Thêm vào đó, Bắc Kạn tuy không bị

quân Tưởng chiếm đóng nhưng là nơi có nhiều người Hoa sống tập trung nên trở thành địa bàn hoạt động từ trước của quân Tưởng¹. Những ngày đầu sau cách mạng, những tên tay sai của quân Tưởng len lỏi khắp nơi tuyên truyền lôi kéo người Hoa vào tổ chức “Nam Dương Hoa kiều hiệp Hội”, ra sức xuyên tạc lừa bịp, gây chia rẽ trong nhân dân. Đặc biệt, những chính sách bóc lột về kinh tế, ngu dân về văn hóa - xã hội của chính quyền thực dân phong kiến để lại trở thành hậu quả nặng nề mà chính quyền địa phương phải đối diện. Vì vậy, trong bối cảnh khó khăn chung của cả nước, ngay trong tháng 9-1945, Trung ương Đảng đã họp và đề ra các biện pháp khắc phục. Trong đó, Hồ Chủ tịch ra lời kêu gọi nhân dân, đồng bào các dân tộc chung sức trong cuộc đấu tranh diệt giặc đói, giặc dốt và giặc ngoại xâm; giải quyết khó khăn tài chính.

Khu vực Dương Phong thuộc địa bàn miền núi, với đặc trưng kinh tế mang tính tự cấp, tự túc và dựa vào tự nhiên, vì vậy, ít chịu ảnh hưởng của nạn đói năm 1945. Tuy nhiên, dưới sự đô hộ của thực dân, đời sống nhân dân cũng gặp nhiều khó khăn. Thực hiện lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh về phong trào diệt giặc đói, nhân dân Dương Phong tích cực hưởng ứng các phong trào “Nuờng cơm sẻ áo”, “Hũ gạo cứu đói” giúp đỡ những

1. Giữa tháng 9-1945, nước ta có hai lực lượng quân Đồng Minh kéo vào làm nhiệm vụ giải giáp vũ khí quân Nhật: Từ vĩ tuyến 16 trở ra Bắc là 20 vạn quân Tưởng Giới Thạch (Trung Quốc); từ vĩ tuyến 16 trở vào Nam là quân Anh, theo sau là quân Pháp với âm mưu quay trở lại đô hộ nước ta một lần nữa.

gia đình gặp khó khăn. Cùng với đó, chính quyền còn phát động các phong trào tăng gia sản xuất, đẩy mạnh khai hoang, tận dụng nguồn nước làm thủy lợi để phát triển thêm diện tích gieo trồng. Ngoài cây lúa, đồng bào còn trồng thêm hoa màu.

Chủ tịch Hồ Chí Minh nói: “Một dân tộc dốt là một dân tộc yếu”. Vì vậy, thời gian này, vấn đề diệt “giặc dốt” cũng là một trong những mục tiêu hàng đầu được Trung ương Đảng và Chính phủ đưa ra giải quyết. Chủ trương xóa nạn mù chữ được triển khai xuống tất cả địa phương trong cả nước. Ban Bình dân học vụ các xã được thành lập, hoạt động tích cực, khắc phục những khó khăn về điều kiện cơ sở vật chất cũng như nhân lực, đẩy mạnh xóa nạn mù chữ. Một số lớp học đã được mở tại thôn Nà Chè và Bản Pè do thầy Nguyễn Duy Quảng phụ trách. Với khẩu hiệu “Người biết chữ dạy cho những người chưa biết chữ”, phong trào “Bình dân học vụ” diễn ra sôi nổi, đạt được hiệu quả đáng khích lệ. Nhờ vậy, chỉ sau một thời gian ngắn, tỷ lệ người dân biết đọc, biết viết tăng lên đáng kể. Bà con nhân dân hăng hái tham gia học tập, thanh niên, nam, nữ nô nức đến lớp học chữ, học hát, sinh hoạt cộng đồng, đời sống văn hóa nhân dân được nâng cao.

Những tháng cuối năm 1945, mọi mặt công tác đều được chính quyền lâm thời chỉ đạo khẩn trương, bên cạnh nhiệm vụ diệt giặc đói, giặc dốt, đảm bảo tình hình an ninh trật tự, từ tháng 12-1945, theo sự chỉ đạo của cấp trên, chính quyền xã tập trung lãnh đạo nhân dân chuẩn bị tốt cho cuộc bầu cử Quốc hội khóa I. Khắp các

ngả đường lớn, cổng chào, băng biển, khẩu hiệu được dựng lên để động viên mọi người làm tròn bổn phận công dân. Theo đúng kế hoạch, từ sáng sớm ngày 6-1-1946, nhân dân phấn khởi, vui mừng đi tham gia bỏ phiếu. Lực lượng tự vệ nòng cốt là thanh niên cứu quốc thường xuyên túc trực làm tốt nhiệm vụ giữ gìn trật tự trị an, phục vụ ngày bầu cử. Đến chiều tối ngày 6-1, công tác bầu cử đã hoàn thành với số cử tri đi bầu đạt trên 95%. Thắng lợi của cuộc bầu cử Quốc hội đã góp phần cùng nhân dân cả nước thực hiện nhiệm vụ trọng tâm là củng cố chính quyền vững mạnh.

Tiếp nối thành công từ cuộc bầu cử Quốc hội khóa I, tháng 3-1946 nhân dân địa phương lại tham gia cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp (cấp tỉnh và cấp xã). Theo yêu cầu tình hình thực tế, tháng 3-1946 xã Phong Quang được thành lập. Tháng 4-1946, nhân dân xã Phong Quang tham gia bầu cử Hội đồng nhân dân xã và tỉnh khóa I. Hội đồng nhân dân xã Phong Quang khóa I đã bầu Ủy ban hành chính bao gồm:

Ông Cao Thịnh Vực (Bản Vén) - Chủ tịch

Ông Hà Sĩ Ngự (Nà Lốc) - Phó Chủ tịch

Ông Đặng Phúc Thao (Khuổi Dên) - Phó Chủ tịch

Ông Lư Kế Tuyên (Nà Vài) - Ủy viên thư kí

Ông Trịnh Đình Tuân - Ủy viên quân sự

Sau công tác củng cố chính quyền, các tổ chức Mặt trận và các đoàn thể cũng được củng cố lại tổ chức để phù hợp với tình hình mới:

Ông La Sơn Lâm - Chủ nhiệm Việt Minh

Bà Cao Thị Vui - Bí thư Hội Phụ nữ cứu quốc

Ông Nguyễn Duy Vụ - Bí thư Đoàn Thanh niên cứu quốc

Ông Nguyễn Duy Kiên - Bí thư Hội Nông dân cứu quốc¹

Trên cơ sở thành công của cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân, tổ chức chính quyền và các đoàn thể ở địa phương được củng cố và từng bước đi vào hoạt động ổn định, nền nếp. Như vậy, với nhiều hoạt động cụ thể, cán bộ và nhân dân Phong Quang đã từng bước giải quyết khó khăn sau hơn 1 năm thành lập chính quyền non trẻ. Đời sống vật chất và tinh thần của người dân có những thay đổi quan trọng. Nhân dân tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng.

Với đặc điểm có tuyến Tỉnh lộ 257 (con đường huyết mạch nối khu vực Chợ Đồn với thị xã Bắc Kạn) chạy qua địa bàn, xã Phong Quang lại nằm cạnh thị xã, vì vậy, mỗi khi phong trào cách mạng được đẩy lên đều có tác động nhanh chóng đến địa phương. Do đó, Huyện ủy Bạch Thông quan tâm đến hoạt động cách mạng của địa phương. Từ thực tế phong trào, không ít quần chúng lao động, nhất là tầng lớp thanh niên đã vượt qua nhiều gian khổ và thử thách, được giác ngộ về lý tưởng, bồi dưỡng về lý luận, từ đó trở thành hạt nhân lãnh đạo cách mạng ở địa phương. Trong những tháng ngày sục sôi khí thế cách mạng đó, tháng 6-1946, người thanh niên La Sơn Lâm đã vinh dự được kết nạp trở thành đảng viên đầu tiên của xã Phong Quang. Đó là tiền đề, cơ sở về sau để những quần chúng khác lần lượt được kết nạp vào Đảng. Hai đồng chí Ma Văn Tường (Tổng Mú) và Nguyễn Duy Lành (Bản

1. Ban Chấp hành Đảng bộ xã Dương Quang, *Lịch sử đấu tranh cách mạng của Đảng bộ và nhân dân xã Dương Quang (1945-2015)*, tr. 52.

Pè) trở thành những đảng viên đầu tiên của xã Dương Phong (ngày nay) được đứng trong hàng ngũ của Đảng¹. Đến cuối năm 1946, dưới sự chỉ đạo của Huyện ủy Bạch Thông, Chi bộ Đảng xã Phong Quang chính thức được thành lập, đồng chí Ma Văn Tường được chỉ định là Bí thư chi bộ.

Có thể khẳng định, sự ra đời của Chi bộ Đảng xã Phong Quang đánh dấu bước trưởng thành về chất trong phong trào cách mạng của địa phương. Từ đây dưới sự lãnh đạo của Chi bộ Đảng và chính quyền xã, nhân dân Phong Quang đã vượt qua nhiều khó khăn, gian khổ, hoàn thành nhiệm vụ vừa kháng chiến, vừa kiến quốc theo chủ trương của Đảng.

Cuối năm 1946, thực dân Pháp liên tiếp tổ chức nhiều hoạt động khiêu khích, phá hoại ở khắp các địa phương ngoài miền Bắc², trong đó tập trung vào hai thành phố lớn là Hà Nội và Hải Phòng. Không còn lựa chọn nào khác, tối ngày 19-12-1946, quân dân Hà Nội được lệnh đồng loạt nổ súng tấn công Pháp ở nhiều vị trí của Thủ đô mở màn cho cuộc Toàn quốc kháng chiến. Ngay trong đêm, Chủ tịch

1. Các đồng chí khi mới được kết nạp vẫn sinh hoạt ghép trong chi bộ văn phòng Huyện ủy.

2. Ngày 23-9-1945, quân Pháp nổ súng đánh chiếm Nam Bộ. Tiếp đó, chúng lại thỏa hiệp để đưa quân ra Bắc thay thế lực lượng của Tưởng Giới Thạch, âm mưu tiêu diệt lực lượng cách mạng. Để tránh một lúc phải đối diện với nhiều kẻ thù, tranh thủ thời gian chuẩn bị cho cuộc kháng chiến, Chính phủ ta đã ký kết với Pháp bản Hiệp định Sơ bộ (6-3-1946) và Tạm ước (14-9-1946). Sau khi đưa quân ra Bắc, Pháp liên tiếp gây hấn nhằm phát động một cuộc chiến mới.

Hồ Chí Minh cũng ra *Lời kêu gọi Toàn quốc kháng chiến*, khẳng định quyết tâm của toàn dân tộc “*Thà hi sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ*”.

Thời điểm này, xã Phong Quang nói riêng và huyện Bạch Thông của tỉnh Bắc Kạn nói chung được chọn là khu vực để xây dựng căn cứ địa cách mạng. Vì vậy, chấp hành chỉ đạo của cấp trên, Ủy ban hành chính xã động viên cán bộ, nhân dân các dân tộc trong toàn xã tích cực chuẩn bị mọi mặt công tác: thông tin liên lạc, địa điểm cho người tản cư, xây dựng lực lượng vũ trang, đặc biệt là củng cố về tổ chức Đảng, chính quyền và các đoàn thể.

Nhận thức được việc tản cư cũng là yêu cầu đi kháng chiến, góp phần tham gia đánh địch và yêu cầu giúp đỡ các cơ quan, đồng bào lên tản cư tại địa bàn xã cũng là một nhiệm vụ quan trọng, vì vậy, ngay khi có chủ trương của cấp trên, Chi bộ đã chỉ đạo chính quyền cử cán bộ xuống từng thôn, bản để tuyên truyền, giải thích cho nhân dân về chủ trương của Đảng, cũng như ý nghĩa của việc làm này.

Một trong những nhiệm vụ quan trọng thời điểm này đối với công tác chuẩn bị kháng chiến là xây dựng lực lượng vũ trang tại địa phương. Căn cứ vào chỉ đạo của Huyện ủy Bạch Thông và tình hình của địa phương, từ cuối năm 1946, Chi bộ Đảng và chính quyền xã Phong Quang đã có những chuẩn bị tích cực. Chính quyền phát động phong trào quần chúng xây dựng lực lượng tự vệ. Trên cơ sở đơn vị tự vệ thường và tự vệ chiến đấu được lập trong Cách mạng Tháng Tám, nay được biên chế thành

trung đội, ở dưới các thôn được liên kết lại với nhau để tổ chức thành các tiểu đội (mỗi tiểu đội có từ 10-12 người, độ tuổi từ 18-45). Tính đến đầu năm 1947, xã Phong Quang đã thành lập được 1 trung đội tự vệ chiến đấu¹. Ở khu vực các thôn như: Tổng Mú, Bản Pè, Miếu Môn, Bản Mún, Khuổi Cò... lực lượng du kích do đồng chí Đội Tân phụ trách chỉ huy. Do điều kiện còn khó khăn nên vũ khí trang bị cho lực lượng vũ trang địa phương còn thô sơ, thiếu thốn. Ngoài một số khẩu súng khai hậu, súng kíp thì phần nhiều là dao găm, mã tấu. Để chuẩn bị mọi điều kiện cho lực lượng du kích, ngay từ khi thành lập cho đến khi có chiến sự xảy ra, toàn thể anh chị em đều được học tập chính trị, nâng cao lập trường tư tưởng và ý chí quyết tâm đánh giặc. Bên cạnh đó, để giúp anh em trong lực lượng tự vệ chiến đấu hiểu được những vấn đề cơ bản, huyện còn cử cán bộ về địa phương tổ chức huấn luyện quân sự, hướng dẫn về kỹ chiến thuật, tập đội hình đội ngũ và đánh trận giả trên đường giao thông... Nhờ đó, nâng cao được kinh nghiệm cho anh em, sẵn sàng ứng phó với tình huống có thể xảy ra.

Hưởng ứng Lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Phá cho rộng, phá cho sâu, phá sao cho bọn Pháp không lợi dụng được. Một nhát cuốc của đồng bào cũng như một viên đạn của chiến sĩ bắn vào quân địch vậy”, kế hoạch tiêu thổ kháng chiến được đề ra cụ thể, trước hết tập trung vào những vùng trọng điểm như cầu, cống và nhà

1. Từ tháng 3-1947, lực lượng tự vệ và tự vệ chiến đấu được đổi gọi là dân quân du kích.

cửa nằm dọc các đường giao thông. Đầu năm 1947, thực hiện chỉ thị của cấp trên, các hộ dân trong xã đã vào rừng chặt vầu làm chông cắm trên các cánh đồng Bản Pè, Tổng Mú, Bản Mún... Chính quyền xã huy động mọi lực lượng tham gia vót chông. Trong thời gian đó, nhiều xe trâu, xe bò đều được dùng vào việc chuyên chở chông. Việc thực hiện chủ trương Tiêu thổ kháng chiến theo chủ trương của Trung ương ở huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn nói chung và trên địa bàn xã Phong Quang nói riêng tuy được triển khai nhưng vẫn chậm. Điều này được giải thích một phần là do: thời điểm này, toàn khu vực Bắc Kạn nằm sâu trong lòng khu căn cứ Việt Bắc, phần khác vì số lượng cơ quan, đồng bào đến tản cư tại đây ngày càng nhiều, việc chuẩn bị cơ sở vật chất, chỗ ăn nghỉ là rất cần thiết nên việc tiêu thổ chỉ diễn ra ở những việc làm cụ thể mà không tạo thành phong trào sâu rộng trong cán bộ và quần chúng nhân dân.

Nhằm xây dựng nền kinh tế kháng chiến, chính quyền xã chú ý đến việc nạo vét mương phai, lấy nước chống hạn, tiêu úng kịp thời, tạo thuận lợi cho sản xuất. Diện tích trồng lúa, hoa màu tăng lên, chăn nuôi cũng được phát triển hơn trước. Đồng thời, để giải quyết những khó khăn trước mắt của nhân dân, nhất là việc thiếu muối, chính quyền xã tiến hành khai thông các tuyến đường, cử người về miền xuôi mua các nhu yếu phẩm thiết yếu để phân phát cho bà con. Đặc biệt, từ tháng 5-1947, thực hiện sắc lệnh của Chính phủ, Ủy ban bảo vệ chuyển thành Ủy ban kháng chiến. Các mặt hoạt động chuẩn bị kháng chiến càng được đẩy mạnh. Chính quyền và các đoàn thể

xã đã vận động nhân dân ủng hộ lương thực, tổ chức hũ gạo nuôi quân, quyên góp tiền bạc để mua quần áo gửi ra các chiến trường trong phong trào “Mùa đông binh sĩ”.

Như vậy, từ khi có “Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến” (12-1946), căn cứ vào chỉ đạo của Trung ương và lãnh đạo các cấp, trong nửa năm đầu 1947, cán bộ và nhân dân các dân tộc xã Phong Quang đã tích cực hưởng ứng, thực hiện các nhiệm vụ chuẩn bị kháng chiến. Mặc dù địa phương còn nhiều khó khăn, thiếu thốn về cơ sở vật chất kỹ thuật; cán bộ còn thiếu và hạn chế về kinh nghiệm tổ chức, quản lý thực hiện nhiệm vụ; nhận thức của nhân dân về các công tác, phong trào đôi khi chưa đầy đủ, sâu sắc... nhưng với tinh thần yêu nước và sự chỉ đạo sát sao của Chi bộ Đảng, chính quyền xã, nhân dân các dân tộc ở Phong Quang đã cơ bản hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, sẵn sàng cho cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp đang lan rộng lên các tỉnh miền núi phía Bắc.

2. Trực tiếp tham gia kháng chiến và phục vụ kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, bảo vệ quê hương (1947-1954)

Trong năm 1947 thực dân Pháp đã mở rộng vùng đánh chiếm ra các tỉnh đồng bằng Bắc Bộ, nhưng chúng đã thất bại trong âm mưu đánh nhanh thắng nhanh. Đặc biệt, trong bối cảnh nước Pháp đang gặp nhiều khó khăn về kinh tế, tài chính, chính trị - xã hội và yêu cầu cần tiêu diệt cơ quan đầu não kháng chiến của ta để nhanh chóng bình định được Việt Nam trở thành nhiệm vụ cấp bách. Vì vậy, việc tấn công lên căn cứ địa Việt Bắc của Pháp chỉ còn là vấn đề thời gian. Do đó, những công tác chuẩn bị

cho cuộc kháng chiến với Pháp được Trung ương đưa ra là hoàn toàn đúng đắn.

Ngày 7-10-1947, thực dân Pháp huy động khoảng 12.000 quân tinh nhuệ gồm cả thủy, lục, không quân được trang bị vũ khí, phương tiện hiện đại ồ ạt tấn công lên Việt Bắc. Mở đầu là một đơn vị lính nhảy dù xuống thị xã Bắc Kạn sáng sớm ngày 7-10-1947. Chỉ sau chưa đầy 1 ngày, quân Pháp đã cơ bản chiếm đóng được toàn bộ thị xã.

Trước thế tấn công bất ngờ, ồ ạt của quân Pháp, để đảm bảo an toàn cho các cơ quan về sơ tán, Chi bộ, chính quyền xã huy động cán bộ, đảng viên và nhân dân hỗ trợ việc chuyển tài liệu, sổ sách, máy móc sơ tán đến nơi an toàn. Sáng ngày 9-10-1947, quân Pháp mở trận càn quét đầu tiên vào Bản Chang (Nà Dì) của xã Phong Quang. Lúc này, do lực lượng vũ trang địa phương chưa được chuẩn bị sẵn và cũng để đảm bảo tránh thương vong, Chi bộ xã đã lệnh cho nhân dân các thôn sơ tán vào rừng sâu làm lều lán ở tạm, đuổi trâu bò vào thung lũng suối thay nhau chăn dắt. Quân Pháp vào các bản không thấy người liền cho đốt phá không bỏ sót nhà nào. Ngoài ra, chúng còn điều máy bay rải truyền đơn, rồi dùng loa dọa nạt hòng lôi kéo, dụ dỗ cán bộ và nhân dân ta.

Với đặc điểm có tuyến Tỉnh lộ 257 chạy qua, thực dân Pháp thường xuyên điều quân từ thị xã Bắc Kạn đi huyện Chợ Đồn và ngược lại nên trong khoảng 2 năm chiếm đóng, quân dân xã Phong Quang, đã nhiều lần đối mặt với kẻ thù. Theo thời gian và yêu cầu của thực tế, ban đầu khi chưa có kinh nghiệm, du kích và nhân dân được quán triệt tinh thần bảo đảm an toàn về tính mạng, tài sản,

về sau khi có thời cơ, sẽ tiến hành du kích đánh địch, làm tiêu hao sinh lực của chúng. Tuy nhiên, những hoạt động khủng bố của địch trong cả tháng 10 và đầu tháng 11 năm 1947 cũng gây ra nhiều khó khăn cho địa phương. Đối diện với điều đó, một bộ phận cán bộ, nhân dân không tránh khỏi hoang mang, lo sợ về tư tưởng. Nhất là khi nhà cửa, tài sản hầu hết đều bị mất hết. Thời điểm này, ở toàn bộ các thôn như: Miếu Môn, Tổng Mú, Bản Pè, Bản Mún, Nà Phầy, Nà Coọng, Khuổi Cò chỉ còn vài hộ là không bị giặc đốt phá.

Trong bối cảnh quân Pháp ít, lại phải phân tán lực lượng ra chiếm đóng là điều kiện thuận lợi để quân dân huyện Bạch Thông du kích kháng chiến, tiêu diệt quân địch. Đặc biệt, sau những thất bại liên tiếp ở khu vực Chợ Mới, đến trung tuần tháng 11-1947, quân Pháp phải co cụm về đóng tại thị xã Bắc Kạn và Phủ Thông. Vì thế, khu vực từ xã Phong Quang lên Chợ Rã, sang Chợ Đồn rồi xuôi xuống huyện Định Hóa (Thái Nguyên) trở thành vùng tự do. Sau những tháng ngày phải đi tản cư tránh địch, cán bộ, đảng viên và nhân dân trở về địa phương ổn định lại cuộc sống. Chi bộ xác định nhiệm vụ lúc này là củng cố lại lực lượng vũ trang, tổ chức canh gác để nhân dân sản xuất.

Trong thời gian năm 1948-1949, nhiều đơn vị bộ đội như Đại đội 653, Tiểu đoàn 39, Tiểu đoàn 55, Trung đoàn 72, Đại đội Ba Bể thường xuyên đóng quân hoặc bảo vệ tuyến đường 257 để tiếp cận thị xã, đánh quấy rối địch. Vì vậy, mặc dù Pháp co cụm về thị xã nhưng chúng vẫn thường xuyên tổ chức các trận càn quét ra khu vực xung

quanh thị xã. Trong hoàn cảnh nhà cửa, thôn bản chưa dựng lại được, nhân dân các thôn trong xã từ Nà Đình đến Bản Pè¹ vẫn rời làng vào các lán trong rừng, tranh thủ làm ruộng (một vụ), làm nương rẫy, trồng lúa, ngô, khoai, sắn... và chăn nuôi lợn, gà.

Tranh thủ thời gian địch ít cần phá trong năm 1948, Chi bộ Đảng, chính quyền xã lãnh đạo nhân dân thực hiện nhiệm vụ trên các mặt công tác: mở các lớp học thanh toán nạn mù chữ theo từng điểm tản cư; huy động nhân dân đi gánh gạo, muối về dự trữ. Tùy theo sức khỏe, mỗi người gánh 15-30kg muối hoặc gạo. Hàng chục gánh gạo, muối được gánh từ Chợ Mới về các lán dự trữ ở kho Thanh Mai hoặc ngược sông Cầu về kho Duộc (Mỹ Thanh) để chờ mở chiến dịch đánh thị xã.

Cũng trong năm 1948, bộ máy tổ chức Đảng, chính quyền xã Phong Quang cũng có sự thay đổi. Đồng chí Nguyễn Duy Kiên được chỉ định giữ chức Bí thư Chi bộ thay đồng chí Ma Văn Tường²; trong khi đồng chí Hoàng Văn Đạt được phân công là Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính thay đồng chí Cao Thịnh Vực; các ông Lâm Văn Phó, Lưu Đình Đệ, Đặng Phúc Thao là Phó Chủ tịch³. Để nâng cao sức chiến đấu và vai trò lãnh đạo của tổ chức

1. Ban Chấp hành Đảng bộ xã Dương Quang, *Lịch sử đấu tranh cách mạng của Đảng bộ và nhân dân xã Dương Quang 1945-2015*, tr. 73.

2. Năm 1948, đồng chí Ma Văn Tường bị kỷ luật khai trừ, đến ngày 30-01-1964 được kết nạp lại.

3. Ban Chấp hành Đảng bộ xã Dương Quang, *Lịch sử đấu tranh cách mạng của Đảng bộ và nhân dân xã Dương Quang, 1945-2015*, tr. 73.

Đảng, chi bộ một mặt làm tốt công tác kiểm tra, giám sát, mặt khác cũng chú trọng đến việc phát triển Đảng. Tính đến đầu năm 1949, trong tổng số 18 đảng viên của Chi bộ, khu vực Dương Phong (ngày nay) có 4 đồng chí là: Nguyễn Duy Kiên, Nguyễn Duy Lành, Nguyễn Duy Vụ và Cao Thị Vui. Trong đó, đồng chí Lành là đảng viên cao tuổi nhất của Chi bộ xã Phong Quang (41 tuổi).

Sau những tổn thất liên tiếp về quân số do bị bộ đội chủ lực và du kích của ta đánh tiêu diệt, quân Pháp ở Bắc Kạn càng ngày càng rơi vào hoàn cảnh khó khăn, bị động, tinh thần hoang mang. Trước thế bị bao vây, sáng ngày 9-8-1949, quân Pháp đã phải tháo chạy khỏi thị xã Bắc Kạn, thị trấn Phủ Thông, Nà Phặc, Ngân Sơn. Tỉnh Bắc Kạn hoàn toàn được giải phóng. Từ đây, cán bộ và nhân dân các dân tộc xã Phong Quang có điều kiện để khắc phục hậu quả chiến tranh, dựng lại nhà cửa thôn bản, tăng cường tiềm lực về mọi mặt để xây dựng thành vùng hậu phương vững mạnh chi viện cho tiền tuyến.

Trong cả năm 1950 và đầu năm 1951, hoạt động sản xuất nông nghiệp ở huyện Bạch Thông nói chung và xã Phong Quang nói riêng gặp nhiều khó khăn do thiên tai, dịch bệnh thường xuyên đe dọa. Năng suất lúa và cây trồng thấp, nhiều gia đình nông dân lâm vào tình cảnh đói kém. Để giải quyết tình trạng trên, Huyện ủy Bạch Thông đã phát động phong trào “Đẩy mạnh sản xuất, đề phòng nạn đói”, đồng thời cử cán bộ về các xã vận động nhân dân khai hoang, phục hóa, tích cực chăm sóc lúa và hoa màu, huy động lực lượng làm thủy lợi. Hưởng ứng phong trào, bà con nông dân trong các thôn, bản ra sức

khơi nguồn, cải tạo các đoạn nương phai trên địa bàn, đưa nước về tưới tiêu cho đồng ruộng. Được sự chỉ đạo của Chi bộ Đảng và chính quyền, nhân dân hăng hái vỡ hoang, phá rậm, cải tạo và mở rộng diện tích trồng cây lương thực và hoa màu tại các vùng đồi gò rậm rạp. Đến năm 1952, toàn xã đã cấy 175kg lúa giống, gieo trồng 140 ống bắp soi, bắp rẫy.

Sản xuất nông nghiệp có bước phát triển, đời sống của nhân dân từng bước được ổn định và nâng cao đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện nghĩa vụ đóng góp với Nhà nước. Thực hiện Sắc lệnh thuế nông nghiệp của Chính phủ, vụ mùa năm 1951, nhân dân các thôn Miếu Môn, Bản Pè, Tổng Mú, Bản Mún, Nà Phây, Nà Coọng, Khuổi Cò cùng nhân dân trong xã Phong Quang đóng trên 40 tấn thóc thuế.

Bước sang năm 1953, thực hiện chủ trương của cấp trên về việc phân chia lại địa giới hành chính của xã để phù hợp với trình độ quản lý của cán bộ trong thời kỳ mới, nhiều địa phương thuộc huyện Bạch Thông được lập lại. Chi bộ Đảng đã họp bàn với đảng viên và nhân dân để làm công tác tuyên truyền, giải thích về chủ trương của Đảng, cũng như phân công nhân sự mới. Theo đó, ngày 1-8-1953, Hội đồng nhân dân xã Phong Quang họp lần cuối tại nhà cụ Hà Văn Mèo (thôn Nà Di) quyết định việc tách Phong Quang thành 4 xã mới: Đình Phùng, Minh Khai, Hồng Phong, Thanh Phong.

Để đảm bảo tính ổn định của địa phương, Huyện ủy Bạch Thông đã nhanh chóng chỉ đạo việc hoàn thiện công

tác tổ chức cán bộ. Lúc này, Huyện ủy chỉ định đồng chí Hà Văn Cam giữ chức Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính xã Thanh Phong; đồng chí Đặng Khánh Chấn làm Phó Chủ tịch xã; đồng chí Bé Văn Giáp làm Xã đội trưởng. Tiếp đó, cũng trong năm 1953, căn cứ Điều lệ Đảng, số lượng đảng viên và tình hình thực tiễn tại địa phương, Huyện ủy ra quyết định thành lập Chi bộ Đảng xã Thanh Phong gồm 7 đảng viên, đồng chí Nguyễn Duy Kiên được phân công làm Bí thư Chi bộ. Phong trào văn hóa - xã hội tiếp tục phát triển. Các lớp bình dân học vụ được duy trì thường xuyên, cán bộ xã gương mẫu đi đầu trong việc bỏ tục văn hóa, nâng cao trình độ. Công tác xây dựng đời sống mới được quan tâm. Đội văn nghệ quần chúng lấy thanh niên, phụ nữ, nông dân làm nòng cốt, thường xuyên biểu diễn phục vụ nhân dân. Các hủ tục, mê tín dị đoan, ma chay, cưới xin tốn kém, cờ bạc... dần được loại trừ, các đám cưới, đám tang được tổ chức theo hình thức đời sống mới vừa lành mạnh, vừa giản dị, tiết kiệm. Về y tế, cuộc vận động nhân dân ăn sạch, ở sạch, uống sạch, diệt ruồi muỗi, diệt chấy rận, diệt chuột bọ... được đẩy mạnh, góp phần ngăn chặn các dịch bệnh.

Bên cạnh việc phát triển lực lượng du kích, xã đã thành lập đội dân công hỏa tuyến thường xuyên tham gia kéo gỗ, sửa đường tại Đèo Giàng, Quốc lộ 3... Hội Phụ nữ, Hội Mẹ chiến sỹ và các đoàn thể cứu quốc làm tốt công tác hậu phương quân đội, tăng cường vận động nhân dân thi đua “giúp đỡ bộ đội, đỡ đầu du kích”. Nhân các dịp lễ tết hoặc mỗi lần có chiến dịch, nhân dân đều gửi quà cho bộ đội như gạo, bò, lợn, bánh... Phong trào tòng

quân đánh giặc cứu nước được phát động rộng rãi, hàng chục thanh niên địa phương đã ghi tên đăng ký.

Thất bại liên tiếp trên các chiến trường, thực dân Pháp tập trung lực lượng tại Điện Biên Phủ nhằm “tạo ra những điều kiện quân sự làm cơ sở cho một giải pháp chính trị có danh dự”. Trong tình hình mới, Bộ Chính trị quyết định mở cuộc tiến công chiến lược Đông Xuân 1953-1954. Với khẩu hiệu: “Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để đánh thắng”, nhân dân Thanh Phong tích cực quyên góp lương thực, thực phẩm, quần áo gửi ra mặt trận. Nhiều thanh niên, nông dân, phụ nữ không quản ngại khó khăn, vất vả, tham gia dân công lên đường phục vụ chiến dịch. Trong chiến dịch Điện Biên Phủ, Thanh Phong có đồng chí Nguyễn Duy Quảng trực tiếp tham gia chiến đấu.

Ngày 7-5-1954, chiến dịch Điện Biên Phủ toàn thắng. Ngày 21-7-1954, Hiệp định Giơ-ne-vơ về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam được ký kết. Miền Bắc hoàn toàn giải phóng. Tin thắng trận làm nức lòng nhân dân toàn huyện Bạch Thông nói chung và nhân dân trên địa bàn xã Thanh Phong nói riêng.

Những năm trường kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, nhân dân ta đã trải qua bao khó khăn, gian khổ và giành được những thắng lợi vẻ vang. Trong suốt cuộc kháng chiến, nhân dân xã Phong Quang nói chung (từ 1953 là Thanh Phong) đã có những đóng góp tích cực vào sự nghiệp cách mạng chung với nhiều hình thức phong phú.

Từ sau Cách mạng giành chính quyền năm 1945 đến tháng 12-1946 là thời gian củng cố chính quyền nhân dân,

chuẩn bị điều kiện để bước vào cuộc kháng chiến chống Pháp. Cuối năm 1946, Chi bộ Đảng xã Phong Quang thành lập, trở thành hạt nhân lãnh đạo các phong trào kháng chiến, kiến quốc ở địa phương. Dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Chi bộ Đảng, nhân dân xã nhà đã chiến đấu dũng cảm, đồng thời ra sức đẩy mạnh sản xuất, hoàn thành tốt vai trò, trách nhiệm của hậu phương lớn, đóng góp sức người, sức của vào thắng lợi chung của cuộc kháng chiến.

Kinh nghiệm thực tế cùng với những thành tích đã đạt được là nền móng quan trọng và vững chắc để cán bộ, đảng viên và nhân dân Thanh Phong bước sang giai đoạn tiếp theo: Khôi phục kinh tế - xã hội, xây dựng đời sống mới trên quê hương và kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược.

Chương III

CHI BỘ ĐẢNG LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN GÓP SỨC XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở MIỀN BẮC; CHI VIỆN CHO TIỀN TUYẾN MIỀN NAM, ĐẤU TRANH THỐNG NHẤT NƯỚC NHÀ (1954 - 1975)

I. NHỮNG NĂM ĐẦU THỰC HIỆN CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA (1954-1965)

1. Khôi phục kinh tế, ổn định đời sống, tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa (1954-1960)

Chiến dịch Điện Biên Phủ thắng lợi đã buộc thực dân Pháp phải ký Hiệp định Giơ-ne-vơ (ngày 21-7-1954) về chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Việt Nam. Miền Bắc được hoàn toàn giải phóng, bước vào thời kì khôi phục kinh tế - xã hội, hàn gắn vết thương chiến tranh và đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội; trong khi đó, ở miền Nam đế quốc Mỹ và các lực lượng tay sai tìm mọi cách phá hoại Hiệp định Giơ-ne-vơ, âm mưu biến miền Nam Việt Nam thành thuộc địa kiểu mới nhằm chia cắt lâu dài đất nước ta.

Bước vào giai đoạn cách mạng mới, xã Thanh Phong có những thuận lợi nhất định: nhân dân được sống trong hòa bình, niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch

Hồ Chí Minh, cán bộ, đảng viên được củng cố. Bên cạnh đó cũng có những khó khăn mà Chi bộ Đảng Thanh Phong phải đối mặt như trình độ sản xuất còn thấp kém, nông cụ thiếu thốn, sức sản xuất yếu, nhiều diện tích đất đai trong các thôn để hoang hóa nhiều, các công trình giao thông, thủy lợi không có điều kiện tu bổ, đường sá đi lại khó khăn.

Cuối năm 1954, Đại hội Chi bộ nhiệm kỳ 1954-1957 được tổ chức, Đại hội nhấn mạnh nhiệm vụ khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội, ổn định đời sống nhân dân, đồng thời chú trọng công tác xây dựng Đảng, các đoàn thể, đảm bảo quốc phòng - an ninh tại địa phương trong giai đoạn tới.

Đại hội bầu đồng chí Nguyễn Duy Kiên làm Bí thư Chi bộ, đồng chí Nguyễn Như Lại giữ chức Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban hành chính xã. Các đồng chí đảng viên khác được phân công chỉ đạo các mảng cụ thể: kinh tế, văn hóa, xã hội, quân sự, đoàn thể: đồng chí Đằng Khánh Biên - Phó Chủ tịch Ủy ban hành chính xã; đồng chí Nguyễn Văn Đô - Xã đội trưởng; đồng chí Nguyễn Duy Nông - Trưởng ban vận động thanh niên; đồng chí Cao Thị Vui - Hội trưởng Hội Phụ nữ xã.

Vận dụng linh hoạt Nghị quyết của Trung ương Đảng vào tình hình địa phương, Chi bộ Đảng xã Thanh Phong lãnh đạo nhân dân trong xã tích cực tham gia phong trào khai hoang, phục hóa. Kết quả, toàn xã đã mở rộng thêm được hàng chục bung ruộng. Công tác thủy lợi được chú trọng, Chi bộ lãnh đạo nhân dân tập trung tu sửa mương máng, đào đắp các khe suối nhằm điều tiết nguồn nước tưới tiêu trong sản xuất. Phong trào làm phân xanh, phân

rác, gom phân chuồng chuyển xuống ruộng để bón lót được đầy mạnh, hạn chế diện tích cây chay.

Ngoài trồng lúa nhân dân còn trồng thêm các loại cây lương thực như ngô, khoai, sắn... qua đó góp phần cải thiện đời sống của người dân. Cùng với trồng cây lương thực, dưới sự chỉ đạo của Chi bộ xã, tình hình trồng cây ăn quả của xã Thanh Phong bắt đầu được trú trọng phát triển.

Về chăn nuôi, Chi bộ và chính quyền xã lãnh đạo nhân dân đẩy mạnh hoạt động chăn nuôi, chú trọng xây dựng chuồng trại. Đến năm 1955, toàn xã có hơn 70 con trâu; gần 150 con lợn; hơn 2.000 con gia cầm. Chăn nuôi gia súc, gia cầm phát triển đã góp phần cải thiện cơ cấu bữa ăn và quan trọng hơn nữa là đảm bảo sức kéo và phân bón cho sản xuất.

Phấn khởi trước sự phát triển của kinh tế, từ tháng 7-1955 nhân dân trong xã phấn khởi học tập chủ trương xây dựng tổ đổi công, đến cuối năm 1955 toàn xã xây dựng được 7 tổ đổi công, mỗi tổ có từ 5-7 hộ tham gia. Sau khi tham gia tổ đổi công, các hộ gia đình hăng hái sản xuất nên năng suất tăng rõ rệt, từ đó nhân dân rất phấn khởi và hăng hái tham gia tổ đổi công.

Bước vào thực hiện nhiệm vụ trong tình hình mới, thực hiện chính sách của Đảng về ruộng đất, từ cuối năm 1954, các địa phương trong huyện Bạch Thông tiếp tục tiến hành giảm tô. Dưới sự chỉ đạo của Huyện ủy Bạch Thông, năm 1955, đội giảm tô đứng đầu là ông Nguyễn Văn Sẻng - Đội trưởng, ông Nguyễn Văn Chương - Đội phó về xã Thanh Phong triển khai công tác. Mục đích giảm tô là để phân định thành phần giai cấp, đánh đổ giai

cấp địa cấp bóc lột như địa chủ, phú nông và tư sản, qua đó củng cố tầng lớp trung nông, bản nông và cố nông. Trong đợt giảm tô, ông Hà Văn Cam bị khai trừ khỏi Đảng, xóa bỏ chức vụ Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính xã.

Mặc dù phong trào giảm tô thu được nhiều kết quả tích cực, nhưng bên cạnh đó trong quá trình tiến hành giảm tô chính quyền xã còn mắc phải một số sai lầm. Chính quyền chưa phân loại thành phần địa chủ, chưa dựa vào các tổ chức đoàn thể và chưa bám sát với thực tế địa phương. Những sai lầm đó đã làm cho một bộ phận cán bộ, đảng viên có tư tưởng dao động.

Tại hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 10 (năm 1956), Đảng đã thẳng thắn nhận sai lầm, khuyết điểm trong cải cách ruộng đất và tiến hành sửa sai¹. Dưới sự lãnh đạo của Liên khu Việt Bắc, Huyện ủy Bạch Thông, Chi bộ và chính quyền xã tổ chức quán triệt chủ trương sửa sai của Đảng tới toàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân trong xã. Đồng thời, Chi bộ Thanh Phong tiến hành công tác sửa sai, minh oan cho những cán bộ, đảng viên, quần chúng bị quy sai thành phần. Tháng 12-1956, qua sửa sai đồng chí Hà Văn Cam được khôi phục đảng tịch và được vận động công tác trở lại.

Cuối năm 1956, công tác sửa sai đã được Chi bộ và chính quyền xã Thanh Phong cơ bản hoàn thành. Công

1. Thanh Phong là 1 trong 10 xã thí điểm thực hiện cải cách ruộng đất miền núi (Đào Lâm, Đoàn Kết, Hòa Bình, Huyện Tụng, Phong Lưu, Thanh Phong, Quyết Thắng, Cẩm Giàng, Hà Vị, Tân Tiến).

tác sửa sai được thực hiện nghiêm túc đã góp phần củng cố niềm tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân vào Đảng và chính quyền. Từ đó, tình hình địa phương dần đi vào ổn định về chính trị, tư tưởng, nhân dân chuyên tâm vào lao động sản xuất, phát triển kinh tế, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của địa phương.

Để thực hiện có hiệu quả công cuộc cải tạo chủ nghĩa xã hội, giữa năm 1957, Đại hội Chi bộ nhiệm kỳ 1957-1959 được tổ chức. Đại hội nhấn mạnh nhiệm vụ trọng tâm trong nhiệm kỳ là lãnh đạo nhân dân thực hiện từng bước cuộc cải tạo chủ nghĩa xã hội trong kinh tế, nâng cao một bước đời sống nhân dân. Đại hội bầu đồng chí Nguyễn Duy Kiên làm Bí thư Chi bộ, đồng chí Nguyễn Như Lại giữ chức Phó Bí thư - Chủ tịch Ủy ban hành chính xã.

Đầu năm 1958, phong trào tổ đổi công phát triển mạnh mẽ trên tất cả các thôn của xã. Cuối năm 1958, thực hiện chủ trương cải tạo xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền kinh tế tập thể, lấy tổ đổi công làm nền tảng để thành lập các hợp tác xã nông nghiệp, năm 1959 xã Thanh Phong tổ chức xây dựng thí điểm hai hợp tác xã bậc thấp Bản Pè (gồm Bản Pè và Tổng Mú) và hợp tác xã Nà Coọng. Hợp tác xã Bản Pè do đồng chí Hà Văn Cam làm Chủ nhiệm, đồng chí Nguyễn Duy Lành làm Phó Chủ nhiệm. Hợp tác xã Nà Coọng do đồng chí Nguyễn Văn Đô làm Chủ nhiệm, đồng chí Nguyễn Như Nguu làm Phó Chủ nhiệm. Trong hợp tác xã, các hộ xã viên đóng góp ruộng đất, trâu bò, nông cụ vào hợp tác xã để sản xuất tập thể và được hưởng 25% hoa lợi.

Đề tăng cường hơn nữa sự lãnh đạo của Chi bộ đối với phong trào hợp tác hóa nông nghiệp, cuối năm 1959, Đại hội Chi bộ Thanh Phong nhiệm kỳ 1959-1961 được tổ chức, bầu đồng chí Hà Văn Cam làm Bí thư kiêm Chủ tịch Ủy ban hành chính xã; đồng chí Chu Thế Vực - Chi ủy viên, Phó Chủ tịch Ủy ban hành chính xã.

Đầu năm 1960, Chi bộ và chính quyền xã tổ chức cuộc vận động quy mô lớn để động viên các hộ còn lại tham gia vào hợp tác xã. Cuối năm 1960, hợp nhất hai hợp tác xã Bản Pè và Nà Coọng thành hợp tác xã toàn xã lấy tên là hợp tác xã Thanh Phong¹, do đồng chí Hà Văn Cam Chủ tịch xã kiêm chức Chủ nhiệm, đồng chí Nguyễn Văn Đô làm Phó Chủ nhiệm, đồng chí Liêu Văn Tòng làm Kế toán.

Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của chính quyền, các hộ gia đình tự nguyện góp ruộng, trâu, cày, bừa... tổ chức sản xuất chung. Mọi công việc phục vụ sản xuất đều được bà con chung sức gánh vác, sản phẩm thu được ngoài việc thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước, còn lại chia cho nhân dân theo hình thức bình công chấm điểm. Các khâu kỹ thuật được thực hiện nghiêm túc, thóc giống được xử lý theo kinh nghiệm truyền thống và kỹ thuật khoa học. Khi cấy, tùy vào từng loại ruộng và giống để cấy ít hay nhiều giẻ mạ. Hợp tác xã nông nghiệp phát huy hiệu quả rõ rệt, năng suất lao động tăng lên đáng kể, với 150 kg/bung.

1. Thời gian này, hợp tác xã Thanh Phong tiếp nhận thêm một số hộ nông dân ở Tổng Ngang và Nà Chèn vào hợp tác xã. Trong khi đó ở các thôn, bản vùng cao chưa thành lập được hợp tác xã.

Cùng với hợp tác xã nông nghiệp, tháng 9-1960 hợp tác xã tín dụng được thành lập, đồng chí Hà Đức Vượng được cử làm Chủ nhiệm. Hợp tác xã tín dụng hoạt động theo phương thức, thu tiền nhàn rỗi trong nhân dân và cho vay với lãi suất thấp theo quy định của ngân hàng. Cùng với sự lãnh đạo của Chi bộ và sự chỉ đạo của chính quyền, hợp tác xã đã huy động đông nhân dân gửi tiền vào hợp tác xã, hợp tác xã huy động hơn 50% số hộ trên địa bàn xã tham gia vay vốn phát triển kinh tế, qua đó góp phần vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội.

Thực hiện chủ trương của cấp trên về xây dựng nếp sống mới, mỗi bản thành lập 1 đội văn nghệ, 1 đội tuyên truyền vừa kẻ khẩu hiệu vừa vẽ tranh cổ động. Đội văn nghệ xã thường xuyên luyện tập, biểu diễn phục vụ nhân dân. Chính quyền và các ban ngành đoàn thể vận động bà con bài trừ tệ nạn xã hội, các hủ tục trong ma chay, cưới xin.

Sau khi hòa bình lập lại, chính quyền địa phương chú trọng đến công tác xóa nạn mù chữ; đẩy mạnh phong trào “Bình dân học vụ”, tổ chức các lớp học chữ cho nhân dân. Người tham gia học không phân biệt tuổi tác và giới tính, người biết nhiều dạy người biết ít, người biết ít dạy cho người chưa biết. Hàng ngày nhân dân lên nương rẫy sản xuất, tối về lại đốt đuốc, thắp đèn đi học chữ. Phong trào Bình dân học vụ hoạt động ngày một hiệu quả, đến cuối năm 1957 tỷ lệ người biết đọc biết viết của xã đạt hơn 50%.

Công tác y tế chăm sóc sức khỏe cho nhân dân luôn được địa phương quan tâm. Năm 1960, trạm xá xã được xây dựng, cơ sở vật chất còn rất sơ sài, chủ yếu là nhà

tranh tre nứa lá, trình độ chuyên môn của cán bộ còn hạn chế. Mặc dù còn nhiều khó khăn song cán bộ y tế vẫn cố gắng đảm bảo công tác, thường xuyên xuống các thôn bản để tuyên truyền cho nhân dân kiến thức về y tế, phòng tránh dịch bệnh Nhờ sự nỗ lực, cố gắng của đội ngũ cán bộ và nhân viên trạm xá xã, công tác chăm sóc sức khỏe cho nhân dân ngày càng được đảm bảo.

Công tác xây dựng Đảng trên địa bàn xã Thanh Phong có nhiều chuyển biến tích cực. Một số quần chúng ưu tú qua đấu tranh, rèn luyện đã được kết nạp vào Đảng, góp phần đưa phong trào cách mạng của xã ngày càng phát triển.

Lực lượng công an xã được củng cố, tăng cường phối hợp với các ban ngành đoàn thể như Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên Cứu quốc và lực lượng dân quân để thường xuyên tổ chức các hoạt động tuần tra, bảo vệ mùa màng. Từ đó, tình hình đời sống an ninh xã hội trong xã ổn định, nhân dân giữ vững lòng tin vào sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Lực lượng dân quân xã được tổ chức huấn luyện kỹ chiến thuật thường xuyên, qua đó nhận thức của dân quân ngày càng được nâng cao. Cùng với công an xã, dân quân đã tham gia vào giúp đỡ nhân dân sản xuất và tuyên truyền cho nhân dân một lòng tin vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Sau 6 năm (1954-1960), vượt qua mọi khó khăn, cán bộ, đảng viên và nhân dân xã Thanh Phong đã đạt được nhiều kết quả tích cực về mọi mặt: mô hình sản xuất hợp tác xã được mở rộng, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế; hoàn thành cải cách dân chủ, từng bước xác lập quan

hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa. Nhờ đó đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân xã Thanh Phong ngày càng được nâng cao; sự nghiệp giáo dục, y tế, văn hóa ngày càng phát triển. Chính quyền, công an, lực lượng dân quân, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể được củng cố. Thành công lớn nhất là xây dựng được các hợp tác xã nông nghiệp, góp phần đưa đời sống của nhân dân đi vào ổn định và đóng góp không nhỏ lương thực thực phẩm cho chiến trường. Những kết quả đạt được trong 6 năm (1954-1960), là cơ sở để cán bộ, đảng viên và nhân dân xã Thanh Phong bước vào thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất (1961-1965).

2. Thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất (1961-1965)

Từ ngày 5 đến ngày 10-9-1960, Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III diễn ra tại Thủ đô Hà Nội đã xác định nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam là tiến hành xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, thực hiện thống nhất nước nhà. Sau thắng lợi của công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa, miền Bắc bắt tay thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất, bước đầu xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội (1961-1965). Những nhiệm vụ nặng nề, phức tạp ấy đòi hỏi Đảng phải nâng cao tính giai cấp, tính tiên phong, vững mạnh cả về tư tưởng, tổ chức để nâng cao sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo.

Từ năm 1961-1965, Chi bộ Thanh Phong tổ chức thành công hai kỳ Đại hội nhiệm kỳ 1961-1963 và nhiệm kỳ 1963-1965. Căn cứ vào chủ trương chung của Trung

ương, Tỉnh ủy Bắc Thái, Huyện ủy Bạch Thông và tình hình thực tế của địa phương, Các kỳ Đại hội chú trọng đến đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, tăng cường, củng cố hoạt động của các hợp tác xã. Tăng cường hoạt động quốc phòng - an ninh, tập trung xây dựng lực lượng dân quân xã cả về chính trị, tổ chức, trang bị hậu cần, sẵn sàng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Tăng cường công tác xây dựng Đảng, phát triển đảng viên.

Đại hội nhiệm kỳ 1961-1963, bầu đồng chí Hà Văn Cam làm Bí thư Chi bộ kiêm Chủ tịch Ủy ban hành chính xã¹. Đại hội nhiệm kỳ 1963-1965 bầu đồng chí Hà Văn Cam giữ chức Bí thư Chi bộ kiêm Chủ nhiệm Hợp tác xã nông nghiệp; đồng chí Chu Thế Vực làm Phó Bí thư Chi bộ; đồng chí Nông Văn Xương làm Chi ủy viên, Chủ tịch Ủy ban hành chính.

Sau các kỳ Đại hội, Chi bộ đã tập trung chỉ đạo thực hiện tốt các đợt sinh hoạt chính trị học tập các văn kiện của Đại hội Đảng bộ tỉnh, Đảng bộ huyện, học tập Nghị quyết Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 5 về phát triển nông nghiệp trong kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (cuối năm 1961). Các đợt sinh hoạt chính trị được chỉ đạo tập trung, tiến hành sâu rộng trong Chi bộ và các đoàn thể quần chúng, trong các hợp tác xã... nhằm mục đích quán triệt cho cán bộ, đảng viên và nhân dân về đường lối công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, vai trò, phương hướng nhiệm vụ của nông nghiệp trong xây dựng chủ nghĩa xã hội. Từ

1. Tháng 6/1962, đồng chí Nông Văn Xương được bầu giữ chức Chủ tịch Ủy ban hành chính xã thay đồng chí Cam.

đó, xác định phương hướng, nhiệm vụ của các hợp tác xã, xây dựng chỉ tiêu phấn đấu cho toàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân trong xã nhằm thực hiện tốt các nhiệm vụ, kế hoạch của địa phương, góp phần vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa ở miền Bắc, đấu tranh thống nhất đất nước.

Trên cơ sở đường lối của Đảng, phương hướng, nhiệm vụ của tỉnh, huyện đề ra, Chi bộ xã Thanh Phong đã phân tích đặc điểm, tình hình địa phương. Từ đó, xác định kế hoạch cụ thể của xã là: nâng cao ý thức làm chủ tập thể cho cán bộ, đảng viên và nhân dân; củng cố tổ chức và quản lý các hợp tác xã, tăng cường xây dựng cơ sở vật chất khoa học - kỹ thuật; chú trọng đến công tác thủy lợi, đảm bảo tưới tiêu ruộng đồng. Nhân dân hăng hái thực hiện cuộc vận động thi đua “Đèo Giàng anh dũng - Đông xuân quyết thắng”, “đưa cây màu xuống ruộng”... do cấp trên đề ra.

Để thực hiện có hiệu quả kế hoạch của địa phương, Chi bộ xác định cần phải đẩy mạnh hơn nữa việc xây dựng các hợp tác xã và đưa hợp tác xã từ bậc thấp lên bậc cao. Năm 1961, xã thành lập được hai hợp tác nông nghiệp vùng cao là Bản Mún và Khuổi Cò. Hợp tác xã Bản Mún do đồng chí Đặng Thanh Biên làm Chủ nhiệm, đồng chí Lý Tiến Sâng làm Phó Chủ nhiệm. Hợp tác xã Khuổi Cò do đồng chí Bàn Tiến Tài làm Chủ nhiệm, đồng chí Đằng Khánh Biên làm Phó Chủ nhiệm. Năm 1962, hợp tác xã Thanh Phong chuyển từ hợp tác xã bậc thấp lên hợp tác xã bậc cao. Đồng chí Chu Thế Vực làm Chủ nhiệm, đồng chí Hà Đức Tây làm Phó Chủ nhiệm, đồng chí Dương Văn Tiến làm Kế toán. Trong hợp tác xã, công

hữu hóa toàn bộ ruộng đất, trâu bò và thống nhất giao cho hợp tác xã quản lý, xóa bỏ hoa lợi, phân phối theo ngày công lao động.

Nhờ sự cải tiến trong sản xuất nên năng suất lúa bình quân đạt 18 tạ/ha, tổng sản lượng lương thực cả xã duy trì ở mức 120-150 tấn. Bình quân công điểm đạt 1,5 kg/công, bình quân lương thực đầu người đạt 20 kg/tháng.

Cùng với trồng trọt, chăn nuôi cũng có nhiều chuyển biến tích cực. Năm 1961, toàn xã có khoảng 800 con trâu, đến năm 1965 số lượng trâu đã tăng lên 1.000 con.

Cùng với trồng trọt và chăn nuôi trong cơ cấu kinh tế của huyện Bạch Thông nói chung và xã Thanh Phong nói riêng, lâm nghiệp luôn giữ vị trí quan trọng nhằm khai thác và phát huy những tiềm năng của rừng trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Dưới sự chỉ đạo của chi ủy, các tổ chức đoàn thể đã ra sức tuyên truyền vận động nhân dân nâng cao tinh thần bảo vệ, ngăn chặn các hoạt động đốt phá rừng, đồng thời đẩy mạnh trồng rừng. Nhờ sự cố gắng, nỗ lực ấy nên diện tích rừng trồng ngày càng được mở rộng, rừng đầu nguồn được bảo vệ, góp phần đảm bảo nguồn nước và đa dạng sinh học.

Năm 1961, dưới sự chỉ đạo của cấp trên, hợp tác xã mua bán được thành lập, do đồng chí Hà Đức Ty làm Chủ nhiệm, Nguyễn Văn Đô làm Phó Chủ nhiệm, bà Hương Thị Quyển và Hà Thị Ngải phụ trách bán hàng. Hợp tác xã mua bán vừa thực hiện chức năng thu mua sản phẩm nông, lâm sản vừa thực hiện nhiệm vụ cung cấp các mặt hàng thiết yếu phục vụ cho đời sống nhân dân như: mắm, muối, dầu hỏa, vải vóc...

Trong 5 năm (1961-1965), xã Thanh Phong 2 lần tổ chức đón đồng bào dưới xuôi lên xây dựng vùng kinh tế mới (năm 1963 và năm 1965). Trong cả 2 đợt, xã đã đón tổng cộng 19 hộ gia đình thuộc khu vực huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định lên sinh sống tại các thôn Bản Pè, Tổng Ngay, Nà Chèn, Tổng Mú. Các hộ dân được Chi bộ, chính quyền và đồng bào các dân tộc trong xã đón tiếp nhiệt tình, tạo điều kiện về nơi ăn chốn ở. Thời gian đầu, do vẫn quen với lối canh tác ở đồng bằng nên đồng bào miền xuôi gặp khó khăn trong sản xuất. Tuy nhiên, sau đó do nhận được sự quan tâm của Chi bộ, sự đùm bọc, sẻ chia của nhân dân các dân tộc bản địa về kinh nghiệm sản xuất, nên các hộ người Kinh dần hòa nhập vào cuộc sống mới.

Năm 1965, máy bay Mỹ nhiều lần điểu qua trên bầu trời xã, ném bom xuống các địa phương bên cạnh, gây hoang mang tinh thần cho nhân dân. Trước tình hình đó, Chi bộ đã nhanh chóng đề ra những phương án động viên nhân dân thực hiện các biện pháp sơ tán kịp thời. Nhờ có các biện pháp Chi bộ và chính quyền, nhân dân tuyệt đối tin tưởng vào sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc của Đảng.

Chi bộ quan tâm lãnh đạo phát triển công tác giáo dục, nhất là tạo dựng cơ sở hạ tầng trường lớp. Trong giai đoạn 1961-1965, mặc dù cơ sở vật chất còn gặp nhiều khó khăn nhưng bằng sự hỗ trợ của cấp trên và tinh thần nỗ lực của nhân dân, năm 1963 trường cấp I được xây dựng. Với tinh thần khắc phục khó khăn, thầy và trò nhà trường đã không ngừng nỗ lực vượt khó vươn lên đạt nhiều kết

quả trong quá trình dạy và học. Tỷ lệ học sinh chuyển lớp đạt hơn 80%, qua đó góp phần nâng cao đời sống dân trí của nhân dân.

Công tác y tế được Chi ủy và cấp trên quan tâm phát triển, năm 1964 xã xây dựng được trạm y tế. Ông Nguyễn Duy Vương sau khi đi học lớp y sỹ tại Trường Y sỹ Việt Bắc, từ tháng 7/1964 được phân công giữ chức Trưởng trạm y tế xã. Sau khi thành lập, cán bộ trạm đã tích cực hưởng ứng cuộc vận động xây dựng đời sống mới, với khẩu hiệu “sạch bản, tốt ruộng”, “ba sạch, ba diệt”, nhân dân tích cực tham gia vệ sinh phòng bệnh, thực hiện ngủ màn, làm chuồng gia súc kiên cố, bảo vệ nguồn nước... Qua đó, sinh hoạt của người dân được đảm bảo, sức khỏe của bà con được nâng cao.

Hoạt động văn hóa - văn nghệ được Chi bộ quan tâm lãnh đạo, đội văn nghệ xã có nhiều hoạt động tham gia phục vụ đời sống sản xuất và phục vụ sinh hoạt tinh thần cho nhân dân. Thông qua các hoạt động văn hóa - văn nghệ, chính quyền nhân dân đã lồng ghép tuyên truyền nhân dân loại bỏ những yếu tố văn hóa lạc hậu, phát huy truyền thống văn hóa tốt đẹp. Nhờ đó, đời sống tinh thần của người dân ngày càng được nâng cao.

Dưới sự chỉ đạo của chính quyền công tác quốc phòng - an ninh được quan tâm xây dựng, luyện tập sẵn sàng chiến đấu. Khi có tin biệt kích nhảy dù đêm 4-9-1963, lực lượng dân quân xã được huy động chuẩn bị ứng chiến bao vây địch¹.

1. Sau này lại được huy động bảo vệ phiên tòa xét xử biệt kích tại Đình Phùng (Dương Quang).

Trong công tác xây dựng Đảng, để tạo chuyển biến trong nhận thức, Chi bộ xã Thanh Phong luôn quán triệt tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện và xác định công tác tuyên truyền, giáo dục đảng viên là một trong những công tác đặc biệt quan trọng, mang tính sống còn của đảng viên. Tiếp đó, Chi bộ triển khai cuộc vận động xây dựng chi bộ “4 tốt”, đảng viên “5 tốt”. Đến năm 1964, tổng số đảng viên chiếm khoảng 2% dân số toàn xã, số đảng viên là phụ nữ, thanh niên ngày càng tăng.

Theo quyết định số 150/NV ngày 12-5-1964 của Bộ Nội vụ về việc đổi tên một số xã của tỉnh Bắc Kạn, xã Thanh Phong được đổi tên thành xã Dương Phong. Qua 5 năm (1961-1965), cán bộ, đảng viên cùng với nhân dân trên địa bàn đã vượt qua mọi khó khăn, đạt được nhiều kết quả trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội. Hoàn thành kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất, kinh tế địa phương chuyển biến mạnh mẽ, hợp tác xã được xây dựng đã mang lại hiệu quả kinh tế rõ rệt, đời sống nhân dân được cải thiện, quốc phòng - an ninh trên địa bàn được giữ vững. Những kết quả đạt được đã góp phần vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, tạo động lực cho cán bộ và nhân dân địa phương bước vào thời kỳ mới, vừa sản xuất, vừa sẵn sàng chiến đấu chống chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ, tăng cường chi viện cho chiến trường miền Nam, thống nhất đất nước.

II. VỪA SẢN XUẤT VỪA SẴN SÀNG CHIẾN ĐẤU, TÍCH CỰC CHI VIỆN CHO CÁCH MẠNG MIỀN NAM, THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC (1965-1975)

1. Hoàn thành các nhiệm vụ trong bối cảnh đế quốc Mỹ phát động chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ nhất (1965-1968)

Trước âm mưu và hành động phá hoại miền Bắc của đế quốc Mỹ, ngày 25-3-1965, Hội nghị Ban chấp hành Trung ương lần thứ 11 (khóa III) của Đảng họp. Hội nghị đề ra nhiệm vụ quan trọng của quân và dân miền Bắc trong tình hình mới là ra sức xây dựng miền bắc trở thành hậu phương lớn, vững chắc của cách mạng cả nước, vừa bảo đảm đời sống nhân dân, đáp ứng nhu cầu đánh thắng chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, vừa ra sức chi viện cho tiền tuyến lớn miền Nam.

Dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy Bắc Thái¹, Huyện ủy Bạch Thông, Chi bộ, chính quyền xã Dương Phong đã triển khai các đợt sinh hoạt chính trị học tập Nghị quyết Hội nghị lần thứ 11 của Trung ương đến toàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân xã nhà, nhằm quán triệt những nhiệm vụ của cách mạng mà Đảng ta đã vạch ra, đồng thời khẳng định quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược.

Cuối năm 1965, Chi bộ xã Dương Phong tiến hành Đại hội nhiệm kỳ 1965-1967. Đại hội đánh giá các mặt công tác trong nhiệm kỳ trước, qua đó đề ra nhiệm vụ

1. Ngày 01-7-1965, theo Quyết định của Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, hai tỉnh Thái Nguyên và Bắc Kạn sáp nhập thành tỉnh Bắc Thái.

quan trọng về kinh tế - xã hội trong đó quan trọng nhất là công tác quốc phòng - an ninh, nhanh chuyển hoạt động từ thời bình sang thời chiến, tiếp tục đi vào nhiệm vụ củng cố hậu phương vững mạnh về mọi mặt, đồng thời sẵn sàng chi viện cho tiền tuyến. Đại hội bầu Ban Chi ủy nhiệm kỳ mới, trong đó đồng chí Hà Văn Cam làm Bí thư Chi bộ, đồng chí Chu Thế Vực¹ giữ chức Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban hành chính xã.

Quán triệt chủ trương của Đại hội, Chi bộ xã Dương Phong đã lãnh đạo cán bộ, đảng viên và nhân dân trong xã nhanh chóng thực hiện những nhiệm vụ cách mạng mới.

Trong sản xuất nông nghiệp, Chi bộ tập trung đẩy mạnh đưa các loại giống lúa mới như: Nam Ninh, Mộc Tuyền, Trân Châu Lùn, Bao Thai vào đồng ruộng. Năm 1965, diện tích lúa 2 vụ đạt 378 kg/bung/năm (tương đương 37,8 tạ/ha), đến năm 1967, năng suất lúa 2 vụ sụt giảm còn 32 tạ/ha (năm này, Dương Phong có đến 10 đợt mưa lũ lớn gây thiệt hại cho sản xuất của nhân dân). Ngoài ra xã còn có thêm nghề trồng chè, trong đó tập trung ở Tổng Mú và Nà Coọng với diện tích hơn 2ha.

Nhằm đảm bảo sản xuất nông nghiệp hiệu quả, Chi bộ luôn quan tâm lãnh đạo các hợp tác xã chú ý tới vấn đề thủy lợi. Hàng năm, xã huy động các đội thủy lợi đắp lại phai, sửa lại mương, làm lại máy nước, gia cố lại cọn nước... Trong 2 năm (1965-1966), Ủy ban hành chính xã

1. Tháng 12/1966, đồng chí Chu Thế Vực được điều động lên huyện công tác, đồng chí Ma Văn Ái được phân công tạm thời giữ chức Chủ tịch Ủy ban hành chính xã.

Dương Phong tổ chức huy động 100% lực lượng thanh niên và dân quân trong xã để làm con mương dài gần 1.000m, dẫn nước từ suối Khuổi Pịt về cánh đồng thôn Nà Coọng, cung cấp nước tưới cho hơn 1ha diện tích lúa. Cùng với công tác thủy lợi, xã cũng quan tâm tới vấn đề cày ải đất trước khi gieo cấy, bón phân cho đồng ruộng để bổ sung chất dinh dưỡng cho cây trồng.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, toàn xã dấy lên phong trào thi đua yêu nước vô cùng sôi nổi với tinh thần “*Mỗi người làm việc bằng hai với tinh thần vì miền Nam ruột thịt*”. Đoàn Thanh niên xã phát động phong trào “Ba sẵn sàng”, là lực lượng chủ chốt trong các đợt tiến vào giải quyết ruộng cạn, đi đầu trong phong trào cấy ruộng bón phân, nhận chăm sóc và cải tạo ruộng xấu thành ruộng tốt. Hội Phụ nữ thực hiện phong trào “Ba đảm đang”, các chị em không chỉ đảm đang việc nhà mà còn tích cực tham gia vào công việc của địa phương. Các cụ phụ lão của xã cũng hăng hái tham gia chống Mỹ cứu nước, ra sức thực hiện cuộc vận động trị an thời chiến, tham gia truyền dạy kinh nghiệm lao động và chiến đấu đồng thời cũng là lực lượng chủ chốt trong công cuộc vận động con cháu tích cực sản xuất và hăng hái lên đường nhập ngũ, bảo vệ tổ quốc.

Cùng với trồng trọt, chăn nuôi cũng được xã quan tâm, năm 1967, xã xây dựng trại chăn nuôi tập trung tại Bản Pè với trên 70 đầu lợn. Năm 1966-1967, hợp tác xã nông nghiệp Thanh Phong huy động thanh niên cải tạo khoảng 1ha đất mặt nước để làm ao Nà Nghiền thuộc Bản Pè nhằm mục đích vừa phục vụ tưới tiêu cho cây trồng vừa để nuôi trồng thủy sản (chủ yếu là cá) bổ sung nguồn thực phẩm cho xã viên.

Bên cạnh việc chú trọng đẩy mạnh sản xuất và chăn nuôi, Chi bộ còn quan tâm lãnh đạo xây dựng và phát triển các ngành nghề phụ nhằm tạo nên việc làm lúc nhàn rỗi. Thực hiện lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh về việc trồng cây gây rừng vào dịp đầu xuân, nhân dân trên địa bàn xã đã tích cực tham gia trồng các loại cây rừng và cây ăn quả; trường học và Trạm y tế hăng hái tham gia trồng cây xung quanh khuôn viên nhà trường; các cơ quan, đoàn thể là những người đi đầu trong công tác vận động nhân dân tham gia trồng cây gây rừng.

Công tác văn hóa thông tin có bước phát triển mới, qua đó góp phần giáo dục cán bộ, đảng viên và nhân dân trong xã nâng cao tinh thần yêu nước, xây dựng ý chí quyết tâm đánh giặc Mỹ xâm lược. Các bản điều xây dựng đội văn nghệ xung kích biểu diễn với tinh thần “Tiếng hát át tiếng bom”, động viên nhân dân phấn khởi, thực hiện tốt nghĩa vụ công dân.

Về công tác giáo dục, mặc dù tình hình đất nước có nhiều biến động nhưng sự nghiệp giáo dục của huyện Bạch Thông nói chung và xã Dương Phong nói riêng không ngừng phát triển. Dựa vào sự giúp đỡ của chính quyền, hợp tác xã và nhân dân về cơ sở vật chất, các lớp vỡ lòng được duy trì và mở rộng. Phong trào thi đua “Hai tốt” được nâng cao, nhằm nâng cao chất lượng giáo dục ở bậc phổ thông, từ đó tạo nên sự chuyển biến trong việc giảng dạy của giáo viên và việc học của học sinh ở địa phương.

Công tác y tế, chăm sóc sức khỏe cho cán bộ và nhân dân được tăng cường. Cuộc vận động tuyên truyền phòng chống dịch bệnh cho cộng đồng các dân tộc được thực

hiện tốt. Việc mở rộng và phát huy mạng lưới y tế đã có tác dụng nâng cao nhận thức đồng bào vùng cao, động viên nhân dân sử dụng thuốc chữa bệnh khi bị ốm. Năm 1967, trong huyện một số xã bùng phát dịch sốt rét, trong đó trên địa bàn xã Dương Phong cũng đã có hơn 20 người bị cúm do dịch sốt rét. Nhưng nhờ sự lãnh đạo kịp thời của Chi bộ và sự chỉ đạo sâu sát của chính quyền các cấp, cùng với tinh thần trách nhiệm của cán bộ y tế nên dịch bệnh đã nhanh chóng được dập tắt¹.

Giữa năm 1967, Chi bộ xã Dương Phong tổ chức thành công Đại hội Chi bộ nhiệm kỳ 1967-1969. Đại hội thông qua nghị quyết, trong đó nhấn mạnh yêu cầu thúc đẩy phát triển sản xuất, cải tiến quản lý hợp tác xã. Song song với đó đảm bảo nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh, xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh, đảm bảo tốt công tác lãnh đạo, chỉ đạo phong trào. Đại hội bầu Ban Chi ủy, trong đó đồng chí Hà Văn Cam giữ chức Bí thư, đồng chí Ma Văn Ài làm Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban hành chính xã.

Triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội trong bối cảnh đế quốc Mỹ mở rộng chiến tranh phá hoại ra miền Bắc, Chi bộ đẩy mạnh lãnh đạo nhân dân thực hiện công tác phòng chống chiến tranh phá hoại. Ngày 7-4-1968, máy bay Mỹ ném 5 quả bom xuống khu vực Khuổi Ngươi thuộc thôn Tổng Mú, trong đó có 4 quả nổ, 1 quả không nổ. Tuy nhiên, do số bom này rơi xuống khu vực rừng núi nên không gây thiệt hại gì về người và tài sản của nhân

1. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Bạch Thông, *Lịch sử Đảng bộ huyện Bạch Thông (1930-1975)*, tr. 186.

dân. Do Chi bộ lãnh đạo các cơ quan, đoàn thể thực hiện tốt công tác tuyên truyền vận động nên tư tưởng của nhân dân không những không bị dao động mà ngược lại càng tăng thêm tinh thần hăng hái sản xuất, sẵn sàng chiến đấu bảo vệ quê hương.

Đối với công tác phát triển Đảng, từ 1965-1968, Chi bộ phát hiện và bồi dưỡng được nhiều quần chúng vào Đảng. Thực hiện Nghị quyết số 36 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, cuộc vận động xây dựng Chi bộ “bốn tốt”¹ đã đi vào chiều sâu, hướng vào việc phát huy vai trò tiên phong, gương mẫu của đảng viên ở cơ sở; nâng cao vai trò của tổ chức cơ sở Đảng. Kết hợp xây dựng Chi bộ “Bốn tốt” với các cuộc vận động cải tiến quản lý, kỹ thuật và vận động bảo vệ trị an. Công tác kiểm tra được đẩy mạnh, tính Đảng, tính giai cấp, nguyên tắc tập trung dân chủ trong Đảng được nâng cao. Qua các cuộc kiểm tra, kiểm điểm đã nghiêm khắc xử lý một số đồng chí mắc sai lầm nhằm nâng cao kỷ luật, ý thức tổ chức của Đảng và giáo dục đảng viên; tinh thần đấu tranh trong nội bộ được nâng lên, hạn chế sai sót trong chấp hành chủ trương, đường lối và kỷ luật của Đảng.

Cuối tháng 4-1968, Chi bộ đã chỉ đạo thực hiện Chỉ thị số 143 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp. Thông qua cuộc bầu cử, ý

1. Chi bộ 4 tốt: đảng viên phải gương mẫu trong mọi công việc, liên hệ chặt chẽ với quần chúng, nội bộ thật sự đoàn kết, chấp hành tốt đường lối chính sách của Đảng, lãnh đạo sản xuất và chiến đấu; một lòng một dạ phục vụ nhân dân, đối với Đảng thì cùng cố tốt và phát triển tốt.

thức làm chủ của nhân dân được nâng lên, lựa chọn được những người có đức, có tài, có nhiều thành tích trong sản xuất và chiến đấu vào Hội đồng nhân dân các cấp. Thành công của cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp ở Dương Phong đã góp phần quan trọng nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của chính quyền. Chi bộ Dương Phong không ngừng chăm lo, phát triển các tổ chức đoàn thể quần chúng, qua đó đưa quần chúng vào các phong trào cách mạng. Với phong trào “*Ba sẵn sàng*”, Đoàn Thanh niên luôn là lực lượng xung kích trong sản xuất, đi đầu trong việc đưa ứng dụng khoa học - kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp, sẵn sàng chiến đấu và phục vụ chiến đấu, hăng hái đi bộ đội, tham gia thanh niên xung phong, dân quân tự vệ. Các em thiếu niên, nhi đồng có phong trào “*Nghìn việc tốt*”, phấn đấu giành danh hiệu “*Cháu ngoan Bác Hồ*”, tích cực học tập, lao động, cổ vũ tiên tuyến. Công tác phát triển Đội trong nhà trường tiếp tục được triển khai sâu rộng. Phong trào “*Ba đảm đang*” của Hội Phụ nữ được phát huy mạnh mẽ trong sản xuất, chiến đấu và phục vụ chiến đấu. Khí thế thi đua lao động sản xuất trong phụ nữ ngày càng sôi nổi, chị em phấn đấu vượt lên khó khăn, đảm bảo sản xuất, áp dụng khoa học, kỹ thuật vào nông nghiệp. Góp phần nâng cao năng suất, sản lượng lương thực qua các năm.

Sau 4 năm nỗ lực phấn đấu (1965-1968), thực hiện khẩu hiệu “*Tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược*”, xã Dương Phong đã đạt được những kết quả quan trọng trên các mặt: Cùng cố và hoàn thiện một bước quan hệ sản xuất mới, tiến hành tốt cuộc vận động cải tiến, quản lý

hợp tác xã, đẩy mạnh phát triển kinh tế nông nghiệp, tiến hành tốt công tác phòng không nhân dân, đảm bảo an ninh thôn bản, từng bước phát triển công tác văn hóa, giáo dục, y tế. Bên cạnh những kết quả đạt được, Dương Phong vẫn còn những mặt hạn chế, yếu kém như: Cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ cho sản xuất còn nghèo nàn, kinh tế phát triển chưa toàn diện, chủ yếu vẫn là sản xuất lúa, chưa mở rộng sản xuất cây công nghiệp và các loại cây màu, chậm phát triển ngành nghề. Do vậy, đời sống của nhân dân còn gặp nhiều khó khăn. Từ những thành công và những hạn chế, tồn tại của xã nhà trong những năm 1965-1968, Chi bộ Đảng xã Dương Phong đã rút ra được những bài học kinh nghiệm quý báu để tiếp tục vươn lên giành nhiều thành tích cao hơn trong những năm tiếp theo của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

2. Đẩy mạnh sản xuất, tích cực chi viện cho miền Nam đánh thắng giặc Mỹ xâm lược, hoàn thành thống nhất đất nước (1969-1975)

Thất bại trong chiến tranh phá hoại miền Bắc, chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của Mỹ bị phá sản. Ngày 31-3-1968, đế quốc Mỹ ngừng mọi hoạt động không quân, hải quân phá hoại từ vĩ tuyến 20 trở ra. Năm 1969, sau khi lên làm tổng thống Mỹ, Ních-xơn thực hiện chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” ở miền Nam Việt Nam. Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của dân tộc ta bước sang giai đoạn mới. Tháng 3-1969, Bộ Chính trị ra Nghị quyết chỉ rõ: Nhiệm vụ của miền Bắc là phải tranh thủ thời gian hòa bình, khôi phục và phát triển kinh tế, tăng cường củng cố quốc phòng, làm cho miền Bắc nhanh chóng lớn mạnh, đáp ứng nhu cầu chi viện cho tiền tuyến lớn miền Nam.

Tháng 4-1969, Đại hội Chi bộ xã Dương Phong nhiệm kỳ 1969-1971 được tiến hành. Đại hội đã đánh giá những thành tích đạt được trong nhiệm kỳ trước và đề ra phương hướng, nhiệm vụ trong nhiệm kỳ tiếp theo với nội dung chủ yếu: Ra sức phát triển sản xuất, trọng tâm là sản xuất nông nghiệp, lấy thâm canh lương thực là chính; tăng cường chi viện sức người, sức của cho tiền tuyến lớn miền Nam; giữ vững an ninh trật tự, đẩy mạnh công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị vững mạnh về mọi mặt. Đại hội bầu đồng chí Hà Văn Cam làm Bí thư Chi bộ¹, đồng chí Ma Văn Ài làm Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban hành chính xã.

Hoạt động thi đua lao động sản xuất ở xã diễn ra hết sức sôi nổi, các phong trào thi đua sản xuất với tinh thần “Không ngừng nâng cao sức chiến đấu của tổ chức cơ sở Đảng ở nông thôn”, tiếp tục xây dựng Chi bộ, đảng viên “5 tốt” được tiến hành thường xuyên.

Giữa lúc cán bộ và nhân dân xã Dương Phong đang phấn khởi thi đua chào mừng kỷ niệm ngày Cách mạng Tháng Tám thành công và Quốc khánh 2-9 thì được tin Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời. Đây là một tổn thất vô cùng to lớn đối với dân tộc ta, hòa trong nỗi đau của cả nước, nhân dân các dân tộc trên địa bàn xã Dương Phong đã có những hoạt động thi đua trên tinh thần biến đau thương thành hành động. Chi bộ phát động phong trào đẩy mạnh lao động sản xuất, thi đua học tập, sẵn sàng

1. Từ tháng 01/1970, đồng chí Hà Đức Ty giữ chức Bí thư Chi bộ thay đồng chí Cam.

tham gia chiến đấu bảo vệ Tổ quốc, tự nguyện học tập và làm theo tấm gương Bác Hồ vĩ đại. Ngày 29-9-1969, Bộ Chính trị ra Chỉ thị cho toàn Đảng, toàn quân và toàn dân mở đợt sinh hoạt chính trị rộng lớn: học tập và làm theo Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Các phong trào thi đua lập công dâng Bác trong lao động sản xuất, trong xây dựng lực lượng vũ trang... được quân và dân trong xã tham gia hưởng ứng tích cực.

Trong các năm 1971, 1973, Chi bộ xã Dương Phong tổ chức Đại hội Chi bộ nhiệm kỳ 1971-1973, 1973-1975. Các kỳ Đại hội đều đề ra nghị quyết về đẩy mạnh sản xuất, tăng cường xây dựng lực lượng vũ trang địa phương, đẩy mạnh công tác xây dựng lực lượng vũ trang địa phương và tích cực chi viện cho sự nghiệp giải phóng miền Nam. Tăng cường công tác xây dựng Đảng và năng lực lãnh đạo của Chi bộ.

Dưới sự chỉ đạo của Huyện ủy và Ủy ban hành chính huyện, Chi bộ Dương Phong bắt tay vào thực hiện các Nghị quyết của Đại hội Đảng bộ huyện, Nghị quyết các kỳ Đại hội Chi bộ xã, tiếp tục đưa các hợp tác xã lên quy mô lớn, tăng cường cải tiến khâu quản lý làm cho các hợp tác xã thực sự vững mạnh, đảm bảo thực hiện thắng lợi mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội trong thời kỳ mới.

Thực hiện phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế do Nghị quyết Đại hội Chi bộ xã đề ra, Ban Chi ủy tập trung lãnh đạo đẩy mạnh sản xuất. Công tác quản lý hợp tác xã được tăng cường, thực hiện tốt chế độ 3 khoán, xếp bậc công việc, định tiêu chuẩn tính công, giá trị ngày công đạt trên 1,5 kg thóc/công. Việc thu chia, phân phối của hợp tác xã được chặt chẽ hơn, đảm bảo đúng nguyên

tắc. Phương án thu chia các vụ, các năm tính theo 3 phần: Đóng góp cho Nhà nước, để quỹ hợp tác xã, còn lại phân phối nội bộ xã viên. Nguyên tắc phân phối theo lao động, ai làm nhiều hưởng nhiều, làm ít hưởng ít. Riêng về lương thực, chia theo 3 đối tượng: 1, 2, 3, ưu tiên đối tượng chính sách.

Đẩy mạnh thực hiện kế hoạch vụ đông - xuân, chủ lực là giống Nông nghiệp 5, Nam Ninh. Tăng cường áp dụng các biện pháp khoa học kỹ thuật được áp dụng vào sản xuất như: cày sâu, bừa kỹ, làm cỏ, bón phân chuồng, phân xanh, xử lý giống và sử dụng các loại giống mới như Bao Thai lùn, Trân Châu lùn... Công tác quản lý hợp tác xã được Chi bộ tăng cường lãnh đạo, thực hiện tốt chế độ 3 khoán, xếp bậc công việc, định tiêu chuẩn tính công, giá trị ngày công lao động bằng công điểm, đạt khoảng 1,3-1,8kg thóc/công. Năm 1971, năng suất lúa bình quân đạt 160 kg/bung/năm. Mỗi năm thực hiện nghĩa vụ lương thực với Nhà nước 13 tấn. Năm 1975, năng suất lúa đảm bảo duy trì 160-175 kg/ bung/vụ. Toàn xã đã có 98% số hộ gia đình tham gia hợp tác xã.

Các hợp tác xã và hộ gia đình cũng tăng cường đầu tư cho chăn nuôi gia súc, gia cầm. Công tác thú y phòng chống dịch bệnh có nhiều chuyển biến tích cực, do vậy số lượng đàn trâu, bò tăng 26% so với kế hoạch.

Phát triển lâm nghiệp là một trong những thế mạnh của huyện cũng như xã có những kết quả đáng khích lệ. Năm 1974, xã thành lập Ban Lâm nghiệp, với nhiệm vụ trực tiếp quản lý, bảo vệ tài nguyên rừng trên địa bàn xã. Thực hiện chỉ đạo của cấp trên về việc bảo vệ và phát

triển rừng, tình trạng phá hoại rừng ngày càng giảm thiểu, diện tích cây trồng mới ngày càng tăng, qua đó góp phần phủ xanh đồi núi trọc.

Các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp như: sản xuất gạch mộc, ngói âm dương, nông cụ sản xuất như cày, bừa... được hợp tác xã quan tâm phát triển. Qua đó góp phần đảm bảo nhu cầu sử dụng của bà con xã viên, tạo việc làm những thời gian nhàn rỗi.

Song song với nhiệm vụ lãnh đạo phát triển kinh tế, Chi bộ Dương Phong tiếp tục lãnh đạo nhân dân thực hiện tốt nhiệm vụ chi viện sức người, sức của cho tiền tuyến, góp phần cùng cả nước đánh thắng giặc Mỹ xâm lược. Khẩu hiệu: "*Thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người*" được chuyển thành "*Thóc thừa cân, quân vượt mức*". Giai đoạn 1969-1975, bình quân mỗi năm xã Dương Phong có 7 thanh niên nhập ngũ, làm nghĩa vụ lương thực được 15-20 tấn. Chi bộ và nhân dân Dương Phong làm tốt công tác chăm sóc các gia đình thương binh, liệt sĩ và bộ đội. Tiến hành sắp xếp công việc phù hợp với khả năng lao động của từng người; trong phân chia, ưu tiên phân phối lương thực cao hơn so với mức bình quân của xã viên trong hợp tác xã. Những gia đình chính sách gặp khó khăn trong cuộc sống đều được Chi bộ và chính quyền, hợp tác xã hỗ trợ kịp thời.

Lực lượng vũ trang địa phương thời kỳ này được củng cố kiện toàn theo hướng đẩy mạnh xây dựng lực lượng cơ động. Lực lượng dân quân toàn xã được duy trì với 10% dân số (từ 50-60 đồng chí). Tháng 4-1972, đế quốc Mỹ tiến hành chiến tranh phá hoại lần thứ 2, Chi bộ

nhanh chóng lãnh đạo nhân dân chuyển đổi hoạt động sản xuất từ thời bình sang thời chiến. Lực lượng dân quân xã được báo động, trực chiến cao độ, sẵn sàng tham gia đánh trả không quân Mỹ và tham gia truy bắt phi công, biệt kích Mỹ nhảy dù. Cùng với nhiệm vụ lãnh đạo xây dựng lực lượng dân quân vững mạnh, Chi bộ luôn chú trọng củng cố, kiện toàn lực lượng công an xã. Ban Công an xã thường xuyên bảo đảm đủ số lượng theo quy định. Tích cực tuyên truyền, vận động nhân dân luôn đề cao cảnh giác, tham gia phòng chống chiến tranh tâm lý và chống gián điệp của địch. Trực tiếp giải quyết các vụ việc tiêu cực và các mâu thuẫn nảy sinh ở địa phương, đảm bảo cuộc sống bình yên cho nhân dân.

Trong hoàn cảnh chiến tranh khó khăn nhưng công tác giáo dục và y tế luôn được Chi bộ quan tâm lãnh đạo. Được sự giúp đỡ của cấp trên, xã chú trọng tu sửa lại cơ sở vật chất của trường phổ thông cấp I, đưa các lớp về học ở những địa điểm khi chưa có chiến tranh phá hoại. Công tác giáo dục phổ thông và bổ túc văn hóa có bước phát triển mới. Số lượng trẻ em theo học lớp vỡ lòng và học sinh phổ thông đều tăng, năm 1973 cả xã có 64 em đi học vỡ lòng, 147 em học sinh cấp 1, hơn 46 em học sinh cấp 2, hơn 10 người đi học cấp 3. Giai đoạn 1969-1975, nhờ có sự quyết tâm phấn đấu của thầy và trò, sự giúp đỡ tích cực của phụ huynh học sinh, chất lượng các năm của trường cấp I đạt cao. Xét tốt nghiệp cho học sinh chuyển cấp II đạt 78%, các lớp 1, 2, 3 đạt 85%. Tuy nhiên, nhìn chung cơ sở hạ tầng và chất lượng giáo viên của xã thời kỳ này vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển giáo dục

của địa phương. Trạm xá xã được trang bị thuốc, thiết bị y tế, đảm bảo công tác chuyên môn, do đó việc chăm sóc sức khỏe cho nhân dân được tốt hơn.

Công tác xây dựng Đảng của Chi bộ Đảng xã Dương Phong trong thời kỳ này được tiếp tục đẩy mạnh trên cả ba mặt: Chính trị, tư tưởng và tổ chức. Năm 1970, chấp hành Nghị quyết 195 và Chỉ thị 175 của Bộ Chính trị (14-4-1970) về cuộc vận động nâng cao chất lượng đảng viên và kết nạp đảng viên lớp Hồ Chí Minh, thực hiện chỉ đạo của Huyện ủy Chi bộ xã Dương Phong đã tiến hành triển khai nghị quyết đến đảng viên; làm tốt việc kiểm điểm cá nhân đảng viên; đối với nhân dân tăng cường thực hiện học tập điều lệ mới hợp tác xã và xây dựng nếp sống văn hóa mới.

Về chính trị, để không ngừng nâng cao trình độ giác ngộ chính trị tư tưởng cho cán bộ, đảng viên và nhân dân, Chi bộ đã tổ chức nhiều đợt sinh hoạt chính trị, học tập, triển khai các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương, Tỉnh ủy và Huyện ủy như: Tập trung đợt sinh hoạt “chỉnh huấn” chi bộ năm 1969; Đợt sinh hoạt chính trị “Học tập và làm theo Di chúc của Hồ Chủ tịch” theo Chỉ thị 173-CT/TW của Bộ Chính trị ngày 29-9-1969; Cuộc vận động nâng cao chất lượng đảng viên và kết nạp đảng viên lớp Hồ Chí Minh theo Nghị quyết số 195-NQ/TW của Bộ Chính trị ngày 6-3-1970 và Chỉ thị 175 (14-4-1970) về việc đưa những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng trong cuộc vận động nâng cao chất lượng đảng viên lớp Hồ Chí Minh theo Chỉ thị 192-CT/TW của Ban Bí thư ngày 26-10-1971.

Sau mỗi đợt sinh hoạt chính trị, từng cán bộ, đảng viên đều liên hệ, kiểm điểm gắn với nhiệm vụ của mình.

Nhờ đó, đội ngũ cán bộ, đảng viên trong Chi bộ đã nhận thức rõ được tình hình cách mạng mới, quán triệt sâu sắc tư tưởng chỉ đạo “Chống Mỹ cứu nước là nhiệm vụ hàng đầu” của Đảng. Đặc biệt, sau khi Hiệp định Pari được ký kết (27-01-1973), một số quân chúng, đảng viên có tư tưởng nghỉ ngơi, chủ quan. Trước tình hình đó, Chi bộ đã làm tốt công tác tư tưởng, chặn đứng diễn biến phức tạp, phát huy tinh thần tiên công cách mạng.

Về công tác tổ chức, từ năm 1971 đến 1975, Chi bộ tổ chức 2 kỳ Đại hội, các kỳ Đại hội đã đánh dấu bước trưởng thành của Chi bộ về cả số lượng, chất lượng của đảng viên cũng như năng lực lãnh đạo của tổ chức Đảng. Các kỳ Đại hội đều quan tâm đến công tác bồi dưỡng nhân sự, bầu mới Ban Chi ủy với các chức danh Bí thư, Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban Hành chính xã... Thời gian này, đồng chí Hà Đức Ty giữ chức Bí thư Chi bộ; đồng chí Lưu Đình Ưu làm Phó Bí thư; đồng chí Nông Văn Xương làm Chủ tịch Ủy ban hành chính xã; đồng chí Ma Văn Ài làm Phó Chủ tịch Ủy ban hành chính xã kiêm Trưởng Công an; đồng chí Hà Văn Thanh và Hoàng Văn Eng lần lượt giữ chức Xã đội trưởng; đồng chí Hà Đức Vượng làm Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã; đồng chí Chu Văn Vàng và Lưu Đình Ưu làm Bí thư Đoàn Thanh niên; đồng chí Cao Thị Vui làm Hội trưởng Hội Phụ nữ xã; đồng chí Bàn Văn Chảng làm Chủ nhiệm Hợp tác xã Khuổi Cò.

Chế độ sinh hoạt Đảng được duy trì đều đặn và nền nếp. Nội dung, phương thức sinh hoạt Chi bộ và tổ Đảng từng bước được cải tiến, đảm bảo phù hợp và thiết thực, chất lượng sinh hoạt được nâng lên. Nguyên tắc tập trung

dân chủ, tự phê bình, phê bình luôn được giữ vững trong Đảng. Để tăng cường sức mạnh lãnh đạo của Đảng, công tác phát triển đảng viên của Chi bộ luôn được chú trọng. Tuyệt đại đa số đảng viên mới đều ra sức phấn đấu, sẵn sàng nhận và hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao.

Đối với công tác phát triển Đảng, từ thực tiễn các phong trào, cán bộ Dương Phong đã tích cực bồi dưỡng phát triển kết nạp đảng viên mới. Từ năm 1968-1975, Dương Phong có hơn 10 đồng chí được kết nạp vào Đảng. Qua đó góp phần củng cố và phát triển Chi bộ. Cùng với công tác chính trị tư tưởng, củng cố, xây dựng tổ chức, Chi bộ luôn quan tâm đến công tác bồi dưỡng, nâng cao trình độ mọi mặt cho đội ngũ cán bộ các cấp của xã. Cán bộ Đảng, chính quyền, các ban ngành, đoàn thể của xã và cán bộ hợp tác xã được Chi bộ bố trí một cách tương đối hợp lý, đảm bảo đủ số lượng, đạt chất lượng, vừa đáp ứng yêu cầu trước mắt, vừa đáp ứng yêu cầu lâu dài. Đa số cán bộ đều nhiệt tình, trách nhiệm và hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ được giao. Do làm tốt công tác bồi dưỡng nên Dương Phong có đội ngũ cán bộ khá mạnh, đáp ứng yêu cầu thực hiện các nhiệm vụ chính trị của địa phương.

Đầu năm 1975, thực hiện chủ trương của Bộ Chính trị về giải phóng miền Nam khi thời cơ đến, cả miền Bắc, trong đó có nhân dân Dương Phong đã dốc hết toàn lực chi viện sức người, sức của cho chiến trường miền Nam. Chiến dịch Hồ Chí Minh thắng lợi, đất nước hoàn toàn giải phóng, giang sơn thu về một mối là sự kiện có ý nghĩa lịch sử chói lọi trong đấu tranh chống giặc ngoại xâm của nhân dân ta.

Trong không khí vui mừng phấn khởi đó, Chi bộ Đảng xã Dương phong không ngừng củng cố, xây dựng tổ chức, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ cách mạng qua từng giai đoạn. Trong bất kỳ hoàn cảnh khó khăn nào, hầu hết cán bộ, đảng viên đều gương mẫu, vững vàng cả về ý chí và hành động, tổ chức Đảng ngày càng trưởng thành về mọi mặt.

Thời gian 21 năm xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và chi viện cho chiến trường miền Nam đã để lại cho Chi bộ Đảng Dương Phong nhiều bài học kinh nghiệm quý báu đó là: luôn luôn quan tâm xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, nhằm khơi dậy những tiềm năng to lớn của quần chúng phục vụ cho sự nghiệp cách mạng; quán triệt sâu sắc đường lối, quan điểm, chủ trương của Đảng, của tỉnh và huyện vào hoàn cảnh thực tế của địa phương; công tác xây dựng Đảng về tư tưởng, tổ chức, thường xuyên tự phê bình và phê bình nhằm đáp ứng yêu cầu lãnh đạo của phong trào quần chúng. Trải qua thử thách trong khói lửa chiến tranh, cán bộ, đảng viên xã Dương Phong đều vững vàng quan điểm, lập trường, luôn quan tâm đến quần chúng nhân dân, được nhân dân tin yêu. Đó là thành công lớn, đồng thời là hành trang, là điểm tựa để Dương Phong tự hào phát huy, vững bước tiến lên cùng nhân dân cả nước trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn tiếp theo.

Chương IV

XÃ DƯƠNG PHONG TRONG THỜI KỲ XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC VIỆT NAM XÃ HỘI CHỦ NGHĨA, THỰC HIỆN ĐƯỜNG LỐI ĐỔI MỚI (1975-1995)

I. MƯỜI NĂM XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA (1975-1985)

1. Thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm (1976-1980)

Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân năm 1975 với đỉnh cao là Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử đã kết thúc 21 năm kháng chiến chống Mỹ đầy gian khổ nhưng hào hùng của nhân dân ta (1954-1975).

Hòa trong niềm vui chung của dân tộc, sau hơn 20 năm xây dựng chủ nghĩa xã hội, nhân dân các dân tộc xã Dương Phong đã đạt được nhiều kết quả trong sản xuất và chiến đấu; bước đầu xây dựng được cơ sở vật chất - kỹ thuật. Cán bộ, đảng viên được tôi luyện, trưởng thành trong thực tế lãnh đạo phong trào. Nhân dân trong xã có truyền thống yêu nước, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, có sự đoàn kết và tinh thần khắc phục, vượt qua mọi khó khăn trong những năm kháng chiến. Tinh thần ấy được tiếp tục phát huy sau ngày đất nước thống nhất, trở thành động lực, nguồn cổ vũ lớn lao để Dương Phong

bước vào thời kỳ mới - thời kỳ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Đất nước hòa bình, xã có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển, tuy nhiên bên cạnh đó địa phương vẫn còn gặp một số khó khăn: vốn là xã miền núi, trong bối cảnh đất nước sau ngày giải phóng còn nhiều khó khăn nên sự hỗ trợ của cấp trên là rất hạn chế, bên cạnh đó cơ sở hạ tầng còn thiếu thốn, giao thông đi lại cách trở do địa hình chia cắt, trình độ quản lý của cán bộ địa phương còn yếu.

Tháng 9-1975, Hội nghị lần thứ 24 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa III) ra Nghị quyết về “Nhiệm vụ cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới”, trong đó đề cập đến nhiệm vụ cách mạng của miền Bắc là “Đẩy mạnh sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa”. Quán triệt tinh thần Nghị quyết Hội nghị lần thứ 24, các tổ chức cơ sở Đảng trong cả nước đã đẩy mạnh cuộc vận động tổ chức lại sản xuất, cải tiến quản lý trong nông nghiệp và trong các ngành kinh tế, chăm lo cải thiện đời sống nhân dân, phát động các phong trào thi đua lao động, sản xuất, thi đua tiết kiệm để xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Các năm 1976 và 1977, Chi bộ xã lần lượt tổ chức Đại hội nhiệm kỳ 1976-1977 và 1977-1979. Hai Đại hội đều bầu đồng chí Nông Văn Xương làm Bí thư Chi bộ, đồng chí Lưu Đình Ưu làm Phó Bí thư, đồng chí Lưu Đình Thọ làm Chi ủy viên, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã.

Đại hội đánh giá, tổng kết kinh nghiệm 21 năm kháng chiến chống Mỹ cứu nước, khen thưởng, biểu dương những cá nhân, tập thể có nhiều thành tích trong lao động,

sản xuất và chiến đấu. Đại hội xác định nhiệm vụ trọng tâm trong nhiệm kỳ tới là: tăng cường công tác xây dựng Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức Đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng, vận động toàn Đảng, toàn dân đoàn kết phấn đấu khai thác mọi tiềm năng trong xã, ra sức đẩy mạnh sản xuất, phấn đấu tăng nhanh năng suất lao động, nâng cao hiệu quả kinh tế, tạo nhiều sản phẩm hàng hóa, phục vụ đời sống nhân dân, hoàn thành nghĩa vụ với Nhà nước. Bên cạnh đó, đẩy mạnh cải tiến công tác quản lý trong các hợp tác xã, phát triển chăn nuôi và trồng trọt, phát động phong trào thi đua lao động xã hội chủ nghĩa. Đồng thời, tăng cường công tác quốc phòng - an ninh, bảo vệ trật tự trị an địa phương, góp phần ổn định và từng bước nâng cao đời sống nhân dân.

Để thực hiện được nhiệm vụ đó, Chi bộ tập trung giải quyết thắng lợi 4 nhiệm vụ cơ bản: tiếp tục đẩy mạnh thâm canh tăng năng suất cây trồng với trọng tâm là cây lúa, ra sức mở rộng diện tích canh tác, gieo trồng. Tích cực thực hiện phân công lao động, trước hết là trong nông nghiệp. Song song với phát triển kinh tế, chú trọng xây dựng đời sống văn hóa, đấu tranh xóa bỏ những yếu tố văn hóa lạc hậu, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp.

Quán triệt Nghị quyết Đại hội Chi bộ xã, từ cuối năm 1975, các hợp tác xã hăng hái bắt tay vào chuẩn bị gieo cấy vụ xuân - hè năm 1976. Do làm tốt công tác thủy lợi, nên diện tích, năng suất và sản lượng lúa vụ xuân - hè tăng hơn so với năm trước. Từ năm 1977, năng suất lúa duy trì 17-18 tạ/ha, sản lượng trên 300 tấn. Phấn khởi trước sự

thành công của vụ xuân - hè, các hợp tác xã cổ vũ các hộ xã viên tích cực trồng cây lương thực vào vụ hè - thu. Ban Quản trị các hợp tác xã chỉ đạo nhân dân trồng đúng kỹ thuật, đạt kết quả tốt, nhân dân phấn khởi mở rộng diện tích gieo trồng.

Chăn nuôi gia súc, gia cầm trong giai đoạn này có bước phát triển mới. Tính đến năm 1978, tổng đàn trâu bò của xã đạt 260 con, đàn lợn 770 con, tổng đàn gia cầm đạt 2.000 con. Chăn nuôi phát triển đã đảm bảo đáp ứng nhu cầu thực phẩm của nhân dân và đảm bảo cung cấp thực phẩm nghĩa vụ cho Nhà nước.

Cùng với trồng trọt và chăn nuôi, lâm nghiệp cũng được Chi bộ quan tâm lãnh đạo, nhân dân đầu tư phát triển. Việc giao đất, giao rừng cho hợp tác xã quản lý sản xuất, kinh doanh cơ bản đi vào nền nếp. Từ đó, diện tích rừng trồng ngày càng tăng, nhiều khu đồi trọc được phủ xanh, nhờ đó hạn chế lũ lụt và xói lở đất.

Về công tác thủy lợi, Ban Quản trị các hợp tác xã động viên xã viên nạo vét mương, xây dựng phai, tu sửa cọn và làm mới máng nước. Nhờ đó, các cánh đồng của xã Dương Phong luôn đảm bảo nước tưới tiêu, khắc phục hạn hán, qua đó góp phần nâng cao năng suất cây trồng, ổn định đời sống nhân dân. Riêng trong năm 1977, công tác thoát lũ được Chi bộ đặc biệt quan tâm, dưới sự chỉ đạo của huyện, xã đã huy động nhân dân đóng góp hơn 6 nghìn ngày công xây dựng các công trình thủy lợi như Hồ Khuổi Mật, hồ chứa nước xã Sỹ Bình¹...

1. Đảng ủy, BBCH QS huyện Bạch Thông, *Lịch sử Lực lượng vũ trang nhân dân huyện Bạch Thông (1975-2010)*, Nxb QĐND, tr. 15.

Hoạt động văn hóa - văn nghệ, thông tin, thể dục - thể thao diễn ra sôi nổi, góp phần nâng cao đời sống tinh thần của nhân dân. Các đội văn nghệ của xã được Chi bộ và chính quyền thường xuyên động viên, vì vậy đội văn nghệ luôn là hạt nhân đi đầu trong các hoạt động văn hóa, văn nghệ của địa phương vào những dịp kỷ niệm, lễ tết, hội hè. Nhờ sự tuyên truyền vận động của các cơ quan, đoàn thể nhiều tập tục văn hóa lạc hậu dần được giảm bớt.

Được sự quan tâm, đầu tư của Nhà nước, cơ sở vật chất của các nhà trường được nâng cấp, sửa chữa, các trang thiết bị giáo dục được trang bị nhằm đảm bảo cho quá trình dạy và học. Bên cạnh đó, mặc dù còn gặp nhiều khó khăn, nhưng chính quyền địa phương đã tạo điều kiện thuận lợi để các thầy, cô giáo an tâm tập trung cho công tác giảng dạy. Năm 1977, trường cấp II được thành lập tại Tổng Ngay. Trong bối cảnh còn nhiều khó khăn về cơ sở vật chất, lại bị ảnh hưởng bởi mưa bão nên chính quyền xã huy động nhân dân tăng cường công tác chằng chống lớp học. Công tác tuyên truyền giáo dục được xã đẩy mạnh, các gia đình đã tạo điều kiện cho con em đến trường. Qua đó, tỷ lệ học sinh đến trường đạt 99%, tỷ lệ học sinh chuyển lớp đạt trên 90%, tỷ lệ chuyển cấp đạt trên 80%.

Cũng trong thời gian năm 1979, xã Dương Phong đón nhiều đồng bào từ trên Cao Bằng sơ tán về địa phương. Được sự chỉ đạo của cấp trên, thực hiện Chỉ thị số 08-CT/BT ngày 5-3-1979 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tiếp đón, giúp đỡ đồng bào có chiến sự chuyển đến. Tính đến cuối tháng 3-1979, Chi bộ và chính quyền xã Dương

Phong đã tận tình đón tiếp, giúp đỡ đồng bào về nơi ăn chốn ở, hỗ trợ về dụng cụ sản xuất, sinh hoạt. Nhờ vậy, đồng bào đã nhanh chóng hòa nhập về văn hóa và bắt tay vào sản xuất¹.

Công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân được tăng cường. Trong điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ khám chữa bệnh của trạm xá còn gặp nhiều khó khăn. Song các cán bộ y tế của trạm vẫn cố gắng khắc phục để hoàn thành tốt việc chăm sóc sức khỏe cho nhân dân. Phong trào “Ba dứt điểm”² đạt nhiều kết quả tích cực. Công tác chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em được chính quyền xã chú trọng. Cùng với thuốc tây y, trạm xá xã còn chủ trương trồng vườn thuốc nam để chữa một số bệnh thông dụng.

Mặt trận Tổ quốc xã vận động nhân dân tăng cường phát huy truyền thống đoàn kết, đẩy mạnh phong trào thi đua lao động, sản xuất. Thực hiện sự chỉ đạo của Chi bộ, Mặt trận kết hợp với các đoàn thể tổ chức thăm hỏi, động viên các gia đình có con em là thương binh, liệt sĩ vào các dịp lễ, tết.

Trong 5 năm (1976-1980), Hội Phụ nữ thực hiện tốt công tác vận động hội viên tích cực lao động sản xuất, thực hành tiết kiệm, đi đầu trong phong trào xây dựng đời sống văn hóa, phối hợp mật thiết với các ban ngành, đoàn thể tham gia công tác chăm sóc gia đình chính sách, giúp đỡ các gia đình neo đơn trong lao động sản xuất, vận động thanh niên lên đường nhập ngũ, bảo vệ biên giới Tổ quốc.

1. Đảng ủy - Ban Chỉ huy Quân sự huyện Bạch Thông, *Tlđđ*, tr. 16-17.

2. Giếng nước, nhà tắm, nhà vệ sinh.

Cuối năm 1978, tập đoàn phản động Pôn-pôt - Iêng-Sary ở Cam-pu-chia tiến hành cuộc chiến tranh biên giới Tây Nam gây ra nhiều tổn thất về người và của. Tháng 2-1979, Trung Quốc huy động 32 sư đoàn gồm 60 vạn quân tiến công 6 tỉnh biên giới phía Bắc Việt Nam. Hai cuộc chiến tranh liên tiếp nổ ra đã gây ảnh hưởng lớn đến công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Trước nguy cơ ngoại xâm, ngày 5-3-1979, Chủ tịch nước Tôn Đức Thắng ban hành Lệnh Tổng động viên nhằm huy động toàn bộ nhân lực, vật lực cả nước quyết tâm đánh bại quân xâm lược. Thực hiện Lệnh Tổng động viên, xã Dương Phong có 12 thanh niên tình nguyện xung phong lên đường nhập ngũ.

Thực hiện chỉ đạo của Huyện ủy, lực lượng dân quân xã được củng cố và tăng cường trang bị vũ khí, đảm bảo sẵn sàng chiến đấu khi có lệnh điều động của cấp trên. Ban Công an xã luôn được củng cố, kiện toàn, thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ: động viên, hướng dẫn nhân dân tích cực hưởng ứng phong trào “Toàn dân tham gia bảo vệ an ninh Tổ quốc”. Qua đó, tình hình an ninh trật tự trên địa bàn xã luôn được đảm bảo.

Việc bồi dưỡng phát triển đảng viên mới được chú ý, công tác giáo dục đoàn viên trong các tổ chức đoàn cơ sở được đẩy mạnh. Thông qua hoạt động của các đoàn thể quần chúng, như Đoàn Thanh niên đã lựa chọn những quần chúng ưu tú để bồi dưỡng kết nạp Đảng.

Để giữ nghiêm kỷ luật và nâng cao sức chiến đấu của tổ chức cơ sở Đảng và đảng viên, thông qua các đợt học tập, phân loại, nhận thức đội ngũ cán bộ, đảng viên

trong Đảng bộ từng bước được nâng cao. Qua thực tiễn trong phong trào cách mạng ở địa phương, nhất là trước những diễn biến phức tạp của tình hình chiến tranh biên giới phía Bắc và Tây Nam, đội ngũ cán bộ, đảng viên trong Đảng bộ đều vững vàng, kiên định, gương mẫu chấp hành đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Vượt qua nhiều khó khăn, thách thức để thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ hai, Chi bộ và chính quyền xã Dương Phong đã đạt được nhiều kết quả: kinh tế có những bước tiến mới, nông - lâm nghiệp có sự thay đổi theo hướng tích cực, công tác giáo dục, y tế được thực hiện tốt, quốc phòng - an ninh được giữ vững. Những kết quả đạt được trong 5 năm (1976-1980) là cơ sở vững chắc để cán bộ, đảng viên và nhân dân xã bước vào thời kỳ mới.

2. Dương Phong thực hiện đổi mới cơ chế quản lý trong kinh tế nông nghiệp, xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh (1981-1986).

Ngày 10-12-1980, Hội nghị lần thứ 9 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa IV) diễn ra tại Thủ đô Hà Nội đã thảo luận và thông qua phương hướng, nhiệm vụ của kế hoạch Nhà nước 5 năm 1981-1985. Bước vào thực hiện kế hoạch 5 năm 1981-1985, cả nước nói chung và xã Dương Phong nói riêng còn gặp nhiều khó khăn như: thiên tai liên tiếp xảy ra gây ảnh hưởng lớn đến đời sống nhân dân; nền kinh tế trì trệ, chậm phát triển do những yếu kém trong khâu quản lý và tổ chức hoạt động dẫn tới khủng hoảng trầm trọng, hàng hóa, vật tư khan hiếm, cơ chế quản lý kinh tế bao cấp tồn tại nhiều hạn chế.

Ngày 13-01-1981, Ban Bí thư Trung ương Đảng ban hành Chỉ thị số 100-CT/TW “về cải tiến công tác khoán, mở rộng khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động trong hợp tác xã nông nghiệp” (gọi tắt là Khoán 100). Đây là kết quả tìm tòi, đổi mới tư duy trong việc cải cách một bước mô hình hợp tác xã, mở ra một hướng làm ăn mới cho nền sản xuất nông nghiệp.

Quán triệt tư tưởng chỉ đạo và chủ trương, chính sách mới của Đảng, Nhà nước, Đảng bộ, chính quyền và các đoàn thể xã Dương Phong đã tích cực triển khai tổ chức cho nhân dân học tập và thực hiện phương thức khoán theo tinh thần của Chỉ thị 100 CT/TW tại địa phương. Để thực hiện cơ chế khoán sản phẩm đạt chất lượng và hiệu quả tốt, Đảng ủy chỉ đạo hợp tác xã nông nghiệp tiến hành thống kê, phân loại toàn bộ ruộng đất, định mức sản lượng với từng loại ruộng và tổ chức đại hội xã viên để thống nhất các mức khoán. Theo cơ chế này, nếu vượt khoán thì xã viên được hưởng, do đó đã phát huy được tính tích cực chủ động trong lao động, sản xuất của các xã viên, đồng thời tận dụng đất đai, đầu tư phân bón, cải tiến kỹ thuật, tận thu mùa màng để có năng suất và sản lượng cao.

Năm 1980, Chi bộ xã Dương Phong tổ chức Đại hội nhiệm kỳ 1980-1982. Đại hội tiến hành tổng kết, đánh giá những kết quả hoạt động trong nhiệm kỳ trước, đồng thời dựa vào kết quả tổng kết để đề ra phương hướng, nhiệm vụ cụ thể trong thời kỳ mới. Trong nhiệm kỳ, nhiệm vụ trọng tâm là tổ chức phổ biến, quán triệt Chỉ thị 100 của Trung ương Đảng trong sản xuất nông nghiệp; từng bước

ổn định và cải thiện đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân; tăng cường công tác quốc phòng - an ninh, đẩy mạnh phát triển công tác văn hóa - xã hội.

Nhiệm kỳ 1980-1982, Đại hội bầu đồng chí Nông Văn Xương làm Bí thư Chi bộ, đồng chí Hà Đức Cao làm Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, đồng chí Lưu Đình Thọ làm Thường trực Đảng ủy.

Tháng 3-1982, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng được tổ chức. Đại hội đề ra Nghị quyết với phương hướng cụ thể: cần giải quyết những vấn đề cấp bách về sản xuất và đời sống của nhân dân, đổi mới công tác quản lý kinh tế, quản lý xã hội, tổ chức và động viên mạnh mẽ phong trào thi đua xây dựng chủ nghĩa xã hội trong nước.

Năm 1982, Chi bộ Dương Phong tổ chức Đại hội nhiệm kỳ 1982-1985. Đại hội tập trung đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị nhiệm kỳ trước, Chi bộ đề ra phương hướng, nhiệm vụ trong nhiệm kỳ mới: Tiếp tục đẩy mạnh phát triển kinh tế, trong đó chú trọng đầu tư vào nông nghiệp; quan tâm phát triển giáo dục, y tế và văn hóa; củng cố Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể. Đại hội bầu đồng chí Lưu Đình Ưu giữ chức Bí thư Chi bộ, đồng chí Hà Đức Cao làm Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân¹; đồng chí Ma Văn Ngự làm Thường trực Đảng.

Triển khai Nghị quyết Đại hội các cấp, tình hình kinh tế - văn hóa - xã hội của xã Dương Phong có những bước tiến mới. Các hộ xã viên được giao ruộng khoán, phát huy tính năng động, tự chủ, mạnh dạn đầu tư chi phí sản xuất,

1. Từ tháng 01/1984, đồng chí Nguyễn Đình Đào giữ chức Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã.

áp dụng khoa học - kỹ thuật vào trồng trọt. Hợp tác xã làm tốt công tác đưa giống mới vào gieo cấy đạt 95%. Các khâu thâm canh, đảm bảo thời vụ luôn được duy trì thường xuyên.

Chính quyền coi trọng công tác giao thông thủy lợi, thường xuyên tu bổ, nạo vét phai, đào đắp mương, chỉnh sửa lin và các công trình giao thông nội đồng khác. Năm 1983, tại thôn Tổng Ngay, chính quyền và nhân dân xã đã huy động nhân dân góp công xây dựng thành công công trình Xi Phong Tổng Kẹn, góp phần cung cấp nước cho 5ha cánh đồng Tổng Kẹn. Ngoài ra, hợp tác xã hình thành các đội chuyên làm nhiệm vụ cày, bừa, gieo giống, diệt trừ sâu bệnh... Nhờ vậy, năng suất lúa năm 1984 đạt 25 tạ/ha.

Cùng với trồng trọt, công tác chăn nuôi cũng có nhiều chuyển biến tích cực, đảm bảo nhu cầu về sức kéo trong sản xuất nông nghiệp và nghĩa vụ thực phẩm với Nhà nước. Tính đến năm 1984, bình quân mỗi hộ gia đình có 2 con trâu, 3 con lợn và 15 con gà, vịt.

Hoạt động của hợp tác xã mua bán và hợp tác xã tín dụng vẫn được duy trì và hoạt động có hiệu quả. Hợp tác xã mua bán đảm bảo cung ứng vật tư, nông cụ sản xuất, hàng tiêu dùng thiết yếu cho nhân dân, tổ chức thu mua nông sản, thực phẩm cho Nhà nước. Hợp tác xã tín dụng làm tốt công tác cho nhân dân vay vốn phục vụ sản xuất và kinh doanh.

Đi đôi với lãnh đạo phát triển kinh tế, Đảng bộ không ngừng quan tâm phát triển sự nghiệp y tế, giáo dục, văn hóa. Công tác giáo dục đạt được nhiều kết quả tốt, chất lượng dạy và học không ngừng nâng cao. Hàng năm, tỷ lệ học sinh lên lớp đạt 90%. Trạm xá xã luôn tăng cường

công tác khám, chữa bệnh ban đầu cho nhân dân và thực hiện tốt các chương trình, mục tiêu Quốc gia về y tế.

Hoạt động văn hóa, thông tin được chú trọng. Đảng ủy chỉ đạo Ban Văn hóa xã tổ chức tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng trước các hiện tượng tiêu cực trong xã hội. Phong trào văn hóa - văn nghệ, thể dục - thể thao có những bước phát triển mới. Các hoạt động giao lưu văn nghệ, thi đấu thể dục thể thao giữa bà con trong xã với các xã lân cận được tổ chức đều đặn hàng năm. Các loại hình văn hóa lạc hậu ngày càng được hạn chế, những truyền thống văn hóa tích cực được phát huy.

Cùng với việc tập trung xây dựng và phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, Chi bộ, chính quyền xã Dương Phong còn chú trọng tăng cường công tác quốc phòng - an ninh. Thực hiện Chỉ thị 92-CT/TW của Bộ Chính trị về “Xây dựng lực lượng công an nhân dân trong sạch vững mạnh, phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc trong tình hình mới”, Chi ủy xã đã chỉ đạo thành lập mạng lưới an ninh thôn, bản. Nhờ vậy, tình hình an ninh - chính trị, trật tự an toàn xã hội của xã được giữ vững.

Công tác xây dựng quốc phòng luôn được Chi bộ quan tâm lãnh đạo. Hoạt động tuyển quân luôn đảm bảo chỉ tiêu được giao, mỗi năm xã có 3 thanh niên nhập ngũ. Việc tổ chức đăng ký quân sự dự bị hàng năm được thực hiện đầy đủ, đảm bảo đầy đủ về mặt số lượng, đáp ứng nhiệm vụ quân sự cấp trên giao phó. Năm 1981, do có những thành tích nổi bật, lực lượng dân quân tự vệ xã đã được huyện tặng danh hiệu Đơn vị Quyết thắng. Năm 1982,

được huyện khen thưởng vì có thành tích hoàn thành sớm và tốt nhiệm vụ huấn luyện dân quân tự vệ¹.

Công tác dân vận được quan tâm thường xuyên. Chi bộ chỉ đạo Ban Dân vận xã tiến hành tuyên truyền các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Mặt trận Tổ quốc làm tốt công tác hiệp thương, giới thiệu đại biểu ứng cử vào Hội đồng nhân dân các cấp, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân. Đoàn Thanh niên luôn là lực lượng xung kích trong các phong trào thi đua sản xuất và chiến đấu bảo vệ Tổ quốc. Hội Phụ nữ xã nhiệt tình hưởng ứng cuộc vận động “Người phụ nữ mới xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”.

Cùng với các hoạt động ổn định kinh tế, văn hóa, xã hội thì công tác xây dựng và phát triển Đảng luôn được Chi bộ và chính quyền đẩy mạnh thực hiện. Chi bộ Đảng và các tổ Đảng tổ chức sinh hoạt đều đặn, chất lượng. Chi bộ đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng để nhân dân tin tưởng vào đường lối lãnh đạo của Đảng và Nhà nước.

Công tác xây dựng Đảng được Chi bộ phân công đến từng tổ Đảng, các tổ Đảng đi vào hoạt động có nền nếp, chất lượng. Chi bộ Đảng thường xuyên chú trọng đến việc nâng cao năng lực và sức chiến đấu của tổ chức Đảng, tăng cường công tác kiểm tra đảng viên trong việc chấp hành Điều lệ Đảng, chấp hành các chỉ thị, nghị quyết của Đảng. Qua đó, góp phần xây dựng nền nếp và kỷ luật

1. Đảng ủy - Ban Chỉ huy Quân sự huyện Bạch Thông (2012), *Sđd*, tr.70 - 72.

trong Đảng, nâng cao phẩm chất cách mạng, đạo đức cách mạng trong toàn Chi bộ.

Công tác phát triển Đảng có nhiều chuyển biến tích cực. Hàng năm, Chi bộ xã cử quần chúng ưu tú tham gia lớp cảm tình Đảng, góp phần nâng cao giáo dục chính trị, tư tưởng và nhận thức về Đảng. Từ đó, hàng năm Chi bộ tổ chức lễ kết nạp đảng viên mới, đóng góp cho sự phát triển của các phong trào ở địa phương.

Dưới sự lãnh đạo của Chi bộ, chính quyền địa phương ngày càng được củng cố. Các kỳ bầu cử Hội đồng nhân dân được tiến hành đúng luật định. Hội đồng nhân dân sau khi được bầu đã phát huy được quyền hạn và trách nhiệm của mình, đề ra được những Nghị quyết bám sát tình hình thực tế của địa phương, đáp ứng được sự kỳ vọng của Chi bộ, chính quyền và nhân dân. Ủy ban nhân dân xã phát huy trách nhiệm trong quản lý xã hội, đảm bảo lợi ích của nhân dân, tích cực triển khai chủ trương của các cấp ủy Đảng, điều hành quản lý phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội.

Trải qua 5 năm (1981-1985), dưới sự lãnh đạo của Chi ủy và sự chỉ đạo của Ủy ban nhân dân xã, cán bộ, đảng viên và nhân dân trong xã tập trung phát triển kinh tế theo Chỉ thị 100-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng giành được nhiều kết quả tích cực. Đời sống kinh tế xã có bước phát triển mới, đời sống nhân dân từng bước cải thiện, quốc phòng - an ninh được giữ vững, giáo dục - y tế có nhiều tiến bộ.

Trong 10 năm (1975-1985), Chi bộ, quân và dân trong xã Dương Phong đã vượt qua mọi khó khăn thử thách để vươn lên giành nhiều thành tích trên mặt trận kinh tế,

văn hóa, xã hội, công tác xây dựng Đảng, củng cố chính quyền và các tổ chức Đoàn thể. Có được những thắng lợi trên là do sự lãnh đạo sáng suốt của Chi bộ Đảng, sự đoàn kết của các dân tộc trên địa bàn xã, tăng cường sự thống nhất về tư tưởng hành động trong toàn Chi bộ. Với những thành tích đã đạt được là cơ sở vững chắc cho Chi bộ và nhân dân xã Dương Phong vững bước đi lên trong chặng đường đổi mới.

II. ĐẢNG BỘ XÃ DƯƠNG PHONG THỰC HIỆN ĐƯỜNG LỐI ĐỔI MỚI (1986-1995)

1. Những năm đầu đổi mới (1986-1990)

Năm 1986, đất nước thống nhất được hơn một thập kỷ, dưới sự lãnh đạo của Đảng, đất nước ta đã gặt hái được nhiều kết quả thắng lợi trên các mặt: chính trị - văn hóa - xã hội. Song vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế, nhất là nền kinh tế ngày càng tỏ ra yếu kém, tư duy bao cấp lạc hậu, bộ máy quản lý cồng kềnh, đời sống của người dân vẫn còn khó khăn.

Đứng trước tình hình khó khăn, Đảng và Nhà nước đã không né tránh mà nhìn thẳng vào sự thật, thừa nhận những hạn chế thiếu sót đang tồn tại, để từng bước thực hiện đổi mới từng phần.

Căn cứ theo Điều lệ Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV, trước sự phát triển của tổ chức cơ sở Đảng ở địa phương, đầu năm 1986, thực hiện quyết định của Huyện ủy Bạch Thông, Đảng bộ xã Dương Phong được thành lập. Đây là sự kiện quan trọng, đánh dấu sự phát triển và trưởng thành của tổ chức Đảng ở Dương Phong. Từ đây, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, cán bộ, đảng viên và nhân dân Dương

Phong tiếp tục bắt tay vào công cuộc đổi mới kinh tế - văn hóa - xã hội của địa phương.

Ngay sau khi thành lập, Đảng bộ nhanh chóng tổ chức Đại hội lần thứ nhất, nhiệm kỳ 1986-1988. Đại hội đánh giá những kết quả đạt được và những tồn tại, hạn chế của nhiệm kỳ trước; đồng thời đề ra phương hướng, nhiệm vụ và mục tiêu trong giai đoạn mới. Đại hội bầu Ban chấp hành Đảng bộ khóa đầu tiên, Ban Chấp hành bầu đồng chí Ma Văn Ngự làm Bí thư Đảng bộ, đồng chí Nguyễn Đình Đào làm Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, đồng chí Đinh Văn Ngoạt làm Thường trực Đảng ủy.

Từ ngày 15 đến ngày 18-12-1986, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng đã diễn ra tại Thủ đô Hà Nội. Đại hội đã kiểm điểm sâu sắc tình hình phát triển kinh tế, chính trị - xã hội của đất nước sau 10 năm thống nhất. Đại hội cũng đã phân tích tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội, tập trung làm rõ những thành công, đặc biệt là những yếu kém trong 10 năm (1975-1985). Trên cơ sở đó, Đại hội nêu ra nhiệm vụ: phải kiên quyết xóa bỏ cơ chế tập trung bao cấp, xây dựng cơ chế mới phù hợp với quy luật khách quan và trình độ phát triển của nền kinh tế. Đại hội đề ra nội dung: đổi mới tư duy, đổi mới phong cách lãnh đạo...

Đại hội lần thứ VI của Đảng đã thể hiện bước đột phá về phong cách lãnh đạo, sẵn sàng dựa vào thực tiễn để chỉnh sửa những sai sót, đề ra những quy định phù hợp với thực tiễn của đất nước. Qua đó, mở ra một thời kỳ mới trong tiến trình phát triển của đất nước.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp, Đảng ủy xã Dương Phong đã tập trung lãnh đạo chính quyền, các đoàn thể, dân khai thác tiềm năng đất đai và lao động sản xuất, phát triển nông, lâm nghiệp, chăn nuôi. Nghị quyết cũng nhấn mạnh, ngoài trồng lúa cần phải đẩy mạnh phát triển cây hoa màu, lương thực... Tuy nhiên, do thiếu và yếu kỹ năng quản lý, điều hành trong hoạt động sản xuất tập thể và những hạn chế của chính sách khoán 100 nên sức sản xuất vẫn bị kìm hãm, tình trạng “dong công, phóng điếm”, hợp tác xã tự điều chỉnh mức khoán gây thiệt hại cho hộ lao động nhận khoán xảy ra phổ biến. Do đó, tổng sản lượng lương thực quy thóc toàn xã năm 1986 chỉ đạt 328 tấn, năm 1987 đạt 323,7 tấn.

Trước những khó khăn mà ngành nông nghiệp đang gặp phải, ngày 5/4/1988, Bộ Chính trị ra Nghị quyết số 10-NQ/TW về “Đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp”, tạo nên bước đột phá quan trọng trong quá trình đổi mới cơ chế quản lý kinh tế nông nghiệp. Để đưa Nghị quyết 10 đi vào thực tiễn, Huyện ủy Bạch Thông ra Nghị quyết số 33-NQ/HU về tổ chức, học tập, quán triệt tư tưởng của Nghị quyết 10 đến toàn thể cán bộ, đảng viên và quần chúng.

Để lãnh đạo nhân dân thực hiện Khoán 10, giữa năm 1988, Đảng bộ xã đã tiến hành Đại hội Đảng bộ nhiệm kỳ 1988-1990. Đại hội bầu đồng chí Nguyễn Duy Bảo giữ chức Bí thư Đảng bộ, đồng chí Nguyễn Đình Đào là Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân, đồng chí Đinh Văn Ngoạt là Thường trực Đảng.

Triển khai thực hiện Khoán 10, Đảng ủy xã bước đầu lãnh đạo nhân dân thực hiện đổi mới cơ chế quản lý kinh tế nông nghiệp, kiện toàn hợp tác xã. Sau khi được kiện toàn lại, hợp tác xã đã bắt tay ngay vào thực hiện các khâu do tập thể đảm nhận như công tác thủy lợi, làm giống, gieo mạ, phụ trách công tác kỹ thuật.

Hợp tác xã đẩy mạnh khoán sản phẩm cho các hộ xã viên. Nhiều giống ngô cho năng suất cao như TSB1, TSB2, MSB49... được đưa vào trồng đại trà và tận dụng diện tích đất bỏ hoang trồng cây lương thực như khoai, sắn... Nhờ những thay đổi trong tư duy và thực tiễn, nên sản lượng lương thực quy ra thóc của xã năm 1988 đạt 361 tấn, năm 1989 năng suất đạt 389 tấn. Nhờ đó, đời sống của người dân được cải thiện đáng kể. Số hộ bị đói ăn thời điểm giáp hạt trong năm đã giảm so với những năm trước.

Tuy nhiên trước thử thách đổi mới, hợp tác xã nông nghiệp không còn phù hợp, dần đánh mất vai trò và lâm vào tình trạng khủng hoảng trầm trọng trong khi kinh tế hộ gia đình ngày càng khẳng định được vị thế của mình. Đến năm 1989, hợp tác xã nông nghiệp Dương Phong bị giải thể.

Cùng với trồng trọt, hoạt động chăn nuôi cũng được Đảng bộ quan tâm lãnh đạo phát triển. Dưới sự chỉ đạo của chính quyền, nhân dân xã mạnh dạn áp dụng các biện pháp kỹ thuật hiện đại và kinh nghiệm truyền thống vào chăn nuôi. Nhờ đó, tổng đàn trâu của xã giai đoạn này tăng lên gần 700 con, đàn lợn tăng lên hơn 1.200 con

(trong đó có hơn 170 con lợn nái), hàng năm mỗi gia đình có vài chục con gia cầm¹.

Về lâm nghiệp, rừng trên địa bàn xã bị tàn phá nghiêm trọng do nhân dân khai thác tự do, bừa bãi. Công tác quản lý và bảo vệ rừng lỏng lẻo. Trước tình hình đó, năm 1989, Đảng bộ đã họp và nghiêm túc kiểm điểm nguyên nhân dẫn tới tình trạng rừng bị tàn phá nghiêm trọng, qua đó đề ra những biện pháp xử lý và ngăn chặn tình trạng phá rừng. Nhờ vậy, đến đầu năm 1990, tình trạng phá rừng trên địa bàn xã được hạn chế nhiều.

Được sự quan tâm hỗ trợ của các cấp ủy, chính quyền, các hoạt động văn hóa - xã hội tiếp tục được duy trì tốt. Hoạt động thông tin tuyên truyền được đảm bảo thường xuyên. Nhiều công trình văn hóa được tu bổ, nâng cấp.

Thực hiện Nghị quyết số 14-NQ/TW của Trung ương Đảng về cải cách giáo dục, năm 1988, trường cấp I và cấp II đã tách thành 2 trường riêng. Đảng bộ xã đã lãnh đạo Ban Giám hiệu các trường ổn định việc dạy và học, duy trì sĩ số, đảm bảo và nâng cao chất lượng; tiến hành bổ sung trang thiết bị vật chất, thiết bị dạy học cho các cấp học. Nhờ đó, công tác giáo dục của xã đạt được nhiều thành tích, trẻ em đến tuổi đi học đến lớp đạt trên 80%, tỷ lệ chuyển cấp, chuyển lớp luôn đạt từ 85% trở lên.

Công tác y tế luôn đảm bảo chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân, trạm xá xã luôn thực hiện tốt các chương trình phòng bệnh và tiêm chủng hàng năm. Chương trình

1. Đảng ủy - Ban Chỉ huy Quân sự huyện Bạch Thông (2012), *Sđd*, tr.86-87.

dân số - kế hoạch hóa gia đình, xây dựng nếp sống mới được Đảng ủy quan tâm lãnh đạo, nhờ đó đã dần tạo thành phong trào trong quần chúng, mang lại những kết quả đáng kể.

Công tác quốc phòng - an ninh được chú trọng tăng cường. Tình hình an ninh - xã hội được giữ vững. Ban Chỉ huy quân sự tăng cường huấn luyện dân quân, đảm bảo luôn sẵn sàng chiến đấu. Đảng bộ tổ chức giáo dục sâu rộng Luật Nghĩa vụ quân sự cho toàn thể nhân dân, qua đó nâng cao tinh thần trách nhiệm với tổ quốc của đồng bào. Trong 5 năm (1986-1990), xã luôn hoàn thành tốt công tác tuyển quân, mỗi năm xã có 3 người tham gia nghĩa vụ quân sự.

Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng như: Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, Hội Nông dân đã có những bước tiến mới, gắn với yêu cầu chính trị và tình hình thực tế địa phương.

Hội Liên hiệp Phụ nữ xã tiếp tục đẩy mạnh phong trào “Phụ nữ giúp nhau làm kinh tế gia đình”, “Giáo dục kiến thức làm mẹ”, tích cực hăng hái lao động sản xuất. Bên cạnh đó, một số hội viên tham gia đội văn nghệ của xã, góp phần tuyên truyền xây dựng nếp sống mới, con người mới. Ban Chấp hành Hội thực hiện tốt các chương trình nâng cao chất lượng dân số, kế hoạch hóa gia đình, nuôi con khỏe, dạy con ngoan.

Đoàn Thanh niên xã vận động đoàn viên đẩy mạnh thực hiện phong trào “Xây dựng chi đoàn vững mạnh” tại các chi đoàn cơ sở. Ngoài ra, Ban Chấp hành Đoàn xã cũng tổ

chức nhiều hoạt động văn hóa - văn nghệ nhằm tạo sân chơi lành mạnh, bổ ích cho thanh niên và nhân dân địa phương.

Để nâng cao vai trò lãnh đạo, Đảng bộ không ngừng đẩy mạnh công tác tự phê bình và tự phê bình, đẩy mạnh quán triệt Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, các Nghị quyết Trung ương 2, Nghị quyết Trung ương 3 của Bộ Chính trị. Đồng thời, triển khai thực hiện cuộc vận động xây dựng chính đồn Đảng theo tinh thần Chỉ thị số 79-CT/TW, Thông báo số 74-TB/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng. Qua đó, nâng cao nhận thức của cán bộ đảng viên về tình hình, nhiệm vụ cách mạng, về vai trò và tầm quan trọng của công cuộc đổi mới.

Sau 5 năm thực hiện đường lối đổi mới do Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI đề ra, đặc biệt sau 2 năm triển khai Nghị quyết 10-NQ/TW của Bộ Chính trị, được sự chỉ đạo của Huyện ủy Bạch Thông, Đảng bộ và nhân dân xã Dương Phong ra sức phấn đấu đạt được nhiều kết quả trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục, y tế, quốc phòng và an ninh. Sự kiện thành lập Đảng bộ xã Dương Phong đã cổ vũ toàn Đảng, toàn dân tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng bộ và nhân dân phát huy, tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới trong thời gian tới.

2. Tiếp tục đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới, ổn định tình hình kinh tế, an ninh chính trị địa phương (1991-1995)

Sau 5 năm thực hiện đường lối đổi mới do Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI (12-1986) đề ra, tuy đã đạt được những thành tựu quan trọng trong các lĩnh vực song nước ta vẫn còn nhiều khó khăn. Để đưa đất nước vươn

lên về mặt kinh tế, ổn định về mặt chính trị. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 8, khóa VI họp tháng 3-1990 đã quyết định triệu tập Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng vào quý II năm 1991. Tháng 6-1991, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng được tổ chức tại Thủ đô Hà Nội. Đại hội tiếp tục khẳng định và bổ sung đường lối đổi mới của Đảng, đề ra những nguyên tắc lãnh đạo trong thời kỳ đổi mới. Đại hội thông qua “Chương trình xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội” và “Chiến lược ổn định, phát triển kinh tế đến năm 2000”; quyết định nhiệm vụ kinh tế - xã hội 5 năm (1991-1995); thông qua báo cáo xây dựng Đảng, Điều lệ Đảng (sửa đổi). Đại hội xác định: Đảng lấy “Chủ nghĩa Mác - Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh” làm nền tảng, kim chỉ nam cho mọi hành động.

Thực hiện Chỉ thị số 59-CT/TW ngày 22-5-1990 của Ban Bí thư Trung ương Đảng “Về tổ chức Đại hội Đảng bộ các cấp, tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng”, tháng 02-1991, Đảng bộ xã Dương Phong tổ chức Đại hội vòng 1, sau khi tổng kết những kết quả đã đạt được, kiểm điểm những hạn chế còn tồn tại, Đại hội đã đề ra nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đề ra Nghị quyết, phương hướng và nhiệm vụ phát triển trong giai đoạn mới. Tháng 3-1992, Đảng bộ tổ chức Đại hội vòng 2, Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ nhiệm kỳ 1992-1994, đồng chí Nguyễn Đình Dao được bầu làm Bí thư Đảng ủy, đồng chí Nguyễn Ngọc Phàn được bầu làm Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, đồng chí Đinh Văn Ngọt làm Thường trực Đảng ủy.

Đầu năm 1994, Đảng bộ xã Dương Phong tiến hành Đại hội Đảng bộ nhiệm kỳ 1994-1995. Đại hội đánh giá những kết quả đạt được và những khuyết điểm còn tồn tại trong nhiệm kỳ 1991-1994, qua đó đề ra phương hướng và nhiệm vụ trong nhiệm kỳ mới (1994-1995).

Đại hội bầu Ban Chấp hành nhiệm kỳ 1994-1995, đồng chí Nguyễn Đình Đào làm Bí thư Đảng ủy, đồng chí Nguyễn Ngọc Phàn làm Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân, đồng chí Lường Văn Diển làm Thường trực Đảng.

Sau Đại hội, Đảng bộ xã tập trung lãnh đạo nhân dân đẩy mạnh sản xuất, đồng thời tập trung khắc phục khó khăn về thời tiết như hạn hán, sâu bệnh... Đồng thời, Đảng bộ cũng khuyến khích nhân dân áp dụng khoa học - kỹ thuật vào hoạt động sản xuất, phát triển mô hình xen canh, gối vụ... Trong 5 năm (1991-1995), xã duy trì diện tích cây lúa 2 vụ (xuân, mùa) ổn định từ 105-110ha. Năng suất bình quân đạt 30 tạ/ha. Sản lượng đạt 305 tấn. Bình quân lương thực đầu người đạt 300-350 kg/năm. Số hộ làm kinh tế giỏi của năm 1995 tăng nhiều hơn so với năm 1991, đời sống nhân dân ngày càng ổn định.

Cùng với trồng trọt, hoạt động chăn nuôi tiếp tục có bước phát triển, nhất là hình thức chăn nuôi theo hộ gia đình. Năm 1992, toàn xã Dương Phong có 541 con trâu, 52 con bò thì đến năm 1995 đã có 700 con trâu, 90 con bò. Đàn lợn duy trì từ 568 - 610 con (1993-1995).

Về lâm nghiệp, thực hiện chỉ đạo của Huyện ủy Bạch Thông về việc giao quyền quản lý rừng cho từng hộ gia đình, trong hai năm 1992-1993, Ủy ban nhân dân xã Dương Phong đã tích cực triển khai, hoàn thành đạt

98% kế hoạch vào cuối năm 1993. Cụ thể, xã đã giao được 3.046,22/4.919ha cho các hộ. Trong năm 1993, xã đã trồng được 32,4ha quế (ở Nà Chèn) và 33ha mỡ, chăm sóc và bảo vệ tốt cho 141ha rừng được trồng các năm trước đó. Đến năm 1995, xã trồng được 76ha mỡ và 5ha các loại cây quế, hồi, cam, quýt.

Được sự quan tâm chỉ đạo của các cơ quan chính quyền, đặc biệt là sự lãnh đạo của Đảng ủy, sự chỉ đạo sát sao của chính quyền, phong trào xây dựng nếp sống gia đình văn hóa có nhiều kết quả tích cực, các hủ tục lạc hậu trong việc cưới, việc tang dần được loại bỏ.

Trong thời gian 5 năm (1991-1995), thực hiện sự chỉ đạo của Huyện ủy Bạch Thông, công tác giáo dục trên địa bàn xã tiếp tục có nhiều tiến bộ. Đảng ủy và Ủy ban nhân dân xã tạo điều kiện thuận lợi. Được sự giúp đỡ của Nhà nước cùng với sự đóng góp của nhân dân, cơ sở hạ tầng của hệ thống trường học ở xã được sửa chữa và tăng cường. Bước chuyển biến này góp phần chấm dứt tình trạng học sinh bỏ học, thôi học, số học sinh năm sau tăng hơn so với năm trước.

Được sự quan tâm của Đảng bộ và chính quyền xã, công tác y tế, vệ sinh phòng bệnh, chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân được thực hiện tốt. Trạm xá xã đảm bảo tốt công tác chăm sóc sức khỏe cho nhân dân, việc tiêm chủng mở rộng cho trẻ em và uống vắc xin phòng sốt rét, bấu cổ đạt kết quả tốt, nâng cao sức khỏe cộng đồng.

Các hoạt động đền ơn đáp nghĩa được Đảng ủy và chính quyền chỉ đạo sát sao. Với đạo lý “Uống nước nhớ nguồn”, “Đền ơn đáp nghĩa”, nhân dịp ngày lễ, tết, ngày

thương binh liệt sĩ. Đại diện Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Mặt trận Tổ quốc xã đã tổ chức đi thăm, tặng quà cho các gia đình chính sách, đối tượng thương binh, gia đình liệt sĩ, giải quyết việc làm, tặng hàng chục sổ tiết kiệm cho các gia đình chính sách có hoàn cảnh khó khăn.

Hoạt động văn hóa, thể dục, thể thao, thông tin truyền thanh đều có bước chuyển mới. Đảng ủy và Ủy ban nhân dân xã chỉ đạo có hiệu quả công tác thông tin, tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, cung cấp thông tin trong và ngoài nhà nước, khoa học - kỹ thuật phục vụ sản xuất, nâng cao đời sống văn hóa của nhân dân trong xã. Các cấp, các ngành và nhân dân trong xã tiếp tục thực hiện quy chế làng văn hóa, gia đình văn hóa đạt nhiều kết quả.

Trên lĩnh vực quân sự địa phương, dưới sự lãnh đạo của Đảng ủy, cán bộ và nhân dân Dương Phong tiếp tục thực hiện Chỉ thị 135-CT/HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng về công tác an ninh nhân dân. Trong năm 1995, chính quyền và các ban, ngành, đoàn thể cũng triển khai thực hiện Chỉ thị 406/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về cấm sản xuất, vận chuyển, buôn bán và đốt các loại pháo, nổ mìn. Lực lượng dân quân tiếp tục được củng cố, tham gia đầy đủ chế độ huấn luyện quân sự của Ban Chỉ huy Xã đội, hoàn thành chỉ tiêu tuyển quân theo Luật Nghĩa vụ quân sự. Trong 5 năm (1991-1995), xã có hơn 30 thanh niên nhập ngũ.

Về công tác xây dựng Đảng, Đảng bộ tổ chức học tập và kiểm điểm theo Nghị quyết số 03 của Ban Chấp hành Trung ương (khóa VII) “Về đổi mới chỉnh đốn Đảng, đáp

ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới”. Qua học tập, cán bộ, đảng viên có nhận thức sâu sắc quan điểm của Đảng về “Phát triển kinh tế là trọng tâm, xây dựng Đảng là then chốt”. Dưới sự chỉ đạo của Đảng ủy, chi bộ cơ sở ở các bản đã tổ chức học tập, kiểm điểm tự phê bình và phê bình, phân loại đảng viên, tiến hành giáo dục, xử lý nghiêm những đảng viên không đủ tư cách, vi phạm pháp luật, sai phạm về ý chí... góp phần xây dựng tổ chức Đảng trong sạch vững mạnh.

Đảng bộ chú trọng đến phát triển đảng viên mới, đào tạo đội ngũ cán bộ kế cận, coi đây là nhiệm vụ then chốt quyết định đến sự phát triển lâu dài của xã. Mỗi năm, Đảng ủy kết nạp được 4 đảng viên mới.

Công tác xây dựng chính quyền được Đảng bộ quan tâm chú trọng, năm 1994, Đảng bộ lãnh đạo nhân dân thực hiện thắng lợi bầu cử Hội đồng nhân dân 3 cấp nhiệm kỳ 1994-1999. Tỷ lệ cử tri đi bỏ phiếu đạt 99%. Hội đồng nhân dân xã khóa XV, nhiệm kỳ 1994-1999 bầu đồng chí Nguyễn Đình Đào làm Chủ tịch Hội đồng nhân dân, đồng chí Nguyễn Ngọc Phàn làm Chủ tịch Ủy ban nhân dân; đồng chí Nguyễn Hữu Mạnh làm Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã.

Hệ thống đoàn thể ngày càng được củng cố, có nhiều đóng góp thiết thực cho công cuộc đổi mới của xã. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, Mặt trận Tổ quốc, Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, Hội Nông dân đã tập hợp được đông đảo tầng lớp quần chúng tham gia tích cực các phong trào của địa phương. Mặt trận Tổ quốc đã phát huy chính sách đại đoàn kết toàn dân để tạo thêm sức mạnh cho sự nghiệp

đổi mới. Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ là lực lượng nòng cốt, luôn gương mẫu trong mọi phong trào. Đa số các đoàn thể đạt tiêu chuẩn vững mạnh, thực sự là chỗ dựa của Đảng và chính quyền trong việc triển khai, thực hiện các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh - quốc phòng của địa phương.

Thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị ra ngày 6-12-1989 về việc thành lập Hội Cựu chiến binh các cấp, ngày 18-6-1995, Hội Cựu chiến binh xã Dương Phong được thành lập thu hút sự tham gia của các cựu chiến binh trong xã.

Như vậy, từ 1986-1995 là những năm cán bộ và nhân dân xã Dương Phong thực hiện đường lối đổi mới cơ chế quản lý kinh tế theo Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI và VII. Đây cũng là những năm mọi hoạt động kinh tế - xã hội ở Dương Phong có nhiều bước tiến mới. Sản xuất nông nghiệp thực hiện theo Nghị quyết số 10 của Bộ Chính trị đã khơi dậy tiềm năng, sức mạnh của nhân dân địa phương. Các hoạt động văn hóa, giáo dục, y tế ngày càng mở rộng, đáp ứng nhu cầu của nhân dân. Lĩnh vực quốc phòng - an ninh tạo ra những điều kiện cần thiết nhằm giữ vững ổn định chính trị. Công tác xây dựng Đảng, chính quyền và các đoàn thể nhân dân có nhiều tiến bộ, trình độ, phẩm chất của đội ngũ lãnh đạo ngày càng nâng cao, góp phần tập hợp, đoàn kết, tổ chức hướng dẫn nhân dân triển khai thực hiện công cuộc đổi mới toàn diện, đưa quê hương Dương Phong ngày càng phát triển hơn.

Đến nay, tôi vẫn nhớ một lần tôi đi ra biển ở vùng biển
đông bắc Việt Nam, nơi tôi đã sống trong một thời gian dài.
Đó là một vùng biển rất đẹp, với những bãi cát trắng mịn
và những làn nước trong xanh. Tôi đã được tận mắt chứng
đ kiến được vẻ đẹp của biển cả.

Tôi vẫn nhớ một lần tôi đi ra biển ở vùng biển
đông bắc Việt Nam, nơi tôi đã sống trong một thời gian dài.
Đó là một vùng biển rất đẹp, với những bãi cát trắng mịn
và những làn nước trong xanh. Tôi đã được tận mắt chứng
đ kiến được vẻ đẹp của biển cả.

Chương V

XÂY DỰNG QUÊ HƯƠNG DƯƠNG PHONG PHÁT TRIỂN TRONG THỜI KỲ CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA, BƯỚC ĐẦU THỰC HIỆN XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI (1996-2015)

I. TIẾP TỤC ĐẨY MẠNH CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI, XÂY DỰNG QUÊ HƯƠNG PHÁT TRIỂN TRONG THỜI KỲ MỚI (1996-2005)

1. Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã lần thứ XV (1996-2000)

Phấn khởi trước những kết quả đạt được sau 10 năm thực hiện đường lối đổi mới (1986-1995), Đảng bộ và nhân dân xã Dương Phong vững bước tiến vào thời kỳ đẩy mạnh hội nhập kinh tế - xã hội, tiếp tục công cuộc xây dựng và đổi mới quê hương ngày càng mạnh giàu.

Dưới sự chỉ đạo của Huyện ủy Bạch Thông, trong hai ngày 6 và 7-01-1996, Đảng bộ xã Dương Phong tổ chức Đại hội Đảng bộ nhiệm kỳ 1996-2000. Đại hội đã tiến hành kiểm điểm, đánh giá kết quả đạt được, chỉ rõ những hạn chế còn tồn tại trong nhiệm kỳ trước. Trên cơ sở đó, Đại hội đề ra phương hướng, nhiệm vụ trong nhiệm kỳ 1996-2000 là: tập trung phát triển sản xuất, giữ vững an ninh chính trị, xây dựng công tác quân sự địa phương, đẩy

mạnh hoạt động văn hóa - xã hội, làm tốt công tác xây dựng Đảng, chính quyền, xây dựng các tổ chức đoàn thể vững mạnh, tăng cường thực hiện xóa đói, giảm nghèo.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ nhiệm kỳ 1996-2000 gồm 7 đồng chí¹: Nguyễn Ngọc Phàn, Nguyễn Đình Dao, Đặng Văn Đăng, Lường Văn Lục, Nguyễn Hữu Mạnh, Lường Văn Diễn, Nguyễn Văn Thứ. Đồng chí Nguyễn Ngọc Phàn được bầu giữ chức Bí thư Đảng ủy, đồng chí Nguyễn Đình Dao làm Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân², đồng chí Lường Văn Diễn làm Thường trực Đảng ủy³.

Để thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ nhiệm kỳ 1996-2000, Đảng ủy xã lãnh đạo các ban ngành, đoàn thể và nhân dân trong toàn xã ra sức thi đua lao động sản xuất, công tác trên các lĩnh vực, nhằm đạt được các mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ đã đề ra. Quán triệt Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII⁴, thực hiện nhiệm vụ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã nhiệm kỳ

1. Trích Quyết định số 153-QĐ/BT Về việc chuẩn y cấp ủy cơ sở nhiệm kỳ 1996-2000.

2. Từ tháng 11/1998 đến 12/1999, đồng chí Nguyễn Hữu Mạnh giữ chức quyền Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã.

3. Từ năm 1999, đồng chí Trần Duy Thân thay đồng chí Lường Văn Diễn làm Thường trực Đảng.

4. Từ ngày 28-6 đến 1-7-1996, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng đã tổng kết thành tựu 10 năm đổi mới, đưa đất nước bước vào thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Đại hội đề ra kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trong 5 năm 1996-2000 và mục tiêu đến năm 2020 phấn đấu đưa nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp.

1996-2000 đề ra, Đảng bộ và nhân dân xã Dương Phong đã phát huy những thuận lợi cơ bản của địa phương. Đồng thời Đảng bộ lãnh đạo nhân dân nỗ lực phấn đấu, cố gắng vượt qua mọi khó khăn, thực hiện thành công các nhiệm vụ trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa - xã hội.

Trong sản xuất nông nghiệp, nhằm đảm bảo điều kiện thuận lợi để phát triển, Đảng bộ và chính quyền xã tập trung lãnh đạo đầu tư, tu bổ hệ thống tưới tiêu, áp dụng đồng bộ và tích cực nhiều giải pháp nâng cao năng suất như: chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, tiếp thu giống lúa mới có năng suất cao về địa phương, phổ biến khoa học - kỹ thuật, làm tốt một số khâu dịch vụ thủy nông, giống mới, bảo vệ thực vật, động viên nhân dân sử dụng hết diện tích canh tác. Nhờ vậy, hoạt động sản xuất nông nghiệp của xã có sự chuyển biến trên cả ba mặt: diện tích, năng suất và sản lượng. Diện tích gieo cấy tăng đều qua các năm, từ 139,3ha (năm 1996) tăng lên 170,49ha (năm 2000); năng suất lúa bình quân 2 vụ tăng từ 38 tạ/ha (năm 1996) lên 47 tạ/ha (năm 2000); sản lượng năm 1996 đạt 371,24 tấn, đến năm 2000 đạt 534,5 tấn; bình quân lương thực đầu người tăng từ 276 kg /năm lên 360 kg /năm.

Công tác chăn nuôi được Đảng bộ đặc biệt quan tâm, tính đến năm 2000, tổng đàn trâu bò là 678 con, dê có 27 con, đàn lợn là 605 con và đàn gia cầm có gần 5.000 con. Đặc biệt, nhiều hộ gia đình từng bước phát triển mô hình chăn nuôi tập trung, đem lại hiệu quả kinh tế cao, đời sống được cải thiện.

Cùng với nông nghiệp, ngành lâm nghiệp của xã cũng thu được nhiều kết quả tích cực, diện tích rừng trồng mới

tăng từ 43,8ha (năm 1996) lên 75,8ha (năm 2000). Trong đó, diện tích rừng trồng theo Dự án 327 đạt 106% so với kế hoạch được giao. Chủ trương giao đất, giao rừng cho người dân hàng năm đều đạt kế hoạch đề ra. Diện tích đất trồng đồi trọc được phủ xanh ngày càng nhiều, nạn chặt phá rừng được giảm thiểu.

Thực hiện Nghị quyết của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII “Về việc nâng cấp, cải tạo, mở rộng và xây mới có trọng điểm kết cấu hạ tầng kinh tế, trước hết là những khâu yếu kém cản trở sự phát triển”. Đảng ủy và chính quyền xã chú trọng công tác xây dựng cơ sở hạ tầng nhằm phục vụ cho công cuộc phát triển kinh tế địa phương. Trong 5 năm (1996-2000), số vốn đầu tư cho xây dựng cơ sở hạ tầng của xã tăng đều qua từng năm. Với nguồn vốn từ ngân sách Nhà nước kết hợp với kinh phí địa phương, Đảng bộ và nhân dân trong xã đã tiến hành xây dựng và hoàn thành một số công trình cơ sở hạ tầng như: nâng cấp Trạm y tế xã (năm 1998), mua sắm trang thiết bị y tế (năm 1996 và 1999) với giá trị 29,3 triệu đồng; xây dựng công trình thủy lợi có trang bị máy bơm (năm 1996 và 1998); xây dựng được 14 phòng học và 2 nhà hiệu bộ (năm 1998 và 1999); xây dựng cầu treo bản Mún; xây dựng 3 trạm điện lưới Quốc gia kéo điện về một số thôn trong xã. Các công trình cơ sở hạ tầng hoàn thành đã góp phần thay đổi diện mạo quê hương, cải thiện đời sống sản xuất và sinh hoạt của bà con. Qua đó, nhân dân ngày càng tin tưởng vào đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Về giáo dục, dưới sự lãnh đạo của Đảng ủy xã, các cấp ban, ngành và nỗ lực của giáo viên và học sinh, chất lượng